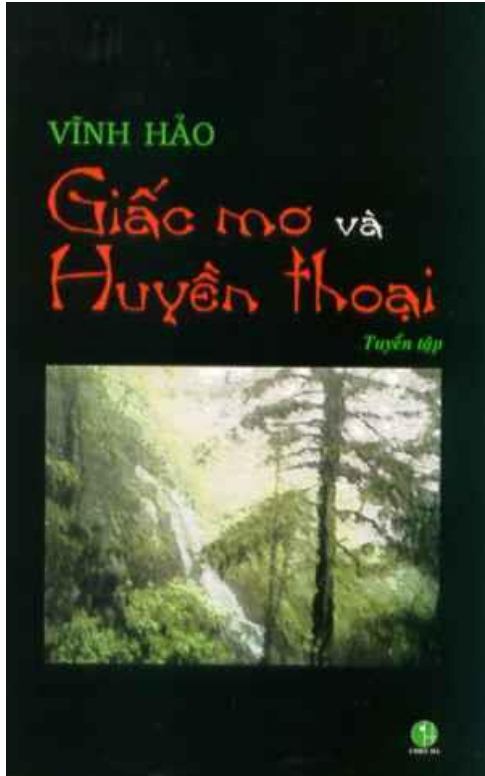


VĨNH HẢO



GIẤC MƠ và HUYỀN THOẠI

Vĩnh Hảo

VĨNH HẢO

GIẤC MƠ VÀ HUYỀN THOẠI

Tuyển tập của Vĩnh Hảo

Bìa do Chiêu Hà Books trình bày

Chiêu Hà xuất bản lần đầu, năm 2001

California, Hoa Kỳ

Copyright © 2001 by Hao Vinh

All rights reserved

First edition

Printed in the United States of America

VĨNH HẢO

MỤC LỤC

TỰA

ĐIỆP KHÚC YÊU EM

ĐƯỜNG LÊN NÚI LINH

BÚT KÝ CỦA MỘT NHÀ THƠ-ĐIÊN

LÒ ĐÚC

QUỲNH HOA

NỤ CƯỜI

THUỞ HỒNG HOANG

MỘT CHUYẾN TÀU

TỰA

Đây không phải là tuyển tập của những truyện dài viết ngắn mà là những truyện ngắn viết dài bằng cái hơi ngà ngà chuẩn choáng của một kẻ chưa hề say rượu bao giờ, nhưng say men đời qua những giấc mơ và huyền thoại. Say rượu, hay say men đời, có khi do chính mình chủ động, có khi do những người khác thúc ép, khích động, cổ võ, và đôi khi, dụ dỗ. Say rượu, dù gì cũng dễ chịu hơn vì chỉ có tính cách giai đoạn. Hết men rượu thì tỉnh lại. Nhưng say trong giấc mơ và huyền thoại thì khổ lắm: kéo lê cả đời mình trong những ảo tưởng. Cái đó không đổ lỗi cho ai được. Chỉ có thể coi như là một thứ đồng phạm, hay một thứ nghiệp dĩ mà con người, ở bất cứ thời gian và nơi chốn nào, phải gánh chịu khi hiện hữu trên đời.

Giấc mơ và Huyền thoại chẳng qua chỉ là kết quả thoát thai từ những chuỗi dài đốn đau cùng khổ của tâm thức con người. Một vài điều viết ra trong tuyển tập có thể làm buồn lòng một số người vì đã nêu bật một cách phũ phàng những mặt trái của sự thật, của thần tượng và những lý tưởng thời thượng. Nhưng dù gì thì đây vẫn là một tập truyện hư cấu. Giả như có một sự trùng hợp nào về nhân danh, địa danh, hoàn cảnh riêng, lý tưởng chung, tâm thức riêng, niềm tin chung... thì chẳng qua

VĨNH HẢO

cũng chỉ là sự trùng hợp hư huyền trên những điều vô cùng hư huyền của cuộc đời.

Tác phẩm tự nó không yêu cầu được thừa nhận, cũng không thách thức sự phủ nhận nào; cho nên, bạn không cần phải ra sức bênh vực hoặc loại trừ nó—bởi vì chính nó đã tự quyết định số phận của nó rồi: *giấc mơ và huyền thoại*.

California, tháng 01, năm 2001

Vĩnh Hảo

Điệp khúc yêu em

Hắn xuất hiện ở đâu, người ta đứng dậy vỗ tay chào đón âm ĩ. Nơi nào hắn đến, nơi đó rộn ràng lên và hắn luôn luôn trở thành trung tâm của đám đông, thượng khách của tất cả những cuộc nhóm họp.

Hắn, một con người đa năng, phi thường trong lĩnh vực xướng âm, ca hát, nhái giọng và một chút khôi hài trong cung cách biểu đạt bằng ngôn ngữ. Hắn có thể nhái giọng của bất cứ ai, bất cứ con người hay súc vật, thậm chí chim chóc, côn trùng... nói chung là bất cứ âm thanh nào do bất cứ thứ động vật nào phát ra hắn đều có thể nhái lại y hệt. Sự kiện này không phải chỉ đơn giản là nhờ cái thanh quản đặc biệt. Mọi người đều hiểu rằng hắn phải có một trí nhớ phi thường thế nào đó để lưu giữ những âm thanh hắn nghe được; đến khi cần, hắn lôi cái âm thanh đó ra, phát lại y hệt. Không phải chỉ nhái giọng, hắn còn có khả năng giả giọng nữa. Nhái giọng chỉ là lặp lại giọng nói đã nghe, còn giả giọng thì dựa vào giọng nói của một người rồi nói ra được cả những lời mình chưa hề nghe người ấy nói bao giờ.

Chưa hết, không những nhái giọng, giả giọng, hắn còn có khả năng phi thường về ngôn ngữ. Hắn học ngoại ngữ rất nhanh, phát âm rất chuẩn, giả giọng rất giống theo từng địa phương. Có điều chính hắn lại không thích nhồi vào đầu những ngôn ngữ nước ngoài làm gì đấy thôi. Hắn thích cái trò nhái giọng và giả giọng hơn. Vì

VĨNH HẢO

những trò này không tốn nhiều thời gian tập luyện, không bắt hẳn phải ghi nhớ mà lại thường làm khán thính giả sững sốt hoặc cười rộ. Chỉ trong vòng vài năm, hẳn trở thành một nghệ sĩ có mặt khắp các sân khấu của cộng đồng người Việt tại hải ngoại, trở thành một danh hề, vừa là một ca sĩ tổng hợp tất cả giọng của các ca sĩ lừng danh. Thỉnh thoảng, với sự cố vấn của ông bầu, hẳn còn bắt chước cả giọng hát các ca sĩ lẫy lừng của Mỹ, giọng nam lẫn giọng nữ. Hẳn giả giọng của mỗi ca sĩ, từ thế hệ già của thập niên 60 và 70, đến thế hệ trung niên của thập niên 80 – 90, cho đến thế hệ trẻ mới nổi tiếng đầu thiên kỷ. Hẳn hát những bản ăn khách nhất của họ là hẳn thành công, hốt bạc. Nào là giọng của Elvis Presley, Paul McCartney, Lobo, Phil Collins, Bob Dylan, Mick Jagger, Elton John, Paul Anka, Garth Brooks... cho đến giọng nữ như Barbara Streisand, Gloria Esteffan, Madonna, Whitney Houston, Shanai Twain, Maria Carrey, Toni Braxton, Faith Hill, Jewel, Jennifer Lopez, Christina Aguilera, Britney Spears, Dido...

Hẳn tên là Năm. Nguyễn văn Năm. Một cái tên bình thường, chẳng gì đặc biệt đối với xã hội Việt Nam. Một cái tên mà khi đọc lên, người ta liền có ấn tượng là người mang tên ấy xuất thân từ miền quê, nếu không vậy thì cũng từ một gia đình ít học, hoặc từ một gia đình vẫn còn niềm tin rằng đặt tên xấu cho con thì sẽ dễ nuôi hơn, không bị ông bà tổ tiên bắt đi.

Hẳn ít học. Chỉ vừa lên trung học hai năm thì phải ngưng ngang. Cuộc sống của hẳn bị đóng khung ở vùng quê với ruộng vườn, bò trâu, gà vịt, chim chóc, con cò, con diệc, con mễnh, con mang... Thế giới của hẳn là từ khoảnh sân nhỏ phía sau mái nhà tranh dẫn đến ruộng, ngang qua một khoảnh rừng nhỏ đầy tre gai. Trường học

và bạn bè của hắn càng lúc càng xa. Ngôi trường nhỏ năm ấy không còn nữa, muốn học lớp cao hơn phải lên tận huyện. Ba má hắn thấy chuyện học chẳng thiết thực mà cũng chẳng mang lại lợi ích gì cho đời hắn nên bảo hắn nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình làm ruộng. Vả chẳng, xong bậc tiểu học và hai năm trung học đối với dân ruộng ở đây thì cũng là khá lắm. Vậy rồi loanh quanh lẩn quẩn sáng ra đồng, tối về nằm nghe cải lương trước khi ngủ, thoát cái hắn trở thành thanh niên, một chàng trai vạm vỡ, cục mịch nhưng hiền lành, ngây ngô như một đứa con nít.

Đứa con nít đó, mỗi lần thanh niên nam nữ trong xóm ấp tụ tập để ca hát vui chơi, cũng biết góp mặt làm trò cười bằng tiết mục nhái giọng, trình diễn trước đám đông rất dạn dĩ, nhưng phải lòng một thiếu nữ láng giềng thì chẳng bao giờ dám nghĩ. Cứ thấy cô ta là lủi mất, rồi lại đứng núp mà ngó theo, ngó theo. Cho đến một hôm bị cô ta dí vào nơi không chạy được nữa, mới chịu đứng lại nói chuyện.

“Anh trốn tui hả?”

“Đâu... đâu có,” hắn ấp úng đáp.

“Anh đi theo tui này giờ phải không?”

“Đâu phải, tại tui cũng đi ra ngõ đó mà...”

“Í, áo anh sao đứt hột nút ở đây vậy? Bị cô nào níu phải không?”

“Đâu có, đâu có... không có ai níu đâu.”

“Hi hi, nói giỡn đó mà. Anh muốn đi với tui ra ngoài ruộng không? Ruộng anh đã cho nước vào chưa?”

“Tát vào hôm qua rồi. Còn của nhà chị... Lộc thì sao hả? Chưa tát tui đi tát giùm cho.”

“Chưa. Hôm nay tát. Bộ tui lớn lắm hả sao kêu tui bằng chị?”

VĨNH HẢO

“Tại vì... tại vì...”

“Thôi anh ơi, khỏi tại với bị gì hết. Đi, đi ra ruộng không?”

“Đi chớ.”

Năm theo Lộc ra ruộng, giúp tát nước vào ruộng của cô. Bằng cái gàu đan bằng tre với bốn sợi dây, hai sợi cột trên miệng gàu, hai sợi cột dưới đất gàu, chia làm hai bên; hai người hai phía bờ ao, mỗi người nắm mỗi tay một quai, theo nhịp mà kéo nước từ ao, tát vào ruộng. Ban đầu thì Lộc hò, khi cô hết hơi thì Năm tiếp. Anh hò cả hai giọng, giọng nam rồi giọng nữ, nghe rất thú vị và đôi khi buồn cười. Lộc vừa tát nước vừa cười ngật nghẻo, có khi phải ngừng tát, ngồi xuống bờ ao. Họ thân với nhau từ hôm ấy.

Một ngày sáng trăng, họ đi xem cải lương chung. Trên đường về ấp, họ nắm tay nhau lần đầu. Trước khi chia tay ở đầu ngõ, họ nói lời thương nhau.

“Tui thương anh lắm anh có biết không?”

“Có, có biết.”

“Vậy chứ anh thì sao?”

“Tui cũng thương... nữa.”

“Nói cho rõ ràng một chút được hôn?”

“Tui thương... em.”

“Không được, nói lại đi.”

“Anh... thương... em...”

Lộc cười sung sướng.

“Em cũng thương anh nữa. Thôi anh về đi, em vào ngủ nghen.”

Năm sau họ làm đám cưới. Đám cưới đơn giản chỉ có vài người thân trong gia đình, nhưng hàng xóm thì kéo đến thật đông. Lúc đó, ba Lộc đang ở tù cải tạo.

Một năm sau đám cưới của Lộc, ba nàng ra tù được

đi Mỹ với diện H.O. Ba má Lộc và hai em đi trước. Lộc và Năm qua sau vì ban đầu chính Năm không chịu đi, muốn ở lại để còn có cơ hội chăm sóc mẹ già...

“Hơn nữa... em không biết đâu, anh yêu mảnh vườn mảnh ruộng của mình biết bao. Anh yêu con đường đất đỏ này biết bao. Có quá nhiều chuyện đẹp của hai đứa mình xảy ra ở đây, trong ấp này... anh không bỏ đi được đâu,” Năm giải thích với vợ để được ở lại.

Lộc chiều chồng, ở lại, sinh một đứa con, rồi hai đứa con, rồi cuối cùng qua thư từ và hình ảnh, thấy ba má sống bên Mỹ thoải mái quá, hai em ăn học thành công quá, Lộc muốn đưa chồng con đi. Lộc tìm mọi cách thuyết phục Năm. Thuyết phục mãi cho đến sau khi mẹ Năm mất một thời gian khá lâu, Năm mới đồng ý với vợ, quyết định lên đường.

Ba của Lộc vẫn có ý coi thường Năm ít học, là thứ nông dân dốt nát cục mịch, may mắn cưới được con gái mình. Ông cứ cằn nhằn phiến trách vợ mãi về chuyện gả Lộc cho Năm lúc ông còn trong trại cải tạo ngoài Bắc. Ông nói nếu có ông ở nhà thì con ông đâu có lấy thằng chồng tệ đến thế.

“Ông tưởng ông ở nhà thì mọi chuyện sẽ đổi khác đi à? Tui sợ không phải như vậy. Chính nhờ ông ở tù, khổn khổ, cơ cực, tủi nhục bao nhiêu ngày tháng trong đó nên mới được đền bù như ngày hôm nay,” má Lộc nói với chồng như thế.

“Đền bù cái chuyện xuất ngoại, cho con cái học hành nên danh nên phận, chứ đâu phải được đền bù lấy cái thằng nông dân ấy!”

“Suyt, đừng có nói vậy nữa mà, hai em nó nghe được... sau này nó bắt chước cha nó, cứ khinh miệt anh rể, tội nghiệp người ta. Cái số con Lộc đã như thế, sửa

đổi thế nào được. Dù gì thì hai đứa nó cũng đã hạnh phúc, có con với nhau. Thăng Năm cũng thương chiều vợ, biết lo cho con, lại hiếu thảo với mẹ nó, hiếu thảo với cha mẹ vợ nữa, vậy là tốt rồi, còn đòi hỏi chi nữa. Lỡ như con Lộc lấy phải thằng chồng có ăn học nhưng tính nết, tư cách, tâm tình chẳng ra chi thì nó còn khổ hơn. Vả lại, con Lộc cũng học hành hơn thằng Năm bao nhiêu đâu! Thăng Năm học xong lớp 7, con Lộc cũng mới hết lớp 9 thì nghỉ mất rồi.”

“Xì, bà nói sao thì nói, chứ tui vẫn thấy ảm ức, tức giùm cho con nhỏ làm sao ấy! Phải chi nó cứ ở vậy, qua đây tiếp tục đi học như hai thằng em thì hay biết mấy...”

“Làm sao biết được ngày nào ông về mà chờ đợi... Huống chi, cái chuyện tình cảm của tui nó, đâu có chờ đợi mãi. Mình phải thương, phải hiểu hoàn cảnh của nó chứ. Thử tưởng tượng đi, ở cái ấp buồn xo ấy, quanh năm suốt tháng không có lấy một niềm vui, không có bất kỳ một trò chơi giải trí nào... không lẽ cứ để cho con mình chôn vùi tuổi xuân của nó trong công việc đồng áng? Ông không biết đâu... chính vì nhớ thương ông, bao năm vò võ một thân một mình nuôi con ở nơi chốn đói khổ cần khô ấy, tui mới cảm thông được nỗi trống trải, cô đơn, buồn tẻ của tâm tình con người nơi ấy... Ôi, ngày này qua tháng nọ chỉ có gió hú, ve kêu, mưa dầm, đất nhão, nắng gắt, bụi mù... đôi khi giật mình giữa đêm, nghe một nỗi gì đau quặn trong lòng, cô liêu, thê thiết lắm. Có khi tưởng chừng không sao chịu đựng được nữa. Có khi muốn điên lên. Có khi chỉ muốn chết đi. Ở những nơi ấy, không có tình yêu thì không sống nổi đâu ông ạ. Chỉ nhờ tình yêu mà con người ở đó vẫn còn là con người.”

“Được rồi, được rồi, tôi hiểu, tôi hiểu, đừng khóc

nữa bà. Nín đi kéo tụi nhỏ cười.”

Vậy mà cái thằng ít học ấy, chỉ vài năm bập bẹ đi học tiếng Anh trong các lớp đặc biệt dành cho người lớn tuổi nước ngoài, đã thoát cái, chuyển vận, trở thành đại nghệ sĩ, chẳng cần bất cứ thứ vốn liếng nhà trường nào, cũng chẳng cần bằng cấp hay nghề nghiệp chuyên môn nào để kiếm sống. Hấn giàu to thoáng chốc. Tậu một dinh thự to lớn cho mình và vợ con. Tậu luôn căn nhà nhiều phòng cho ba mẹ vợ. Tặng hai em vợ hai chiếc xe láng lẩy để đi học. Tiền vào như nước. Tiền ra cũng như nước. Bàn bẻ càng lúc càng đông. Hấn rộng tay chi xài, giúp đỡ vốn liếng làm ăn cho hết người này đến người nọ khiến cho nhiều gia đình cũng được phát lên. Hấn còn biết giúp tiền cho các cơ quan từ thiện xã hội, các cơ sở tôn giáo, giúp người tàn tật, nghèo đói, thiên tai ở Việt Nam, ở Phi châu, ở Nam Mỹ, ở Ấn Độ... bất cứ nơi đâu có vận động giúp người đói khổ, hấn đều vui vẻ ký ngân phiếu gửi tới.

Gia đình vợ, bà con bên vợ, cho đến những họ hàng xa của vợ hay của hấn, không còn dám khinh thường hấn nữa. Hấn bây giờ trở thành con người của đám đông, của quần chúng. Ai ai cũng biết mặt, biết tên hấn cả. Thành công rực rỡ như vậy, hấn vẫn hiền lành, dễ thương, vui vẻ, hòa hoãn với mọi người như hôm nào còn ở ruộng rẫy. Không ai gặp hấn mà không vui lên. Hấn luôn mang đến niềm vui cho kẻ khác, niềm vui vật chất hay niềm vui tinh thần.

Chỉ có một điều hấn không bao giờ hiểu nổi là Lộc, vợ hấn, tại sao vẫn không được hạnh phúc hoàn toàn như hấn nghĩ. Cô ta không bao giờ ngăn cản những điều hấn làm. Cô ta luôn khuyến khích hấn thực hiện những điều tốt, những điều mà cô nghĩ là mang lại

phước đức cho gia đình, con cái. Có thể nói rằng những điều công ích mà hắn đóng góp cho đời đa phần đều do sự hướng dẫn và khích lệ của vợ. Nhưng thỉnh thoảng, Năm lại thấy vợ buồn so. Đôi mắt nàng chìm sâu xuống với một nỗi buồn lạ lùng, mang mang.

“Em có điều gì buồn hả?”

“Không, không có.”

“Em không thích anh làm chuyện ấy hả?”

“Không, em thích chứ.”

“Chứ sao... mặt em thấy buồn quá vậy?”

“Anh thấy được sao?”

“Ừ, trong mắt em đó.”

“Nó như thế nào?”

“Như là em đang tìm kiếm, chờ đợi... một cái gì.”

Lộc im không nói. Nhiều lần Năm gắng hỏi mà vẫn không có câu trả lời.

“Em không biết nữa. Em thật khó nói cái cảm giác của em. Em biết, chúng ta đã cố tất cả mọi thứ và chúng ta có nhau. Nhiều người ước ao có được hoàn cảnh như chúng ta. Nhưng mà... sao em vẫn thấy thiếu cái gì đó, không hiểu nổi. Em đang cố gắng tìm cho ra cái điều đó. Có lẽ một lúc nào đó em cũng sẽ tìm thấy thôi. Lúc đó, chắc em sẽ không còn buồn nữa đâu. Nhưng anh à, chỉ là chuyện nhỏ thôi. Mọi thứ ở đây, trong cuộc sống này, đều thoải mái. Em không dám đòi hỏi gì hơn nữa.”

Lộc nói vậy, nhưng rồi càng lúc nàng lại càng buồn nhiều hơn. Ăn uống ít lại. Ngủ ít lại. Nói ít lại. Mọi thứ đều không còn gì là quan trọng đối với nàng nữa. Nàng đi đứng nằm ngồi, sống và hít thở cái không khí tiện nghi trong ngôi biệt thự của một phu nhân giàu có mà vẫn cứ thần thờ thần như người mất hồn. Năm giục vợ đi bác sĩ gia đình, rồi bác sĩ tâm thần. Không thay đổi được gì.

Nàng vẫn buồn. Càng lúc càng lặng lẽ, ít nói và càng giống người bệnh hơn. Xanh xao, gầy mòn. Đôi mắt lạc thần. Đôi mắt của người đang tìm kiếm, chờ đợi một cái gì quay lại với mình. Năm lo sợ, chạy đôn chạy đáo, tìm bác sĩ tây-y, đông-y, thầy pháp, thầy bói... ai cũng nghĩ mình có thể chữa trị được, cũng khám, nói chuyện, cho toa, cho lời khuyên... nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Lộc vẫn cứ ngồi thờ, buồn tui ngủ như người nghèo bị mất trộm.

“Em ơi, em có biết không? Em là tất cả vốn liếng của đời anh đó. Cho dù anh có ngồi trên đồng vàng, tự hào trên núi danh vọng... nhưng mất em, mất nụ cười và niềm vui của em, là anh mất tất cả đó. Em nói đi, nói anh nghe em muốn gì. Em cần gì, thiếu gì, cứ nói anh nghe, chân trời góc biển nào anh cũng sẽ tìm về đây cho em. Nói đi, nói đi em. Anh sẵn sàng chịu mất tất cả, vứt hết tất cả, chỉ để giữ lại mình em cho đời anh. Chỉ một mình em thôi, là đầy đủ, là hạnh phúc cho anh rồi.”

Nàng chớp chớp đôi mắt, long lanh ngấn lệ. Năm thấy vậy thì hơi mừng. Nghĩ rằng nàng vẫn còn cảm giác đối với tình yêu của mình. Nghĩ rằng có thể những lời của mình đã gợi ý cho nàng tìm ra cái gì nàng thiếu. Nhưng rồi, nàng vẫn không nói gì cả.

Bây giờ người ta đã bắt đầu đồn đãi rằng vợ của nhà đại nghệ sĩ bị mắc bệnh tâm thần. Năm giảm bớt những buổi trình diễn để quanh quẩn ở nhà với vợ, chờ đợi nàng nói, chờ đợi nàng cười.

Cho đến một đêm, Năm về trễ. Không dám làm động giấc ngủ của vợ, Năm nằm ngủ ở sofa phòng khách. Trần trọc một lúc, trầm tư về cuộc sống của mình với người vợ đang bệnh, Năm thiếp đi một cách mệt mỏi. Bất chợt, Năm giật mình, thấy vợ ngồi kế bên. Bàn tay của Lộc đang áp trên má hắn. Hắn sung sướng nắm

lấy tay vợ, ngồi chồm dậy:

“Em, em... không ngủ hả? Em có điều muốn nói với anh phải không?”

Lộc gật gật cái đầu. Trong bóng đêm, mái tóc nàng xõa xuống hai bên vai làm nổi bật khuôn mặt trắng bệch.

“Em nói anh nghe đi. Em buồn điều gì? Em thấy thiếu cái gì, nói đi. Anh sẽ lập tức mang cái đó về cho em bằng mọi giá.”

Lộc lắc đầu. Ngồi im một lúc, nàng bắt đầu thủ thỉ:

“Anh có biết em thương anh nhất lúc nào không?”

“Ừ... lúc anh âu yếm em... phải không?”

“Không phải.”

“Lúc anh vui cười, nắm tay dắt em đi giữa phố chợ.”

“Không phải. Những cái đó là trong hiện tại. Em muốn nói cái hình ảnh đẹp ở quá khứ kia.”

“Quá khứ à? Từ lúc mới qua Mỹ, hay lúc còn ở Việt Nam?”

“Còn ở Việt Nam.”

“Vậy thì khoảng thời gian hai đứa mới quen nhau chứ gì. Có phải lúc anh giả giọng bà Thanh Thanh, hát mấy bản nhạc tiền chiến kéo nhựa cả tiếng đồng hồ không?”

“Cái đó thì chỉ vui vậy thôi, cái vui cho đám đông, đâu phải cho riêng em.”

“Vậy chứ cái gì, em nói đại đi, anh đâu có nhớ hết được.”

Lộc im.

“Xin lỗi em, để anh nói, để anh nhớ coi nào. Có phải lúc em chận anh lại, hỏi anh có phải anh đang theo em không?”

Lộc lắc đầu.

“VẬY CÓ PHẢI LÚC HAI ĐỨA ĐI XEM CẢI LƯƠNG VỀ... chia tay nhau, em nói em thương anh, anh cũng nói anh thương em, phải không?”

Lộc gật đầu nhiều cái. Năm sung sướng nói tiếp:

“THẬT VẬY HẢ, EM CHỈ NHỚ, CHỈ MONG, CHỈ MUỐN ÔN LẠI CÁI KỶ NIỆM ĐÓ THÔI HẢ?”

“KHÔNG PHẢI CHỈ LÀ CÁI KỶ NIỆM ĐÓ MÀ LÀ CÁI GIỌNG NÓI CỦA ANH LÚC ẤY.”

“LÀ SAO? ANH KHÔNG HIỂU.”

“CÁI GIỌNG NÓI CỦA ANH LÚC ẤY... NÓ CHÂN TÌNH, NGÂY NGÔ, TRUNG HẬU, DỄ THƯƠNG, HỒN NHIÊN LẮM, ANH CÓ BIẾT KHÔNG?”

“Ồ... CHỈ VẬY THÔI SAO? ANH ĐÃ NÓI GÌ HÁ, À, ANH NÓI ‘TUI THƯƠNG EM’ RỒI SAU ĐÓ ANH NÓI ‘ANH THƯƠNG EM’... PHẢI KHÔNG?”

“PHẢI, NHƯNG CÁI GIỌNG LÚC ĐÓ LÀ CÁI GIỌNG THẬT CỦA ANH, CÒN BÂY GIỜ ĐÓ HẢ, ANH CHỈ NÓI VỚI EM BẰNG CÁI GIỌNG CỦA NGƯỜI KHÁC MÀ THÔI. MỖI NGÀY, MỖI NGÀY, EM CỐ GẮNG LẮNG NGHE, ĐỂ TÌM LẠI CÁI GIỌNG NGÀY XƯA CỦA ANH, NHƯNG EM THẤY ANH KHÔNG CÒN NÓI BẰNG CÁI GIỌNG ĐÓ NỮA. GIỌNG CỦA ANH BÂY GIỜ LÀ GIỌNG CỦA NGƯỜI KHÁC. ÔI, ANH CÓ BIẾT KHÔNG, CHO DÙ LÀ GIỌNG VÀNG, GIỌNG BẠC, GIỌNG CỦA VUA, CỦA TỔNG THỐNG, CỦA SIÊU SAO MÀN BẠC, CỦA CA SĨ LỪNG DANH... CỦA BẤT CỨ THƯỢNG ĐẾ, THIÊN THẦN, THIÊN SƯ, TRIẾT GIA, NHÀ VĂN, NHÀ THƠ NÀO ĐI NỮA... THÌ VẪN LÀ GIỌNG GIẢ THÔI, VẪN LÀ GIỌNG CỦA HỌ THÔI. HÀNG NGÀY ANH MANG NHỮNG NGƯỜI ẤY, HẾT NGƯỜI NÀY TỚI NGƯỜI KIA, MANG VỀ NHÀ NÀY, ĐỂ SỐNG CHUNG TRONG CĂN NHÀ NÀY. ÔI, CĂN NHÀ ĐẦY ẤP NHỮNG THƯỢNG KHÁCH. EM THẬT LÀ MỆT VỚI NHỮNG HÌNH BÓNG CỦA CÁC NGƯỜI LỪNG DANH NỔI TIẾNG. HỌ THẬT XA LẠ ĐỐI VỚI EM, CHẴNG CHO EM CHÚT THOẢI MÁI NÀO

cả. Em không phủ nhận tất cả những thành công của anh lâu nay là do nhờ anh giả được cái giọng của họ y hệt, nhưng đó là trên sân khấu, còn ở đây, trong căn nhà này, trong đời sống hàng ngày bên nhau, em chỉ cần anh, cần cái giọng thật của anh, cái giọng mà hôm nào dưới trăng anh đã ấp a ấp úng nói lời tỏ tình đầu tiên với em... Em chỉ cần có chừng đó thôi. Em chỉ cần cái giọng một trăm phần trăm của anh, không bắt chước, không nhái, không giả, không cóp nhặt, không vay mượn của bất cứ ai trên đời. Anh cho em đi, anh hãy tìm lại giọng nói ấy cho em đi. Em van anh, hãy tìm lại cái giọng ấy cho em, đừng đánh mất nó. Anh đánh mất nó thì làm sao em tìm thấy nó được nữa, hu hu...”

“Được rồi, được rồi... để anh nói lại giọng của anh, để anh nói lại...”

“Không, giọng đó không phải của anh, của ca sĩ Vũ Linh.”

“Để xem, à giọng của anh đây rồi.”

“Không phải, đó là giọng của cựu Trung tướng Nguyễn Minh.”

“Từ từ, chịu khó một chút em ơi, đây nè, giọng anh như vậy nè, ‘anh thương em’.”

“Không phải, giọng đó của ông nghị viên thành phố.”

“Anh thương em.”

“Không, giọng đó của nhà văn Phạm Tôn.”

“Anh thương em.”

“Không, của thi sĩ Bùi Lâm.”

“Anh thương em.”

“Không phải.”

“Anh thương em.”

“Không phải.”

“Anh thương em.”

...

...

Năm không thể nói lại được giọng nói cũ của hắn. Suốt ngày hắn đi ra đi vào cứ lảm bảm “anh thương em” mãi. Hắn không còn đi lưu diễn nữa. Báo chí nhắc đến hắn, nói châm chọc một câu rằng: “đại nghệ sĩ Nguyễn Văn Năm bận đi trình diễn show *Anh thương Em*.” Có báo nói rằng cả hai vợ chồng đại nghệ sĩ đều trở thành những bệnh nhân tâm thần.

Những bệnh nhân ấy, người thì lắng nghe, lắng đầu, tìm kiếm, chờ đợi; người thì cứ lảm bảm mãi một điệp khúc ‘*anh thương em*’. Điệp khúc ấy, mọi cặp tình nhân trên cuộc đời đều đã từng nói qua, nhắc qua, nhưng không phải ai cũng nói được bằng giọng thật của mình. ■

Đường lên núi Linh

Cách thị trấn năm dặm về hướng tây là một cánh rừng rậm bọc quanh một ngọn núi cao ngất. Ngọn núi sừng sững trấn ngự một phương trời như vị thần cô độc xa lánh trần gian. Dù rằng từ thị trấn đến chân núi chẳng xa là bao, dân trong thị trấn ít khi nào léo hánh đến vùng núi. Họ chỉ nhìn thấy ngọn núi từ xa và mỗi khi nhìn thấy thì trong lòng mỗi người như chỗi dậy một niềm kính tín thiêng liêng.

Không biết từ đời nào, người ta truyền miệng nhau hoặc dạy cho nhau về những linh nghiệm của ngọn núi, khiến cho từ thế hệ này đến thế hệ kia, đều nhìn ngọn núi với cánh rừng bao quanh ấy như là một vùng thánh địa. Muốn cầu nguyện việc gì, người ta không cần phải đến tận vùng thánh địa, cứ việc đứng trong nhà, thấp nhang hướng về núi ấy, van vái. Điều cầu nguyện của mỗi người có được đáp ứng hay không thì chẳng biết; chỉ biết xưa nay người ta cứ gọi núi đó là núi Linh, có người còn kiêng gọi chữ “núi”, chỉ dám gọi là “ông”: Ông Linh. Chưa bao giờ người ta thấy được một Ông Linh toàn vẹn. Suốt ngày đêm mây trắng và sương mù giăng kín hết nửa phần trên của núi, chỉ để lại phần chân núi xanh thẫm. Nửa phần chìm trong mây khói kia là cả một kho tàng của linh thoại.

Một trong những linh thoại được truyền cho nhau đã

trở thành như một sự thật, đó là trên đỉnh núi có một hang động rất lớn. Từ Phật Tổ Thích Ca, Nhị Tổ Ma Ha Ca Diếp, cho đến các vị Thánh tăng nhiều đời, ở khắp nơi, đều tập trung trong hang động đó. Mỗi ngày đức Phật đều thăng tòa thuyết pháp y như lúc còn tại thế. Linh thoại ấy từ nhiều đời, đã khiến cho nhiều người trong thị trấn không ngăn được hiếu kỳ, hoặc không kềm được nỗi khát vọng giải thoát giác ngộ, đã tìm cách băng rừng rồi leo lên ngọn núi ấy. Chẳng biết họ có gặp Phật gặp Tổ hay không. Chỉ thấy có nhiều người đi mà ít có người quay trở lại. Thảng hoặc có người từ núi Linh quay trở về, người ta xúm xít hỏi han thì chỉ được nghe một câu ngắn gọn: “Đâu có đường lên,” hoặc “chỉ thấy một nhà sư lúc ẩn lúc hiện,” hoặc “chỉ thấy mây giăng mù mịt”. Những câu trả lời đại loại như thế chỉ làm tăng thêm niềm tin về những linh thoại mà thôi. Cuối cùng, núi Linh vẫn là núi Linh, chẳng bao giờ và chẳng ai khám phá thêm được gì khác ngoài những chi tiết huyền hoặc tô vẽ thêm cho một kho tàng bí nhiệm vốn vượt khỏi tầm nhận thức và kinh nghiệm sống của con người trần tục.

Cho đến khi có hai nhà sư trẻ từ thị trấn lên núi Linh học đạo trở về, bức màn huyền bí của hang động Phật Tổ cũng chưa được vén lên. Nài nỉ cách mấy người ta cũng không cạy miệng được hai nhà sư trẻ này. Chỉ nghe họ tiết lộ duy nhất một điều là sư phụ của họ hiện đang ở trên núi ấy. Hỏi sư phụ ấy có phải là Phật, là Tổ không, thì được đáp rằng: “Là sư phụ, là một lão tăng, thế thôi.”

Hai vị sư trẻ này chia nhau đi khắp thị trấn để hành đạo. Trông họ có vẻ như đang nỗ lực thực hiện việc truyền bá chánh pháp cho kịp một thời điểm nào đó, và

có lẽ họ sẽ trở lại núi Linh với thành tích hành đạo của họ tại thị trấn này.

*

Vị lão tăng có bộ râu bạc phơ dài đến ngực nhưng da mặt ông không nhăn lắm. Đôi mắt ông sáng và trông rất nhân hậu dưới đôi mày cũng dài và bạc theo màu râu tóc. Khi hai nhà sư trẻ mới từ thị trấn đến núi Linh bái thỉnh lão tăng làm thầy để cầu học đạo, họ đã được lão tăng tiết lộ cho biết rằng lão tăng chỉ là “người giữ cửa”. Người đệ tử lớn tuổi, được coi là sư huynh và được lão tăng đặt cho đạo hiệu là Tuệ Trí, nhíu mày hỏi:

“Bạch thầy, xin hỏi thầy giữ cửa gì ạ?”

Vị thầy cười nhẹ nói:

“Cửa Không.”

“À, à... cửa Không. Nhưng... cửa Không thì đâu cần gì phải giữ, bạch thầy? và cái cửa Không sẽ dẫn đến đâu? có phải là...”

“Dĩ nhiên là nó dẫn đến nơi ấy,” vị thầy khoát một cử chỉ mơ hồ hướng về đỉnh núi, “nhưng không phải ai muốn vào cũng được. Ta giữ cửa là giữ theo nghĩa đó, nghĩa là ta có bí quyết, có chìa khóa cho những ai hội đủ điều kiện vượt qua cái cửa Không này.”

Tuệ Trí nhìn ra ngoài cửa sổ, đảo mắt một vòng chung quanh thảo am, qua con suối nhỏ chảy róc rách và những tảng đá lớn phía sau, dừng lại nơi mấy cây tùng cổ thụ đứng thẳng như những người lính gác im lặng và tận tụy dưới nắng sương...

“Cánh cửa ấy ở đâu vậy, bạch thầy? Có phải chỗ mấy cây tùng...”

“Cửa ấy không có cánh. Và nó bắt đầu ngay từ bước

chân của con chứ chẳng ở đâu xa. Có điều, không phải bước chân nào cũng cất lên được một cách hài hòa và phù hợp với chiều kích của cánh cửa ấy.”

“Vậy nhiệm vụ giữ cửa của thầy tức là hướng dẫn hành giả phương cách bước vào cái cửa không cánh ấy?”

“Phải,” vị thầy ôn tồn đáp.

“Bằng cách nào và bao lâu chúng con mới có thể bước vào cửa ấy?” Tuệ Trí nóng nảy hỏi.

“Không có gì phải gấp gáp như vậy. Cứ ở đây, ta sống sao các con sống vậy, rồi một lúc nào đó, ta sẽ chỉ đường cho các con, hoặc có thể các con sẽ tự thấy con đường và cánh cửa đó mà đi vào. À, này Tuệ Đức, con có điều gì nghi ngờ không, nãy giờ ta không nghe con lên tiếng?”

Tuệ Đức, vị sư đệ trầm lặng, mặt mày không được sáng láng thông minh như Tuệ Trí nhưng phong cách thì chuẩn mực, nghiêm túc, và nét mặt thì nhân hậu, thiết tha, biểu lộ sự chân thành trọn vẹn hướng đến mục tiêu giải thoát. Nghe thầy hỏi, Tuệ Đức cung kính thưa:

“Bạch thầy không ạ.”

“Tốt. Thôi, chúng ta cùng đi dạo để các con quen với cảnh mới này.”

*

Trải ba năm không rời khỏi núi, cùng ở tu trong mái thảo am dưới sự dẫn dắt của vị thầy già ấy, một hôm, Tuệ Trí và Tuệ Đức được thầy gọi đến dạy:

“Ta nghĩ đã đến lúc để các con đem những kiến văn và sở học của mình ra mà truyền rộng cho nhiều người khác cùng được lợi ích. Vì vậy, hôm nay, hai con hãy lên đường, xuống núi hành đạo.”

Tuệ Trí ngạc nhiên hỏi:

“Bạch thầy, thế còn... cách vào cái cửa Không? Chừng nào thầy mới dạy cho?”

“Các con cứ xuống núi hành đạo. Khi nào cảm thấy là mình đã tạo nên được công đức gì đáng kể, đáng gọi là thành tựu, thì quay trở về đây. Các con tưởng rằng một người không có chút công đức hay thành quả nào hết mà có thể qua được cánh cửa ấy sao?”

Tuệ Trí xiu mặt, suy nghĩ: “Tu học ba năm cực nhọc ở đây rồi mà vẫn chưa đủ công đức! Biết bao năm nữa mới gọi là đủ đây?”

Vị thầy vượt chòm râu bạc, đứng dậy, bước đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài. Một lúc lâu, ông quay lại nói:

“Nhưng trước khi các con rời núi, ta muốn nghe các con trình bày vài nét về sự hiểu đạo của các con; bằng vào phương châm nào mà các con dẫn thân vào trần gian để hành đạo; bằng vào phương tiện thiện xảo nào mà các con có thể tự kiểm thúc được thân tâm mình giữa cõi đời phiền lụy. Tuệ Đức, con nói trước đi.”

Tuệ Đức liền quỳ xuống chấp tay cung kính thưa:

“Quy y Phật, Pháp, Tăng; hành động, lời nói và ý nghĩ luôn luôn qui thuận và phù hợp với Phật, Pháp, Tăng.”

Vị thầy hỏi tiếp:

“Còn gì nữa không?”

“Thưa, chỉ có vậy,” Tuệ Đức nhỏ giọng thưa.

Sư huynh Tuệ Trí nghe vậy thì bật cười lên một tràng, thương hại thay cho người sư đệ cực mịch què mùa, ba năm học tập kinh điển ở đây chưa ra khỏi bước đầu học Phật. Vị thầy cũng nở một nụ cười, tùm tùm quay trở lại ngồi xuống bồ-đoàn, hỏi Tuệ Trí:

“Đừng cười sư đệ con căn tính trì độn. Biết gì thì nói

VĨNH HẢO

nấy, có sao đâu. Thế còn con, con xuống núi với tâm nguyện và hành xử nào đây, nói ta nghe và để sư đệ con có cơ hội học hỏi thêm luôn thể?”

Tuệ Trí đang đứng, xoay một vòng, bước ra cửa, ngửa mặt lên trời, vừa đi vừa nói:

*“Nhìn mây bay, thấy tóc xanh thuở xưa còn tung xõa
Nghe chim hót, tin tiếng lòng năm cũ mãi âm vang.”*

Nói rồi Tuệ Trí đi thẳng xuống núi. Vị thầy ngồi im, gật gù bảo Tuệ Đức:

“Hai đứa con mỗi đứa có một căn tính và sở đắc khác nhau. Đều tốt cả. Khi đã nói là phương tiện thiện xảo thì không có vấn đề cao thấp. Khác nhau chẳng là chỗ diệu dụng, ý ta muốn nói cái dụng quả, của mỗi phương tiện mà thôi. Con chuẩn bị gói ghém hành lý chi đó rồi lên đường. Mong rằng chuyến đi của các con không làm ta thất vọng. Ta chờ đợi các con đó.”

Tuệ Đức lạy thầy ba lạy rồi lui ra.

*

Nơi thị trấn, Tuệ Trí và Tuệ Đức chia nhau hai ngã, du hành khắp nơi để truyền bá chánh pháp. Mỗi người có một lối giảng dạy riêng về Phật Pháp, về Thiền đạo, nhưng cả hai đều thành công, thu phục được nhiều đệ tử, tạo được nhiều uy tín và tiếng vang trong khắp thị trấn ấy, rồi lan dần đến các thị trấn lân cận.

Nhưng tiếng tăm lẫy lừng, nổi bật nhất, vẫn là từ Tuệ Trí, vị sư huynh cao ráo, trắng trẻo, điển trai, nói năng hoạt bát và lời cuốn, học rộng biết nhiều, lại có cả tài làm thơ viết văn rất tuyệt, chinh phục hầu hết giới trí thức trong nước. Nhờ những thuận lợi về thể chất lẫn kiến thức và tài năng đó mà Tuệ Trí thành công rất

nhANH, tự mình tạo nên một tông phái Phật giáo rất mạnh và có ảnh hưởng trong cả nước. Giáo lý nền tảng của tông phái Tuệ Trí xem ra thì không có gì mới mẻ, vẫn là dựa vào kinh điển Phật để xiển dương; nhưng nhờ kiến văn quảng bác và khả năng xét đoán thời cuộc rất nhạy bén, Tuệ Trí biết nhắm đến hoàn cảnh và nhu cầu tâm lý của con người thời đại, nhờ vậy mà mở ra những sinh hoạt có vẻ mới mẻ, tiến bộ; lôi kéo được nhiều người trí thức từ thôn quê đến thành thị, ùn ùn qui tụ học hỏi. Nhiều người bỏ cả sản nghiệp để dâng cúng cho Tuệ Trí. Nhiều chùa chiền, thiền thất, đại tụng lâm ở khắp nơi cũng được xây dựng để dâng trọn vẹn cho Tuệ Trí tùy nghi sử dụng. Đồ chúng tìm học Tuệ Trí càng lúc càng đông. Dần dần, nhu cầu tu học theo tông phái Tuệ Trí trở nên một phong trào quần chúng không phân biệt trí thức hay dân giả cùng đỉnh thất học. Nhưng một khi đã trở thành phong trào rồi thì mặt phẩm chất không còn là điều hệ trọng nữa; chỉ còn sức lớn mạnh không gì ngăn nổi của phần số lượng. (Thực ra, không phải là do những người ít học tham dự vào phong trào đã làm giảm đi phần phẩm chất của tông phái Tuệ Trí—tu học đạo giác ngộ đâu có căn cứ vào chuyện học thức hay thất học!—mà chính sức lớn mạnh quá nhanh của phong trào đã như dòng độc dược giết chết từ trứng nước cái khát vọng hướng đến giải thoát giác ngộ—vốn là điều đòi hỏi nhiều kinh nghiệm tu chứng tâm linh hơn là sinh hoạt và nghi thức kiểu cách rườm rà, rình rang, học đòi, bắt chước, truyền đạt mau chóng từ người này đến người kia—và thay vào đó chỉ là khát vọng được gần gũi tông chủ Tuệ Trí, được tông chủ đặt cho một cái đạo danh và được gắn cho cái huy hiệu riêng của tông phái nơi vai phải, để hãnh diện rằng mình là đệ tử thuộc dòng Tuệ

Trí).

Say mê trong hào quang danh vọng của một tông chủ sáng chói đó, Tuệ Trí quên bẵng chuyện quay về núi Linh với sư phụ để được vào cánh cửa Không. Thỉnh thoảng, Tuệ Trí có nghe các đệ tử báo cáo cho biết về tình hình sinh hoạt của sư đệ Tuệ Đức tại một vài nơi hẻo lánh nào đó trong nước. Nghe nhắc Tuệ Đức thì Tuệ Trí nhớ đến núi Linh, nhưng rồi chỉ khoảnh khắc sau đó là chìm ngập vào những công việc khẩn thiết mà các tu viện do mình trực tiếp đảm nhận đòi hỏi, hoặc phải chú tâm nghiên cứu những dự án phát triển tông phái do các môn đồ đề xuất... Bao nhiêu việc phải làm, phải để tâm đến, chiếm hết cả thời giờ tu tập của Tuệ Trí đến độ mỗi lúc Tuệ Trí đang đàn thuyết pháp hay hướng dẫn các khóa lễ, các khóa thiền tọa đại chúng, chàng cũng chỉ có mặt như một cái xác không hồn để làm và nói những điều đã quen và thuộc lòng, còn tâm trí thì lúc nào cũng bận bịu với các chương trình, các lễ hội sắp tới...

Một hôm, Tuệ Đức trên đường hoằng hóa ghé ngang tu viện của Tuệ Trí, bèn nảy ý muốn vào thăm sư huynh, đồng thời muốn trao đổi với sư huynh chút kinh nghiệm tu học và hành đạo.

“Ô, Tuệ Đức đó hả? Vào đi,” Tuệ Trí đưa tay ngoắc sư đệ vào, “mấy năm rồi, sư đệ cũng chẳng thay đổi gì hết, nhìn là nhận ra ngay. Này, các con pha trà mời sư chú đi.”

Tuệ Đức nhìn vào căn buồng phía sau phương trượng, thấy một nhóm người lẳng xẵng, xì xào, lấp ló, chỉ trỏ mình; chàng e dè theo sự ra dấu của sư huynh, ngồi xuống ở một cái trường kỷ chạm trổ xa cừ bóng lộn.

“Sư huynh bây giờ thấy khác nhiều, nếu gặp ngoài đường e rằng đệ nhận không ra,” Tuệ Đức nói.

“Khác dữ vậy sao? Ha ha. Chắc ta ốm và xanh đi nhiều phải không? Ủ, thì công việc nhiều quá khiến ta như vậy.”

“Không, huynh đâu có ốm xanh. Mập trắng ra thì có. Phát tướng đấy. Trông sư huynh bây giờ dường bề hơn xưa nhiều. Sư huynh có nhớ năm xưa cùng đệ đi tham vấn nhiều nơi, cuối cùng là đến núi Linh... lúc đó sư huynh rõ đúng là một tăng lữ khổ hạnh...”

“Thôi đừng nhắc chuyện cũ nữa. À này, sư đệ tìm ta có việc gì không? Có cần giúp đỡ gì không thì cứ nói thật. Có cần tu bổ hay xây chùa, đúc tượng, in thỉnh kinh sách gì thì cứ nói, ta sẵn sàng chu cấp tất cả những gì đệ cần.”

“Không, cảm ơn huynh. Đệ đâu có chùa chiền gì đâu mà tu bổ. Chỉ nhân chuyến du hóa vùng này, ghé thăm sư huynh thôi.”

“Không có chùa? Nói giỡn sao? Thế... lâu nay đệ trú ở đâu?”

“Dạ thì nơi nào cần thì đệ đến. Thường thường là ở các chùa ở vùng quê hẻo lánh, nơi mà Phật Pháp suy yếu hoặc chưa được phát triển.”

“À, ra thế. Thảo nào trông đệ hãy còn dáng vẻ lam lũ, khổ nhọc như năm xưa. Trà có rồi hả, được rồi, chế ra tách dâng sư chú đi.”

Có khoảng sáu nữ đệ tử của Tuệ Trí, xếp hàng hai bước ra, người dâng khay trà, người bưng khay tách, người dâng bánh, người dâng quả, hai người cầm quạt đứng hầu hai thầy. Tuệ Đức cảm nghe có gió mát phía sau lưng, quay lại thấy một nữ nhân đang quạt cho mình thì giật thót người đứng dậy, khoát tay:

“Mô Phật, tôi không dám, xin miễn cho.”

Tuệ Trí cười khan:

“Thôi, sư chú các con không quen gió lạnh, vào trong đi.”

Cả bọn nữ nhân kéo nhau vào phía trong. Tuệ Đức hãy còn đỏ mặt, lúng túng chẳng biết làm gì. Tuệ Trí nói tiếp:

“Ta cũng định một ngày nào đó trở lên núi Linh. Có lẽ là cuối năm này. Đệ nghĩ sao? Chúng ta cùng đi chứ hả?”

“Vâng, đệ muốn theo sau huynh, đâu dám vô phép lên núi trước. Nhưng cuối năm nay thì hơi sớm đối với đệ. Có lẽ phải cuối năm tới.”

“Sao vậy? Đệ không lập chùa mà, có bận bịu gì đâu?”

“Bận bịu thì không rồi, nhưng... đệ cảm thấy là mấy năm nay chưa làm được gì đáng kể, tự nghĩ là chưa đủ công đức để trở lại trình sư phụ.”

“À, ra thế. Vậy là từ đây đến cuối năm sau đệ sẽ nỗ lực làm thêm công đức. Ta hiểu rồi. Ủ mà sao đệ không đến đây phụ giúp ta một tay để gây dựng thêm công đức. Cần gì phải đi đâu xa xôi, bụi bặm. Tính đến nay, bốn năm trời, một mình ta đã xây hơn bốn chục cảnh chùa, chưa kể các đạo tràng của các môn đồ mọc lên khắp nước, phải kể đến số ngàn. Đồ chúng theo ta tu học thì có thể tính bằng số vạn. Công đức ấy... ôi, nhiều quá, kể sao hết. Ta đây mà có người phụ tá như đệ thì công việc hẳn là tiến hành nhanh chóng và tốt đẹp hơn.”

“Không dám, xin sư huynh miễn thứ cho, đệ còn có những Phật sự phải làm ở vùng quê đã dự tính trước. Đệ chỉ ghé thăm sư huynh để học thêm kinh nghiệm hành đạo của sư huynh mà thôi.”

“Kinh nghiệm ư? Ừm, để coi nào. Lâu nay ta chỉ làm, chẳng bao giờ để ý chi cái kinh nghiệm. Nói đại

khái thì phải có một thuyết lý gì đó mới lạ để thu phục số đông. Thuyết lý đó cũng cần cái phong cách nổi bật của chính mình để phù trợ nữa. Khi quần chúng đã qui phục rồi, ta muốn gì lại chẳng được... Nhưng, ta và đệ khác nhau lắm, ta e đệ không áp dụng được kinh nghiệm của ta đâu. Cái kinh nghiệm ẩn tống một cuốn kinh, đúc một tượng Phật, xây một ngôi chùa, thì có thể chỉ bày cho nhau được, chứ kinh nghiệm sáng tác thơ văn, tư tưởng và biện tài thuyết giáo... nó thuộc về tài năng thiên bẩm, làm sao ta có thể truyền dạy đây?”

“Thưa không, đệ chỉ xin sư huynh một bài kệ, một câu thơ gì đó thôi, cũng đủ làm hành trang cho đệ trên đường chu du rồi.”

Tuệ Trí bật cười lên một tràng:

“Thơ, kệ à? Ừm, để coi, lâu nay ta cũng ít sáng tác vì bận quá. À, để ta đọc đệ nghe mấy câu thơ cũ của tiền nhân, được chứ hả? Coi nào, đệ hỏi đột ngột quá, ta chưa kịp nghĩ câu nào có thể thích hợp để đọc cho đệ. Nhớ rồi, bốn câu thơ này của Thiền sư Ngộ Ấn, ta vẫn thường đọc cho các đệ tử nghe:

Diệu tính hư vô bất khả phân

Hư vô tâm ngộ đắc hà nan

Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận

Liên phát lô trung thấp vị càn.

Đệ từng nghe bài đó chưa? Hiểu chứ hả? Thôi để ta đọc luôn bản dịch của ta cho đệ:

Diệu tính hư vô khó nghĩ bàn

Một khi liễu ngộ còn khó chi

Ngọc thiêu trên núi màu vẫn sáng

Sen đốt trong lò sắc thêm tươi.

Độc đáo quá hả? Nói thiệt đệ nghe, bài thơ ấy làm cho ta thêm tự tin khi dẫn thân vào chốn bụi hồng để

hoàng truyền chánh pháp. Sao? Đến giờ hành lễ rồi à? Được rồi, thầy sắp xong rồi. Hay là sư đệ cùng ta hành lễ rồi sau đó đàm đạo tiếp?”

“Thưa không, mời sư huynh cứ đăng đàn, đệ chỉ ghé thăm, được sư huynh cho nghe bốn câu thơ của tiền nhân, tưởng cũng đủ lắm rồi, không dám phiền sư huynh nữa. Đệ xin cáo.”

*

Cuối năm sau, Tuệ Đức lại ghé đạo tràng của Tuệ Trí để cùng sư huynh lên núi Linh thì nhằm lúc Tuệ Trí đang bận lo lễ kỷ niệm đệ tứ chu niên ngày thành lập tông phái của mình. Đồ chúng tụ tập quá đông, khiến Tuệ Đức phải khó nhọc lắm mới vào đến được phương trượng để gặp sư huynh. Thấy sư huynh bận rộn với ngày lễ, Tuệ Đức cáo lui, đi bộ hơn một dặm đường mới tìm được chỗ vắng vẻ, có bóng mát, dưới một gốc đại thụ, lánh xa được đám đông ồn ào lễ hội.

Ba ngày sau, Tuệ Đức mới quay trở lại tu viện của Tuệ Trí để mời sư huynh cùng lên núi. Tuệ Trí nói:

“Sau ngày lễ, ta không được khỏe lắm, nhưng ta sẽ đi với đệ. Nhất quyết là phải đi. Tạm thời gác mọi công việc sang một bên cái đã. Giác mộng của anh em mình xưa nay làm sao nguôi nguây được, phải không? Đây, đem y áo của thầy ra đây. Thầy có việc phải vắng mặt một thời gian, mọi việc trong tu viện thầy đã giao cho sư cô Diệu Bảo thay thầy đảm trách, bây giờ thầy phải đi với sư chú lên núi lạy sư ông của các con.”

Đám nữ nhân đệ tử Tuệ Trí xúm xít quanh thầy tỏ vẻ bịn rịn, quyến luyến dữ lắm khiến Tuệ Trí cũng nao lòng. Nhưng rồi chàng cũng mạnh dạn lên đường. Đám

đệ tử định che lọng, rước kiệu tiễn đưa tông chủ Tuệ Trí đến tận chân núi nhưng chàng xua tay bảo thôi, chỉ cho phép sáu nữ đệ tử thân tín tháp tùng. Tuệ Đức thấy vậy thì nhíu mày, tỏ ý không bằng lòng. Tuệ Đức thưa nhỏ với sư huynh:

“Huynh bảo họ ở lại tu viện chứ đi theo làm gì cho vương bận. Sư phụ chẳng vui đâu. Hơn nữa, nếu sư phụ mở đường cho chúng ta vào cửa Không thì sư huynh cũng đâu có mang họ theo được, không lý bắt họ ở dưới chân núi chờ hoài?”

“Ôi, đệ cố chấp quá làm sao giải thoát được. Ta đã đọc cho đệ nghe bài thơ của thiền sư Ngô Ấn rồi, không lẽ đệ chẳng thấm nhập gì hết sao? Đi. Đừng nói nhiều.”

Vậy là hai huynh đệ lên đường, có sáu đệ tử lẽo đẽo theo sau.

Đường đến núi Linh vào mùa đông hơi lầy lội vì đã có nhiều cơn mưa trước đó. Đến bìa rừng, muỗi vắt ào ào bu đến, đám đệ tử la khóc eo éo. Tuệ Trí phải dừng chân chăm sóc, khuyến dụ. Vậy mà rồi họ vẫn không bỏ ý định đi theo Tuệ Trí đến tận chân núi. Có thêm đoàn tùy tùng này, con đường đến núi Linh đối với Tuệ Đức như dài thêm gấp mười lần vì đi một đoạn đường lại cứ phải cùng sư huynh đứng lại chờ đợi sáu người kia.

Sau một ngày đường vất vả, cuối cùng, đoàn người cũng đến được chân núi. Tuệ Trí dặn dò đám đệ tử:

“Thầy cùng sư chú lên núi. Các con cứ chờ ở đây. Sáng mai nếu không thấy thầy trở xuống thì các con tự động trở về tu viện, tạm thời nương sư cô Diệu Bảo mà tu học. Khi nào xong việc thầy sẽ xuống núi, tiếp tục hướng dẫn các con.”

Tuệ Đức đứng chờ sư huynh dặn dò, rồi thêm chuyện đệ tử tác bạch tiễn đưa, thề ước, thưa bẩm, gửi

gắm, nhấn nhủ, bịn rịn tình nghĩa thầy trò cũng mất cả nửa giờ. Đến khi mặt trời sắp sửa khuất sau núi Linh rồi, hai huynh đệ mới bắt đầu cất bước.

Sư phụ ngồi trên bồ đoàn, hai huynh đệ sụp lạy. Xong, Tuệ Trí thưa:

“Bạch thầy, năm năm qua con vâng lời thầy xuống núi đã thực hiện nhiều Phật sự, tạo nhiều công đức. Nay xin thầy từ bi hoan hỷ mở cánh cửa cho con bước vào nhà Không của Như Lai.”

Tuệ Đức chỉ quỳ chấp tay, lặng thinh.

Sư phụ gật gù hỏi:

“Phật sự của các con làm thầy có biết. Nay thầy chỉ muốn nghe các con trình bày ngắn gọn một câu thôi mà tóm tắt tất cả những gì trong năm năm vừa qua. Tuệ Đức con nói trước đi.”

Tuệ Đức cung kính thưa:

“Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh không rời một khoảnh khắc.”

Tuệ Trí nghe vậy cũng muốn bật cười lên, nhưng chưa kịp cười thì sư phụ đã hỏi đến mình.

“Tuệ Trí, con nói đi.”

Tuệ Trí tự tin thưa:

“Trên đầu sợi tóc mỹ nhân, thấy sự mâu nhiệm linh thiêng của thế giới hoa tạng; ngày đêm ăn ngủ nói cười mà vẫn cùng Phật Tổ sánh vai không rời một bước.”

“Sở học cao thâm, ngữ khí trượng phu lắm. Nhưng, đối với ái dục thì sao, nói ta nghe, Tuệ Trí?”

“Có vướng cũng không bận,” Tuệ Trí tự tin đáp.

Sư phụ quay qua Tuệ Đức:

“Đối với ái dục con thế nào?”

Tuệ Đức thưa:

“Lặng trong không vướng, không bận.”

Sư phụ im lặng rời bỏ đoàn đứng dậy, bước ra sân. Hai đệ tử cũng bước theo. Sư phụ quay lại nói:

“Cửa Không đã sẵn mở, các con bước vào đi.”

Tuệ Đức hốt nhiên đại ngộ, tươi sáng nét mặt, cúi lạy thầy rồi ung dung bước thẳng lên đỉnh núi, thoáng chốc là biến mất trong lớp mây mù. Trong khi đó, Tuệ Trí hãy còn phân vân, nghi ngại; vừa tính dợm chân bước thì thấy nặng trĩu ở dưới gót chân phải, như đeo phải đá, không sao cất lên nổi.

“Bạch thầy, sao lại có chuyện lạ như vậy? Chân con, không biết sao, kỳ cục quá, không cất lên được...”

Vừa nói đến đó bỗng thấy Tuệ Đức từ trên núi lướt xuống. Thân hình cục mịch nhà quê của Tuệ Đức lúc này trông nhẹ như mây. Lướt ngang chỗ sư phụ và sư huynh, Tuệ Đức chấp tay vái chào rồi bay thẳng xuống núi.

“Tuệ Đức, đi đâu vậy? Bạch thầy, sao Tuệ Đức lại xuống núi, chẳng lẽ trên đó không có gì hết sao?”

“Hoa tạng thế giới của con đâu mà giờ này còn hỏi? Đã cùng với Phật Tổ sánh vai thì cần gì phải tìm Phật tìm Tổ trên núi! Kiến tánh thành Phật rồi thì ra vào tự tại, có cánh cửa nào ngăn ngại được đâu. Cửa Không có bao giờ đóng đâu mà phải cần thầy mở. Kiến tánh rồi thì tự khắc thấy đường đi thôi. Tuệ Đức thông dong được là do lẽ đó.”

Tuệ Trí bấy giờ mới thức ngộ, bật khóc. Bao nhiêu danh từ và chương cú hoa mỹ về Phật, về Thiên, về Hoa Nghiêm, về Bát Nhã, về Lăng Già, về Như Lai Tạng Tính... mà lâu nay chàng từng sử dụng, bây giờ mới thấy chỉ là những cụm từ rỗng tuếch, không dính nhập gì đến thực tại tối hậu.

Sư phụ thương cảm, nói lời an ủi:

“Căn tính con thông tuệ, nhạy bén hơn Tuệ Đức rất nhiều. Trí tuệ là khí giới tối hảo để đạt đến đạo quả giác ngộ; nhưng từ nhiều năm nay, con chưa hề tạo được một công đức nhỏ nào cả. Tất cả những gì con làm ở thế gian, đều chỉ là những manh động của dục vọng, làm sao tạo nên được công đức! Phước Đức và Trí Tuệ giống như đôi chân của con vậy, phải đủ cả hai và phải cùng song hành, không thể thiếu một mà có thể bước đi được,” vị thầy ngưng một lúc, thở dài nói tiếp “à, con có nhớ những lời đôn sơ của Tuệ Đức không? Quy y Phật, Pháp, Tăng. Tại sao? Vì quy y Phật là trở về với thể tính thanh tịnh, đoạn trừ tất cả những tham dục, cấu bần; quy y Pháp là trở về với trí tính vô biên, đoạn trừ hết những si mê, cố chấp và lòng kiêu ngạo; quy y Tăng là trở về với tự tính hòa hợp bình đẳng, trừ bỏ những lòng hận thù, ganh ghét... Không có trí tuệ siêu việt nào có thể bứng vỡ trên mảnh đất còn tràn ngập những tham, sân, si và các phiền não căn bản. Cho nên, theo ý thầy thì con nên ở lại đây, nỗ lực tu tập thêm một thời gian nữa; hay con muốn tiếp tục trở về với tu viện dưới núi của con thì tùy ý, nhưng dứt khoát là dù ở đâu, cũng phải dẹp hết những thứ phiền não linh tinh từng quấy nhiễu phá rối tâm con thì may ra mới vào được cánh cửa Không ấy.”

Tuệ Trí lay tạ ơn thầy chỉ dạy rồi đứng dậy, phân vân một lúc, nhớ rằng sáu đệ tử của mình đang chờ đợi dưới núi. Tuệ Trí quyết định từ giã thầy, lui thủ cúi mặt bước xuống núi, nhưng được nửa đường thì đứng lại. Tưởng tượng mấy chục ngôi chùa và hàng trăm đạo tràng với bao nghi lễ rình rang xôm tụ đang chờ đón mình bên dưới, rồi nhớ đến cả lô học giả trí thức bày trò đốn ngộ chứng Thánh mở miệng là nói thiền ngôn mật ngữ nhưng chưa bao giờ nếm được một giọt nước nhỏ

trong đại dương giải thoát, rồi nghĩ đến đám nữ nhi phàm tục dễ sa nước mắt quần quít nhõng nhẽo đêm ngày... Ôi, sao mà rỗng tuếch, vô vị, cho dù có thêm triệu năm nữa để đóng kịch và bày trò, cũng chẳng một may mắn nào trong những thứ ấy có thể với đến được cánh cửa huyền vi của ngọn núi Linh này. Tuệ Trí còn nhớ có một ông lạ-ma Tây Tạng hứa sẽ dạy chàng về pháp đăng vân (cỡi mây) với điều kiện chàng phải xây cho ông ấy một tu viện nguy nga tận xứ Tây Tạng và chàng đã hứa sẽ sắp đặt thời gian rảnh để học phép thuật này. Bây giờ, chàng thấy không cần nữa. Cho dù có học được phép cỡi mây, cỡi gió đi khắp nơi thì cũng chỉ lẫn quẩn trong vòm trời hữu hạn của trần gian, không làm sao lọt vào được cõi Không bát ngát thênh thang mà chàng hằng ôm ấp. Tất cả những thứ kể trên, ngay lúc này, chàng thấy không còn cần thiết nữa. Chàng đứng im một lúc ở lưng núi khi trời đang tối dần.

Trong khi sáu nữ đệ tử của Tuệ Trí từ chân núi nhìn lên thấy núi Linh mây phủ mờ mịt, gọi lên bao huyền thoại kỳ bí xa xăm thì ở lưng núi, Tuệ Trí cũng quay đầu ngược nhìn lên núi cao, trong mắt chàng lúc ấy, mây mù đã tan sạch, đỉnh núi Linh cao vợi lần đầu tiên hiện ra sừng sững giữa trời tây trong vắt. Thực sự là không còn một huyền thoại hay một kho tàng mầu nhiệm nào đáng để tìm cầu khám phá nữa. Chàng bật lên một tràng cười sáng khoái, rồi đi ngược lên núi, tìm sư phụ, bắt đầu cuộc hành trình đi vào cửa Không. ■

Bút ký của một nhà thơ-diên

Hắn đi thật rồi. Chỉ để lại một xấp bản thảo trên bàn viết, hầu hết là thơ, chỉ có một bài văn xuôi, viết theo lối tùy bút, hay có thể nói là một thứ lưu ký để gửi cho người ở lại. Chủ nhà cũng là chỗ quen biết nên ráng chờ cho tới khi nào xấp bản thảo được trao đúng người rồi mới lo dọn dẹp căn phòng để cho người khác mượn. Căn phòng vẫn còn nồng mùi khói thuốc. Một cái giường nhỏ. Một bàn viết nhỏ ngó ra cửa sổ nhỏ. Xấp bản thảo được lấy đi rồi thì trên bàn chỉ còn trơ lại một cái gạt tàn thuốc bằng thủy tinh đã được rửa sạch, lau khô, và đặt úp xuống. Hắn đi thật rồi. Một nhà thơ. Một gã điên. Một bàn viết. Một cái gạt tàn. Một cuộc đời. Hắn có điên không nhỉ? Cái đó khó mà nói được. Có thể đối với cuộc đời này, đối với thiên kỷ mới này, hắn điên thật đấy. Không tin à? Thì đọc thử những gì hắn viết xem. Hắn viết rất tỉnh. Đây là bài viết tỉnh nhất của hắn. Nhưng vẫn không bao giờ được chúng ta chấp nhận. Vậy thì hắn điên thật rồi còn gì! Nhưng nói cho cùng thì hắn là một gã điên rất đáng yêu. Một gã điên rất thơ. Một gã thơ rất điên. Một gã điên không quậy phá, không phiền nhiễu ai. Điên một cách lặng lẽ, âm thầm. Hắn vào đời bằng nỗi điên âm thầm rồi từ già cuộc đời cũng bằng nỗi điên âm thầm ấy...

Nếu ở đời này còn có một thứ gì đó đáng nói, và có một cách nói nào đó đáng dùng đến, thì hẳn là cái bọn biết chữ nghĩa như chúng ta phải nghĩ đến thơ, phải không? Ừ, chỉ có thơ thôi, chứ còn văn xuôi với ba thứ tiểu thuyết, hồi ký, nhật ký, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, tùy bút, tự truyện, biên khảo... thì có quái gì đâu. Chỉ được cái dài hơi mà thực chất chỉ phản ảnh đức tính rườm rà của những kẻ nhiều chuyện mà thôi.

Tôi nói vậy không phải chỉ vì tôi là một thi sĩ đâu nhé. Đừng vội cười. Bạn nghĩ rằng tôi tự đề cao mình chứ gì? Không đâu. Thực tế nó như vậy. Dù đã có vài thi phẩm được in, tôi vẫn chưa bao giờ lấy đó làm điều mình chứng cho cái vẻ thơ của tự thân. Tôi chỉ tự thấy mình thơ khi tôi sống và thở được cái thơ ấy bằng những tra vấn, bằng những dấu hỏi đối với con người và cuộc đời (thơ-hỏi-thở ấy mà!). Ít dà, nói đến đây thì lòng bốc hứng, xin chờ một chút để tôi đốt điếu thuốc cái đã. Ừm ừm. Xong rồi, tôi đã nói gì đấy nhỉ. À, vì đời tôi rất thơ mộng, cho nên tôi tự cho tôi là một nhà thơ chứ chẳng phải là giống khỉ nào khác! Còn những bài thơ trong mấy tập thơ của tôi đấy à? Ừi dào, có thấy ai nhắc gì đến thơ tôi đâu, mà thực ra thì ngoài một số bằng hữu cùng có thơ văn trên cùng một tờ báo, cũng chẳng mấy ai biết gì đến tôi hay cái bút hiệu làm thơ của tôi cả. Nhưng chẳng sao đâu. Thế giới thơ hôm nay chỉ còn ở những người điên. Những người không điên thì không biết thưởng thức thơ. Cho nên thơ tôi mà chẳng ai thêm đọc, hoặc đọc mà chẳng thêm để ý, hoặc để ý mà chẳng thêm cảm nhận, hoặc cảm nhận mà rồi vẫn không sướng

muốn điên lên được... thì đó vẫn là lẽ thường tình của một thế giới thường tình.

Ồi, hãy thử tưởng tượng một thế giới thường tình! Nó kinh tởm và dị dạng khủng khiếp biết bao! Làm sao những người điên và những nhà thơ có thể sống trong đó được nhỉ! Người ta không biết rằng khi mọi thứ trên đời đều được sắp xếp gọn ghẽ, ngăn nắp, ổn định, nề nếp, ngay hàng thẳng lối, và nhất là an ninh, trật tự... và *healthy!*... ờ, ờ, lành mạnh, tức là sức khỏe cá nhân cũng như môi trường sinh thái, và cả tinh thần nữa, đều được chùi rửa, kì cọ cho trong sạch, thì thế giới sắp sửa bước vào một cơn khủng hoảng cực kỳ khiếp đảm thần sầu! Một cơn khủng hoảng với sự thác loạn của những cơn điên, mà lại là những cơn điên không thơ mộng! Những cơn điên tiết của những kẻ không điên, hoặc những kẻ không điên mà giả vờ như ta đây là điên khủng khiếp lắm (mà kỳ thực chỉ là điên láu cá, điên mà ma lanh khôn vặt dữ thần dữ tợn! Tôi gọi những gã giả điên này là những thằng khùng, chứ còn điên đấy à, điên nó thượng thừa cao cả hơn nhiều. Cái thằng điên nó trong sạch lắm, nó không biết hại ai, cũng không biết lợi dụng ai, không nhiều lời lắm chuyện, và đặc biệt là không biết giận, hờn, lẫy, tự ái, tự cao, tự tôn...). Ủa, tôi nói gì vậy kia? À, thế giới khủng hoảng.

Tại sao tôi dám nói như vậy? Tại sao tôi có thể thấy trước được cơn khủng hoảng tồi tệ của nhân loại sắp xảy đến? Tiên tri chẳng? Không, tôi không phải nhà tiên tri. Tôi cũng không phải nhà khảo cứu về nhân chủng, về môi trường, về xã hội, về tâm lý và tâm phân học, về giáo dục hay về kinh tế, về văn hóa hay về y-dược... Tôi chỉ nói lên cái thấy rất thực tế của tôi đối với những gì mà người ta đang vận động, đang tranh thủ sắp

xếp và yêu cầu cả thế giới phải thế này thế nọ. Tóm lại một câu là khi những người điên và những người sắp điên không còn cơ hội để điên nữa, cũng như khi những nhà thơ và những người đọc thơ không còn cơ hội để thơ nữa, thì thế giới sẽ hỗn loạn theo chiều hướng thiếu hẳn chất điên và chất thơ. Tình trạng của thế giới hơn năm ngàn năm nay là tình trạng hỗn loạn rất thiên nhiên được điều hướng và dung hòa bởi những nhà thơ và những nhà điên. Khi cái đầu của những nhà thơ và những nhà điên từ từ được tẩy rửa đi chất thơ và chữa lành đi chất điên thì nhân loại cũng từ từ bước vào một kỷ nguyên của sự không-thơ-không-diên! Nhân loại sẽ tự hào, sung sướng với những điều họ đang làm để cứu chữa, cứu nguy cho hành tinh này, mà kỳ thực, họ đang tay trong tay, đề huề bước vào một cõi chết tàn úa, khô khan, lạnh lùng...

Thế giới không-thơ-không-diên là thế giới phản thiên nhiên, là thứ thế giới của những con số và những ký hiệu tân kỳ điện tử. Những con số không còn được dùng để đếm bao nhiêu con chim, bao nhiêu chiếc lá, bao nhiêu mùa thu, bao nhiêu ngày tháng đợi chờ, bao nhiêu người tình qua nẻo mộng... mà chỉ lo đếm những đồng tiền, ngân sách tăng giảm, số người bị ung thư, số người bỏ thuốc lá, số người bị bệnh Aids, số đi điếm ma cô, số băng đảng tăng giảm, số tội ác và tai nạn xe cộ trong năm, số người đến trường và không đến trường, số người có con và không có con, bao nhiêu cặp vợ chồng ly dị và không ly dị, bao nhiêu người ủng hộ ông tổng thống và bao nhiêu người không ủng hộ... Ôi, những con số của thăm dò, thống kê, liệt kê, đối chiếu, so sánh... những con số bị lôi đi, bị bức hiếp phải xếp hàng đôi với những danh từ, những cụm từ không có chút gì thơ mộng! Con số không còn là những biểu tượng đơn thuần, không

còn đơn sơ mộc mạc như chính nó, mà cũng không còn nữa những biểu tượng. Chỉ có ký tượng, ký hiệu của những con số không còn chất thơ, những con số nô lệ đã bị tục-hóa... Ấy, bạn cho rằng tôi nói gì khó hiểu quá hả? Có gì khó hiểu đâu, chỉ tại bạn đã mất hết chất thơ và chất điên mới không hiểu những gì tôi nói đó thôi. Đừng có lắc đầu, đừng có quay đi, hãy nghe tôi nói này, tôi nói lại cái điều khi nãy tôi muốn nói mà chưa nói hết ý: có một số người, hay có thể nói là có một thế lực, đang vận động tước bỏ tất cả tính chất thơ và những phụ thuộc của thơ. Thế lực này được điều động bởi những kẻ có đầu óc được trang bị và cấu thành bởi hệ thống điện tử và những kẻ này lại được sự tôn thờ, trọng vọng và chí thành chí thiết của một đám môn đệ cuồng tín khoa học. Chính họ đang xua đuổi và truy diệt những gì thơ mộng nhất trên hành tinh này. Bạn thử nghĩ lại xem, có phải là con người càng lúc càng tự mâu thuẫn và khùng hơn không! (vừa vận động trở về với thiên nhiên vừa hưởng thụ các nhu liệu điện tử, CD-Rom, mạng lưới điện toán, tiện nghi vật chất của thời đại văn minh kỹ thuật...)

Khoan đã, chờ một chút, để tôi mời điếu thuốc. Được rồi, được rồi, hì hì, thuốc lên giá làm cho hồi nãy đi bộ ra chợ không đủ tiền trả, phải quay về lục lại ba tiền cắc lẻ trong nhà. Đó, đó, sẵn đây nói luôn, chẳng hạn như cái việc hút thuốc. Người ta vận động cấm hút thuốc nơi công cộng, rồi lại vận động cấm hút thuốc trong nhà có đàn bà và con trẻ, vận động cai thuốc, rồi lại tiến thêm, cấm quảng cáo thuốc lá... sau này sẽ tiến đến việc cấm sản xuất thuốc lá cho xem. Hề hề, nói đến chuyện cấm thuốc lá thấy thật là buồn cười quá đỗi! Nhân loại đang tiến đến một tình trạng tự mâu thuẫn, tự tạo cho mình những điều kiện hỗn loạn mới, luynes qua

luýnh quýnh trong chính sợi dây trói của mình mà không biết! Bạn không thấy điều đó sao. Cho ví dụ à? Vậy chưa rõ sao lại cần ví dụ nữa. Để coi nào, ví dụ như... ví dụ như... à, đã ví dụ rồi đó mà, ví dụ như chuyện cấm thuốc lá đó. Này nhé, hãy đi từng bước một...

Bất kể điều thuốc mà tôi có trên tay bắt nguồn từ đâu, từ một thứ lịch sử xa xôi nào... chẳng hạn như Kha-luân-bố khi khám phá ra châu Mỹ năm 1492 đã thấy những người da đỏ bản xứ hút thuốc bằng những ống pip dài sọc! Từ đó, thuốc lá theo chân ông Kha-luân-bố cũng như những thủy thủ đoàn tìm đất mới sau này, đem thuốc lá truyền vào châu Âu. Từ châu Âu, thế kỷ thứ 16, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha gieo rắc hương vị của thuốc lá khắp thế giới theo bước chân viễn chinh, đô hộ. Ừa, nghĩ rằng không cần phải nói những điều trên mà sao tự nhiên lại nói! Thôi, hãy quay lại cái hiện tiền này. Có thể nói rằng điều thuốc trên tay tôi, là món quà tặng quý giá nhất mà Kha-luân-bố mang lại cho thế giới để kèm chế bớt cơn khủng hoảng của những thế kỷ cận đại và hiện đại. Cái đó cũng là một thứ duyên kỳ lạ đấy chứ, phải không nào? Nếu thực sự có một ông Thượng đế tối cao nào đó sắp xếp mọi thứ thì hẳn là ông đã sắp đặt cái chuyện Kha-luân-bố khám phá ra châu Mỹ để rồi khám phá luôn một thứ vui mới cho nhân loại. Chính cái thú vui có muộn này là được chất (đúng là được chất theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) có khả năng kèm chế lại phần nào những xuẩn ngốc và sai lầm mà con người tạo ra. Này nhé, đây là những ví dụ cụ thể: khi tôi đang bận bịu với một điều thuốc, có phải rằng tôi phải tạm thời ngưng một công việc khác, chẳng phải sao!

Công việc khác là công việc gì? Có thể là sự táy máy xuẩn động của cánh tay, bàn tay, ngón tay. Cũng là

cử động của tay, người ta làm nên điều thiện hay điều ác. Hút thuốc tự nó không là thiện, không là ác. Đó chỉ là một hành động, một cử chỉ trung gian, một thời gian ngắn cho sự ngơi nghỉ giữa các hành vi ác hay thiện. (Mà nói đến thiện-ác thì chẳng bao giờ nhân loại có thể cùng đưa ra được một kết luận phổ quát để xác định thế nào hoàn toàn là thiện, thế nào hoàn toàn là ác trong từng hành vi, cử chỉ, ý niệm của mỗi con người trong hoàn cảnh và thời gian đặc biệt của nó). Cho nên trong cái tiêu cực tác hại của thuốc lá, hẳn là phải có những điều bổ ích ở mặt nào đó khiến cho hàng triệu người trên thế giới từ mấy trăm năm nay, hay cả vài ngàn năm nay, đã bỏ công, bỏ của ra mà đốt, mà phì phèo khói thuốc bất kể nó hại đến buồng phổi hay sức khỏe của chính họ.

Dù cho các nhà khoa học và y dược học có chứng minh bao nhiêu điều tác hại của thuốc lá, họ cũng không thể phản bác được thực tế rằng thuốc lá là một thứ kích thích tố, một chất xúc tác tinh thần để sản sinh những kiệt tác nghệ thuật của các triết gia, văn thi sĩ, kịch tác gia, nhạc sĩ, họa sĩ... nói chung là các nghệ sĩ tài danh lỗi lạc của nhân loại. Thử tưởng tượng đi, nếu không có thứ xúc tác thơ mộng và độc hại (cho sức khỏe) đó, thì làm sao các nghệ sĩ có thể sáng tạo các nghệ phẩm của họ một cách bình bông thơ mộng được; và thử hỏi nếu nhân loại từ 2000 năm nay không thưởng thức và chịu ảnh hưởng bởi các nghệ phẩm đó thì thế giới hôm nay là cái đồng phân dập dềnh hôi thúi đến mức nào chứ! Không phải rằng thuốc lá đã làm quân bình cán cân lực lượng giữa các đối lực thiện-ác, diên-tĩnh, thánh-phàm, thơ-không thơ... trong thế giới loài người khiến cho những kẻ ác (hay những kẻ không có chút máu diên và thơ mộng nào) chết sớm hơn một chút để thế giới bớt hỗn loạn

cũng như chính thuốc lá đã khiến cho những kẻ điên và thơ mộng chọn được con đường thật thơ mộng và điên để rút lui khỏi thế giới khủng này một cách sớm sửa hơn! Họ phải rút lui bớt và tùy theo mức độ xuống lên của cái đám phàm phu không điên kia chứ nếu những nhà điên và những nhà thơ cứ hì hục sinh sản và giành vườn lẩn đất với bọn phàm phu thì thế giới này cũng chẳng còn là thế giới. Cho nên, cái gì cũng tương đối thôi nhé. Ở cái cõi bấp bênh ảo hóa này mà cứ đòi hỏi niềm bình an hay sự lành mạnh tuyệt đối thì rõ thật là khủng đấy ạ. Nếu tất cả nhân loại đều điên và sống rất thơ thậm chí chỉ cần cái tỉ lệ người điên-thơ nhiều hơn mức cần thiết chút xíu thôi thì thế giới này nổ tung ngay; ngược lại cũng vậy, thiếu một nhà thơ-điên trong đám 1,000 người không-thơ-điên thì thế giới sẽ bị hủy hoại. Cứ chờ xem. Hề hề, chưa hiểu à? Thì cứ 1,000 tên phàm phu tục tử không có máu điên thì có một gã điên ra đời để chế ngự bớt. Khi đám không-điên tăng nhiều thì bọn điên cũng tăng theo tỉ lệ 1/1,000 đó.

Cho nên, khi đám phàm không-điên ngày nay nẩy ra cái chiêu thức cấm thuốc lá thì quả thật là muốn báo hiệu một thời kỳ đen tối mù lòa của một thế giới bằng phẳng ngay ngắn như phi đạo của sân bay... Cái thế giới ấy chắc chắn sẽ cáo chung ngay sau đó chẳng bao lâu đâu bởi vì nó rất là khủng khi đòi hỏi các điều kiện thuận lợi một chiều cho đời sống bình an của đám phàm phu (vốn dĩ càng lúc càng gia tăng khủng khiếp khiến cho tỉ lệ 1/1,000 đã bị phá vỡ và biến thành 1/10,000!) mà không ngờ rằng chính một chút bất an dậm thêm cho đời sống này mới giữ được sự bình an cho thế giới và làm nổi bật cái vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời. Khoan, cần phải giải thích thêm chút xíu ở điểm này: không phải cái

tay nào hút thuốc lá cũng là những nhà điên và những nhà thơ cả đâu nhé! Ở đây chỉ có tỉ lệ 1/100 (e có thể là 1/1,000 nữa kia, nhưng thôi, cứ cho một con số khiêm nhường là 1/100 đi). Tức là trong 100 gã hút thuốc, chỉ có 1 gã là thực sự hút thuốc thôi. 99 gã hút thuốc một cách cuồng nhiệt, hút như nghiện ngập, hút không thưởng thức và không sáng tạo bất cứ một thành phẩm nghệ phẩm nào cho đời qua khói thuốc; đám này hút thuốc để gián tiếp góp phần làm giảm tuổi thọ và nhân số cần thiết cho nhân loại. Chỉ có một gã điên trong số đó là hút để giữ gìn một chút thơ cho thế giới thôi. Đấy, cho nên cấm thuốc lá, tưởng rằng đơn giản làm lạnh mạnh cho thế giới hóa ra chỉ làm hại. Bởi vì sự sáng tạo độc đáo thì không bao giờ được nảy sinh từ những phi đạo hay từ một thế giới bình an. Cái sáng tạo nó tới từ những cơn điên, từ sự dấy dựa đốn đau của thân xác hay của tâm hồn. Thế giới này sở dĩ còn tồn tại đến ngày hôm nay với nhân số tràn lan lai láng một cách không cần thiết mà không bị nổ tung là chính nhờ sự mấp máy, động đậy hay động cựa của những cơn điên. Hãy thử gia thêm một chút tưởng tượng để thấy cái kết quả mà con người ngày nay mong đợi qua các cuộc vận động và các phong trào làm sạch môi trường của họ. Rõ ràng là mâu thuẫn, mâu thuẫn một cách khôi hài và rất là vô duyên.

Này nhé, tại sao người ta có thể vừa sợ nhân mãn vừa khuyến khích sinh sản! Thực là buồn cười khi người ta bắt đầu nơm nớp lo sợ sự tràn ngập của con người khiến cho diện tích đất sống cũng như lương thực sẽ bị khan hiếm thiếu hụt trong một tương lai nào đó đồng thời người ta lại tạo ra những qui ước để ràng buộc nhau rồi khích lệ sự sinh đẻ, cấm kỵ những phương thức làm giảm thiểu hay cản trở sự sinh đẻ... nhưng cũng không

quên đọc sách báo playboy, playgirl, coi phim khiêu dâm, uống thuốc Viagra! Ôi trời, cứ tưởng tượng một nhà giáo đang vận động sinh viên học sinh phát truyền đơn chống thuốc lá sau khi tan trường ghé vào hiệu thuốc tây mua vài viên Viagra! Cái hình ảnh gì kỳ quái thế! Chẳng phải nhà giáo ấy vận động ủng hộ nạn nhân mãn sao chứ! Bộ tưởng rằng chuyện nhân mãn và chuyện thuốc lá không quan hệ gì nhau sao cả!

Xem nào, năm vừa qua trên một đài phát thanh quốc tế nổi tiếng loan tin rằng các nhà nghiên cứu y dược vừa đưa ra một giả thiết (chỉ là giả thiết thôi, mấy ông khôn lắm, đâu có tuyên bố những kết luận chắc nịch 100%!) rằng, “có thể” thuốc lá sẽ làm giảm vấn đề ham muốn tình dục cho phái nam. Hi hi, nghe cái tin đó tôi biết ngay là mấy ông bà khoa học gia đã bị sự mua chuộc của các hội cấm thuốc lá để đưa ra một vài lời cảnh cáo như thế mà thôi (cảnh cáo bằng một giả thiết thì chẳng có hại gì cho uy tín nghề nghiệp chuyên môn của khoa học gia cả). Thử tưởng tượng thêm một chút nữa đi: sau khi những lời cảnh cáo trên đưa ra, những người trong bang hội chống thuốc lá hẳn là rất đắc ý, ngời rung đùi nhấp trà nóng ăn bánh ngọt để chúc mừng nhau, ca tụng nhau... và chính vì không hút thuốc nên vấn đề tình dục của họ rất mạnh, họ cũng sẽ ăn mừng bằng những cuộc hành lạc thâu đêm suốt sáng, vợ hay chồng không đáp ứng được nhu cầu tình dục của họ thì họ lăng quăng lẩn quẩn đi tìm đối tượng khác, mèo mả gà đồng, loan phụng nem chả... tệ hơn thì dẫn đến những vụ hãm hiếp bậy bạ, hoặc hãm hiếp có sự đồng thuận của nạn nhân, hoặc sách nhiễu tình dục với người cùng sở, khác sở, với người cùng nhà, khác nhà... cho đến cả những bậc mẫu mực đứng đầu trong chính quyền, trong

tôn giáo, trong ngành giáo dục... vẫn cứ bị mang tiếng mang tai như thường về chuyện tình dục bậy bạ... Sao vậy? Có cái gì thừa mứa bất ổn nơi những thân thể cường tráng không bệnh của những người không hút thuốc chẳng? Và quý vị hãy trả lời dùm tôi câu hỏi này: làm sao có thể giải quyết được nạn nhân mãn trong tương lai như quý vị yêu cầu trong khi quý vị rất là hí hửng đưa ra cái “giả thiết” là thuốc lá làm giảm tình dục? Rồi quý vị còn thông thêm một câu vừa hăm dọa vừa khích lệ rất ư là thâm đặng: “Có lẽ từ nay (khi giả thiết này được đưa ra) các đấng mày râu sẽ giảm đi chuyện hút thuốc rất nhiều bởi vì chẳng ai muốn giảm đi cái chuyện rất cần thiết...” Làm như là cuộc sống chỉ có rông một thứ nhu cầu phạm tục ấy vậy! Rõ ràng là một thứ giả thiết được đưa ra bởi một nhóm phụ nữ, hẳn là vậy, vì quý vị nghĩ rằng đối với đàn ông thì chỉ có một thứ họ khoái nhất, muốn dụ dỗ họ thì chỉ cần nhắm vào cái khoái ấy thôi. Tôi còn nghĩ rằng cái đầu mối của sự tranh cãi kiện tụng, chống đối nhau về thuốc lá nó được khởi nguyên từ hai vợ chồng nào đó (hoặc là chồng hút thuốc vợ không, hoặc ngược lại). Gây cãi nhau trong nhà mãi mà không cùng, họ đẩy vấn đề ra trước công chúng... rồi từ từ thành một phong trào. Hai vợ chồng đầu tiên đưa phong trào ấy ra chắc bây giờ đã già lú không còn hơi sức tranh luận hoặc đã qua đời vì bệnh lao phổi (không phải lao phổi vì thuốc lá mà vì lao tâm khổ trí và nhọc hơi cãi cọ nhau quá độ) nhưng phong trào cứ vậy mà đi tới, đi tới, thành một món hàng thời thượng hợp vệ sinh nhất của thế kỷ. Đấy, như vậy đấy. Hãy quay lại vấn đề tình dục và thuốc lá. Quý vị muốn gì đây? Muốn cấm thuốc lá và khuyến khích tình dục? Chấp nhận nạn nhân mãn hơn là cho phép hút thuốc?

Quý vị thực là khùng! Cho rằng cái giả thiết của quý vị đưa ra là khả tín đi, vậy thì, khi tình dục sung mãn mà không hút thuốc để làm giảm cơn dục thì chỉ có tìm cách làm bậy mà thôi. Thế sao những đầu óc thông minh của quý vị không nghĩ ra thứ thuốc nào làm giảm tình dục mà lại đi chế biến thuốc Viagra? Mà cái nạn của tình dục tôi e rằng nó còn khủng khiếp hơn cái nạn hút thuốc cả trăm lần. Nhất là cái nạn ấy lại được bày ra bởi những người không có chút chất thơ hay chất điên nào! Cái nạn ấy có hai mặt nghịch chiều mà mặt nào cũng hại cả: hoặc góp phần làm lây lan bệnh Aids và các chứng bệnh liên quan trực tiếp đến bộ phận tình dục (chưa kể các bệnh khác như yếu thận, đau lưng, rã đầu gối...), hoặc góp phần làm tăng dân số! Quý vị muốn cả thế giới này sinh và sống trong sự diu dặt của những cơn động cơn dục tình không chút thơ mộng điên cuồng lai rai nào sao? Quý vị muốn cả thế giới này biến thành một màu thuần túy, một màu trắng đục của giới học đường, y dược, bệnh viện, nhà xác? Hay chỉ đơn giản là muốn kiến tạo một thế giới lành mạnh về thể chất? Lành mạnh thể chất để làm quái gì với những tâm hồn bệnh hoạn chứ! Cái thể chất lành mạnh của quý vị, và cả phong trào rình rang rầm rộ đang lên của quý vị cũng chẳng mang theo một thứ hành lý đạo đức mới mẻ cao đẹp nào cả ngoại trừ sự lạm dụng đàn bà và trẻ em làm lá chắn tranh đấu cho mục tiêu riêng của mình. Vậy rồi với một thể xác lành mạnh và sự thúc bách của dục vọng, quý vị sẽ đóng góp gì cho thế giới này? Làm tình, ngoại tình, hiếp dâm, sách nhiễu tình dục, sinh sản bừa mứa, hô hào ngừa thai hay chống phá thai, kết án và giết chết những người thuộc phe ủng hộ ngừa thai hay những người chống phá thai, uống thêm nhiều thuốc bổ và Viagra? Đấy, đấy, nền đạo đức an

sinh xã hội của quý vị là như thế? Quý vị gân cổ lên, gồng sức mình lên, cả một đời, để thiết lập một xã hội, một thế giới khật khùng dường ấy! Hãy tự hỏi lại xem, thế giới này có cần chăng sự truyền giống của những con người chỉ thuần túy thông minh một cách vệ sinh sạch sẽ ngay ngắn thẳng thớm thớm tho lịch lãng xăng lẩn thẩn nhộn nhịp rộn ràng rỗng ta rỗng tuếch mà không hề một lần trong đời biết ngồi lắng một mình? Rốt cuộc, quý vị chỉ tự điều và đang tự tử mà không biết. Hừ, tôi chưa kể một vấn nạn khác cũng liên quan đến nhân mãn là sự thiếu hụt lương thực. Hề hề, nếu thực sự bạn muốn nói một chút về những điều thực dụng thì tôi cũng nhắc thêm như vậy: bạn cho rằng thuốc lá làm giảm chuyện ăn uống, làm người ta ăn mất ngon. Đúng, tôi công nhận điều đó đã được chứng minh trong thực tế. Vì mấy người bạn bỏ thuốc lá của tôi đã trở thành những người hạm ăn một cách đáng sợ. Bây giờ họ đã mập phì ra gấp đôi so với thời gian hút thuốc trước đây và bắt đầu chịu tổn tiền tổn bạc để xin tham dự những chương trình kiêng cử ăn uống rất khổ nhọc. Đó quả thật là thành quả đáng kể cho một xã hội luôn mong ước đào tạo những người mập mạp mũm mĩm thừa mứa. Nhưng thử tưởng tượng mấy chục triệu người trên thế giới bỏ hút thuốc và trở thành một lực lượng hạm ăn hùng hậu thì có phải là làm tăng thêm nỗi lo âu cho toàn cầu về vấn đề thiếu hụt lương thực hay sao chứ! Rõ ràng là những cố gắng của các bạn chỉ tạo ra những kết quả chống trái lẫn nhau.

Hãy, tôi chưa hết ý đâu: còn một vấn đề nghiêm trọng khác liên quan đến chuyện loại bỏ thuốc lá ra khỏi hành tinh này. Chẳng hạn, nơi một số đất nước luôn bị đe dọa bởi sự nghèo đói và nỗi sầu thảm triền miên như đất nước của tôi chẳng hạn... nơi đó, 75% người dân hút

thuốc lá, có nghĩa là phải có ít nhất hàng mấy chục triệu người hút thuốc và đồng thời cũng có hàng triệu người sinh sống bằng nghề bán thuốc lá lẻ. Thử tưởng tượng một xứ sở như thế mà không có thuốc lá thì xã hội sẽ rối loạn, khổ đau hơn đến mức nào! Bạn có biết rằng ở xứ sở ấy, bây giờ người ta nói: “*Điều thuốc chạy tuốt công việc*” thay vì “*miếng trầu làm dầu câu chuyện*” như người xưa của họ; và “*điều thuốc đốt cháy tờ giấy*” thay vì “*đồng bạc chọc thủng tờ giấy*” như người phương Tây nói. Cả một đất nước có nền văn hiến gần năm nghìn năm đáng tự hào bây giờ lại lấy điều thuốc làm nền tảng cho mọi giao tiếp, từ tình bằng hữu cho đến các thương vụ tài chính lớn hay nhỏ, thậm chí cả những trao đổi trong những địa hạt nghiêm túc như tôn giáo, văn hóa, giáo dục, an sinh xã hội, chính trị, ngoại giao... không phải chỉ từ hạ tầng cơ sở mà còn chẳng chừa ở cấp thượng tầng trung ương nữa kia: tất cả từ trên xuống dưới, từ lớn đến nhỏ, bất kỳ địa hạt nào, cũng đều lấy điều thuốc làm chất xúc tác để mọi cho cháy cái năng lượng của sự thỏa thuận và ý chí làm việc. Không có thuốc lá thì công việc không thể nào chạy được đâu bạn ạ. Hừm, cái xã hội ấy, con người ù lì và thụ động giống như những đầu tàu hỏa của thời thế chiến, không đốt thì nó chẳng chịu chạy đâu à. Trong khi ở các xứ giàu có, văn minh, người ta đánh giá nhau qua chiếc xe hơi cũ mới, hiệu gì, thì ở đất nước tôi, người ta liếc mắt thật nhanh—nhanh như sao xẹt ấy—vào điều thuốc gắn trên môi một người, hoặc nơi cái hộp thuốc mà người ấy đặt trên bàn. Cái hộp thuốc vuông vắn, có chữ mạ vàng, in nhiều màu và đóng dấu nổi, thì hiển nhiên là giá trị hơn những bao thuốc xộp in mực xanh hay đen lem luốc... Điều thuốc có đầu lọc, được sản xuất bằng máy móc, nơi

những hãng thuốc nổi tiếng lúc nào cũng no tròn đầy đặn, cầm lên thấy nặng nặng thì ắt là thơm và sang cả hơn những điều thuốc vắn bằng tay của người lao động già trẻ lớn bé trong những nhà lá, nhà tôn, hầm hấp nóng bức... Cái hộp quẹt nằm trên hộp thuốc cũng thế, nó góp phần chứng minh phẩm giá của chủ nhân đấy bạn ạ. Hực hực, muốn tôi nói thêm chút gì nữa không về đất nước tôi? Này nhé, trong khi những xã hội văn minh ngày nay đang gắn lại với nhau qua sự nối kết mạng lưới điện toán thì ở đất nước đó, người ta đã nhiệt tình đan kết với nhau, một cách gấn bó, chằng chịt, bởi những đường dây thuốc lá đầy trời! Điều thuốc ở xứ tôi đa dụng, đa năng hơn điều thuốc ở xã hội này nhiều. Cho nên, cũng thật khó tưởng tượng nổi là xứ sở tôi sẽ ra làm sao khi không có thuốc lá. Có lẽ lúc ấy những người cầm quyền sẽ khó tính hơn; những người lao động sẽ lười biếng hơn; những người buồn nản và thất vọng sẽ dễ tự tử hơn; những người bực dọc sẽ dễ gây gỗ và ấu đả hơn; những giây phút ngơi nghỉ sẽ mất đi; những người chờ đợi nhau sẽ không còn nhẫn nại được nữa; và những cơn sâu muộn thất chí sẽ không còn lối thoát... nói tóm lại là giữa con người với nhau, sẽ không có một gạch nối thỏa thuận đồng tâm nào nữa cả. Như vậy, một khi thuốc lá không còn thì xã hội ấy sụm theo. Ha, bạn không tin được sao? Chuyện dễ tin như vậy mà vẫn không tin được, lạ nhỉ! Có gì đâu, chỉ vì ở cái nơi chốn mà mọi thứ đều không thật, mọi thứ đều là giả—ngay cả thuốc lá cũng có hàng nghìn thứ thuốc lá giả—thì con người ở đó chỉ còn một phương cách duy nhất để giữ cho mình tồn tại là bám vào cái chất xúc tác dẫn mình vào những cơn mộng ảo.

Thôi, có lẽ tôi chỉ nói sơ sơ vài điều như vậy. Nói nhiều quá không chừng những lời của mình lại trở thành

thứ phương châm tào lao cho một nhóm tài phiệt bán buôn nào đó vận động cho ngành sản xuất thuốc lá! Tôi chẳng bao giờ có ý ủng hộ mấy cái đại công ty sản xuất thuốc lá cả (dù rằng tôi hay các bạn đều có thể thấy trước một viễn tượng khá bi thảm là hàng triệu người sẽ bị thất nghiệp dù ở xứ này hay ở xứ sở nghèo đói của tôi—nếu các đại công ty ấy bị khai phá sản hoặc bị cấm hoạt động). Tôi chỉ ngậm ngùi nhắc lại, nhìn lại một chút về cái thú tiêu khiển đã có từ nhiều thế kỷ, đã từng đóng góp những trang sử tráng lệ huy hoàng cho thế giới, đã từng vỗ về bao tâm hồn đau khổ sầu muộn, bao giây phút chờ đợi nhớ nhung nhau, bao công trình tim óc quên ngày quên tháng. Ôi, nhìn lại xem, biết bao là hình ảnh đẹp, biết bao là kỷ niệm êm đềm quán qua quán quít giữa điều thuốc và con người, giữa những người bạn chung tình đồng điệu ở khắp nơi trên hành tinh này. Điều thuốc, mỗi điều thuốc, là một người bạn, một tri kỷ không lời, một người bạn luôn lắng nghe, biết vỗ về an ủi bằng chính sự thiêu hủy bản thân mình. Ở đời bạn có thấy ai hy sinh chính họ để làm vui lòng người khác như điều thuốc không nhỉ? Điều thuốc cũng phù du như con phù du, cháy lên trong ánh lửa, nhưng con phù du thì hy sinh cho chính nó, còn điều thuốc thì hy sinh cho bạn, cho nỗi buồn hay niềm vui của bạn, cho thời gian trống vắng của bạn, cho cái cô đơn khủng khiếp tàn bạo của đời bạn.

Nhìn lại xem, nào hãy nhìn lại xem. Khoan, chờ tôi đốt điều thuốc, vâng một điều nữa thôi, hoặc có thể là một vài điều cuối cùng của đời tôi. Bạn có thấy không, ôi, có khi chỉ kéo một hơi thuốc thôi mà thấy cả một bức tranh toàn bích của nhân loại. Không phải là toàn nhân loại trong giây phút hiện tại mà bao gồm luôn cả quá

khứ. Cái đẹp tuyệt vời nhất của đời người là ở chỗ đó— nó luôn luôn phát sinh từ sự liên tưởng, từ sự tưởng tượng. Nếu chẳng có chút trầm tư suy tưởng, liên tưởng hay tưởng tượng thì đốt thuốc này chẳng có ý nghĩa gì cả, chỉ là đốt tiền và đốt sức khỏe. Nhưng khi một người biết hút thuốc, biết nói chuyện với điếu thuốc, biết giá trị của điếu thuốc, thì đốt một điếu thuốc là thấp sáng lên bức tranh toàn bích ấy, thấp sáng cả một lịch sử dài lâu của nhân loại. Đây này, điếu thuốc này, cách đây trăm năm hay ngàn năm, hay là ở ngay trong hiện tại này, ở những nơi chốn khác nhau, có những người không hề biết nhau, không từng thấy mặt nhau, không từng nghe tiếng nhau, đang cùng đốt lên và phả những làn khói mỏng vào không gian. Một gã tình si lặng đứng bên bờ hồ. Một văn sĩ bên cửa sổ nhìn ra vườn sau. Một thi nhân đứng trên đỉnh núi cao. Một người lính trận lom khom tựa mình vào vách đá. Một kỹ nữ gõ nhịp chân trên hè phố vắng khách. Những người bạn tri âm gặp gỡ nhau. Những người tình quay quắt chờ đợi nhau. Những người tử tù thức sáng đêm trong ngục thất. Những bờ sông. Những quán cà phê vỉa hè. Những công viên với ghế đá bỏ trống. Những sân trường không thấy bóng sinh viên. Những bãi đậu xe vắng ngắt. Những hàng hiên không người qua lại. Những bình minh trắng lợt huy hoàng. Những buổi trưa vắng vắng tiếng còi tàu xa xa. Những màn đêm ôm xiết bao tình sầu. Những buổi chiều màu nắng lạng lẽ rơi xuống cùng nổi băng khuâng nhớ nhà. Ôi cái gì thế? Vâng, những nơi chốn, những hoàn cảnh, những tâm tình, những thời gian, đã lần lượt hiện hữu rồi trôi đi cùng khói thuốc. Người ta chỉ thấy cái đẹp của những tác phẩm mỹ thuật mà không thấy cái đẹp lạng lẽ vô danh của những điếu thuốc trên tay người

nghệ sĩ. Không thấy những tàn tro âm thầm rơi xuống. Không thấy những làn khói mỏng lãng đãng bay lên. Khói, tro, tan biến đi. Chỉ có nghệ phẩm là ở lại lâu dài với đời. Người thưởng lãm, người ái mộ, làm bạn với nhà nghệ sĩ khi ông ta buông bút xuống. Chỉ có điều thuốc mới là người bạn đường của nghệ sĩ trong những phút trầm lắng nhất của tư duy, trong những cơn dật dờ phiêu hốt nhất của mộng tưởng và hoang tưởng. Đem cũng như ngày, lúc no cũng như lúc đói, lúc giàu cũng như lúc nghèo, lúc vinh quang cũng như khi sa cơ thất vận, luôn luôn điều thuốc là người bạn cận kề và trung thành nhất của người nghệ sĩ tài hoa.

Có những tay đại phú bỏ hàng triệu mỹ kim để mua những bức danh họa của Picasso, Van Gogh hay Claude Monet về treo trong phòng khách tư gia. Những người này cũng ủng hộ hội chống thuốc lá đấy. Lại có những nữ độc giả đọc hàng trăm, hàng nghìn cuốn sách của nhiều tác giả khác nhau, từ cận đại đến hiện đại, đi đâu cũng mang theo mình những cuốn sách, mê sách mê truyện đến dường đó, nhưng chính họ cũng đang tham gia những cuộc vận động chống thuốc lá đấy. Đối với đa phần các nghệ sĩ tài hoa mà nói, thực ra cấm họ hút thuốc họ vẫn cứ sáng tác được chứ chẳng phải không. Nhưng cái gia vị vô hình để nêm vào các món ăn tinh thần đã bị lược giảm đi rồi. Bạn không biết đâu, ở một đoạn văn, một câu thơ, hay một nét vẽ đó, nếu có một hơi thuốc lá vào thì kết quả sẽ không giống với khi không hút thuốc. Đứng vào cái lúc ngầy ngật lãng lãng khi rít vào một hơi thuốc, những tư tưởng tuyệt vời nào đó ở sâu thẳm nhất trong tiềm thức có thể được vực dậy. Hây, các cậu các cô nghiên cứu y dược cứ đưa ra những phân tích, những kết quả chi li, cho rằng thực ra khói

thuốc với chất *nicotine* chỉ làm trì trệ sự suy tưởng chứ không có khả năng làm phấn khích như những người hút thuốc quen nghĩ; rồi lại nói rằng sự tin tưởng vào khói thuốc trong tư duy sáng tạo chỉ là ảo tưởng. Ôi, nói vậy thì cũng chẳng hiểu cóc lác gì cái quá trình sáng tác của nghệ nhân cả. Ha, phải biết rằng cái điều mà nghệ sĩ tư duy nghiêm chỉnh theo phong cách thông tục đời thường chỉ mới là cái phong cho nghệ phẩm—ở phần ấy, chẳng cần hút hơi thuốc nào cũng chả sao cả. Nhưng những tư tưởng thậm thâm tuyệt vời nhất của hấn thì bộc phát ở chính giây phút mà hấn phải vượt qua cái lễ thói của tư duy, bước vào thế giới của ảo tưởng, loạn tưởng, cái thế giới mà hấn không còn khả năng để kiểm soát được nữa. Chính từ giây phút đó, chính ở giai đoạn đó, cái thần của nghệ phẩm mới được phát tiết, tuôn trào. Nếu chỉ ngồi nghiêm chỉnh ngay ngắn nơi cái bàn viết sạch sẽ thơm tho ngăn nắp gọn gàng để hít thở đều đặn và suy tư một cách nề nếp thận trọng đàng hoàng thì... ôi chao, chỉ để ra những sách biên khảo, giáo khoa và sách học làm người thôi bạn ạ!

Người ta kêu gọi các nghệ sĩ hãy sáng tạo, hãy sáng tác, hãy vẽ, hãy viết, hãy đàn, hãy ca cho hay, cho đạt, nhưng đồng thời cứ la ó chống đối khói thuốc, ý chừng họ muốn các nghệ sĩ này hãy vừa nhai kẹo chewing gum vừa sáng tác ấy mà. Hãy thử tưởng tượng một tác phẩm được hoàn thành bởi mười ngàn cho tới mười triệu cái nhóp nhép của hai hàm răng sạch sẽ, khỏe mạnh và cần cù xem nào! Tác phẩm ấy nói cái gì thế nhỉ? Có tư tưởng thâm viễn nào hay một ý tứ xuất thần nào được nảy sinh bởi sự vận động ồn ào và thô bạo của quai hàm không nhỉ? Nhai kẹo hay nhấm mực khô với bia chỉ có thể thích hợp với những người viết sách

dạy nấu ăn thôi!

Tôi sẽ không hút thuốc nữa trong một ngày rất gần, có lẽ là như vậy. Không phải tôi bị thúc đẩy bởi những lời rao giảng về tác hại của thuốc lá đâu bạn ạ, nhưng bởi vì sống ở đời này cũng phải biết điều một chút. Người ta nói rằng tôi hơi gần, hơi điên, nhưng thực ra tôi cũng biết điều lẽ nghĩa, biết lẽ đúng sai thuận theo môi trường xã hội lắm chứ. Tôi không muốn gàn bướng chống lại kỷ cương cho quyền tự do của tôi—một cái quyền mà mọi người ở thế giới văn minh đều đề cao hết mực—để rồi các bạn lại mang tiếng là tước đoạt nó của tôi. Tôi cũng không muốn nói lên tất cả điều này để rồi được một chính quyền hay một ủy ban quốc tế về thuốc lá cho tôi hay những người nghệ sĩ sáng tác thứ đặc ân đặc quyền gì đó về việc hút thuốc lá, chẳng hạn cấp cho một giấy phép hút thuốc hoặc một cái bằng chứng nhận nghệ sĩ để được hút thuốc. Hừ, cả hai trường hợp trên đều không được, nhất định là không được. Thứ nhất, tôi ghét nhất những cái gọi là “đặc quyền”; cái thứ ấy trao đến tay ai là dim chết ngay kẻ ấy trong hư đốn, hèn mạt và kiêu hãnh một cách lộ bịch. Còn về giấy chứng nhận nghệ sĩ đó à? Ối, chỉ là chuyện ruồi bu kiến đậu thôi. Vì sao ấy à? Bởi vì, không lẽ những người không có một chút thơ hay chút điên nào mà lại có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận điên, chứng nhận thơ cho một nghệ sĩ? Còn nữa, không lẽ những người thơ và những người điên lại đi điên đơn để xin giấy chứng nhận được làm nghệ sĩ? Còn nữa, lấy cái tiêu chuẩn nào để xét định rằng gã này, gã nọ xứng đáng là một nhà thơ, một nhà điên, một nhà nghệ sĩ? Còn nữa, không lẽ kẻ nào có tác phẩm in ra thì đều được coi là nghệ sĩ? Không lẽ kẻ nào không có tác phẩm được in thì không phải là nghệ sĩ? Không lẽ

muốn được hút thuốc thì phải ráng làm cái gì đó để chứng minh rằng mình là nghệ sĩ? Ôi mấy cái trò đó mà bày ra chỉ thêm thối cho đời. Đó là chưa nói đến khi mà mọi lý do không thể chấp nhận vừa nêu ở trên đều được ậm ừ chấp nhận, thì cái màn nghệ-sĩ-được-đặc-quyền-hút-thuốc sẽ dẫn đến một thứ vẩn nạn buồn cười lố bịch khác. Chẳng hạn khi một thi nhân đang ngồi hút thuốc bên bờ sông để lấy hứng cảm thì có anh chàng cảnh sát lăm le khẩu súng bên hông, với bộ mặt làm ra vẻ oai phong lẫm liệt lẫm, tiến đến gần, đòi phải trình giấy chứng nhận nghệ sĩ! Ôi, chỉ mới tưởng tượng thử chút xíu cái màn đó đã thấy nó thảm sâu và chán ngấy thế nào ấy!

Cho nên, tôi nói rồi: tôi không cố gắng nhiều lời để đòi hỏi cái gì cho tôi hay đồng bạn của tôi đâu. Tôi chỉ muốn thuận theo vận xoay của cuộc đời. Khi đa số mọi người muốn vậy, tôi sẽ tôn trọng tuân theo. Tuân theo bằng cách không làm gì chống trái với nó chứ không phải là chấp nhận nó.

Cuộc đời tương lai mà các bạn nỗ lực gây dựng nó sẽ như vậy, giống như một trường học tôn giáo hay một bệnh viện tâm thần. Thế giới ngày mai có thể là không còn thuốc lá nữa và đồng thời cũng không còn bất kỳ một nghệ phẩm sáng tạo nào ra đời nữa—nói vậy không có nghĩa rằng không có thuốc thì không sáng tác; mà chỉ có nghĩa rằng, khi những cá nhân bị lừa đi như vịt vào một ao tù có vòng rào vây sẵn, bị đồng hóa đến tận cùng hơi thở, nụ cười và suy tưởng để kết thành một tổng thể từ trên xuống dưới giống nhau, từ trái qua phải đều nhau, từ trước đến sau chẳng khác, thì thực sự là chẳng còn một thứ gì có thể được coi là “nghệ phẩm.” Chỉ có những sản phẩm được sản xuất bởi những đầu óc toán học

VĨNH HẢO

nghiêm chỉnh. Thế giới này sẽ không còn chất thơ. Và không còn chất điên. Tôi không muốn chờ đợi thế giới ấy trở thành hiện thực, vì vậy tôi phải lên đường đi trước. Đi đâu đấy à? Chắc là vào rừng sâu núi thẳm, hay một xóm xinh xa xôi nào đó, nơi mà “*chút thơ mộng ấy hãy còn, anh về thì cũng vừa tròn trăm năm.*” ■

Lò đúc

Hắn đã tậu một căn biệt thự ở Malibu, thấy đơn độc quá bèn dời về thành phố Fountain Valley để gần gũi khu vực có đông người Việt cũng như hàng quán Việt cho tiện. Khu này nhà cửa đắt giá hơn các thành phố lân cận. Hắn mua một căn nhà to lớn, kang trang, nhiều phòng. Nhưng rồi, cũng chẳng có thêm niềm vui gì cho đời sống giàu có của hắn cả. Giàu có một cách âm thầm lặng lẽ. Bởi vì không lẽ đi khoe với mọi người rằng tôi đã trúng số 128 triệu, trúng một mình, ôm gọn một mình 20 năm! Khoe thì ắt là chết sớm. Còn không khoe thì... tiếp tục sống một đời hẩm hiu trên núi vàng! Lấy vợ thì hắn chẳng muốn, vì nhiều lý do lắm. Hồi còn cơ hàn, hắn cũng có nghĩ đến chuyện lập gia đình khi có chút vốn liếng và nghề nghiệp vững chải. Nhưng từ lúc thành triệu phú rồi, hắn sợ phải lấy vợ. Sợ mất tự do, sợ bị chia tài sản, và sợ rằng người ta không thực lòng yêu hắn mà chỉ yêu đồng tiền của hắn thôi. Bởi vì nếu bỏ qua một bên cái yếu tố quan trọng là triệu phú của hắn thì không cô gái nào—hay là ngay cả những người đàn bà sồn sồn đang có chồng hoặc góa chồng nào—thèm để ý đến hắn cả. Cho nên, cuối cùng thì hắn vẫn cứ sống hẩm hiu như thường.

Thực sự không ai biết hắn là một triệu phú, một người có thể vung tay một cái là chi ra mấy chục ngàn

hay cả trăm ngàn như chơi. Làm triệu phú mà chẳng ai biết cả, thế thì làm sao có được hạnh phúc nhỉ?

Đậu xe vào ga-ra, đi vào nhà bằng cửa hông, ngang nhà bếp sạch boong chưa hề nấu nướng từ khi dọn vào, hấn vừa mở tủ lạnh lấy lon nước ngọt vừa bấm nút cho cái máy điện thoại phát lại những lời nhắn.

“Chào ông Hàn, tôi là chiêm tinh gia Thất sơn tử đây. Tôi vừa bấm ra một quả linh diệu lắm, quả này lại ứng vào ông, cho biết có quý nhân có thể giúp ông thay đổi cả cuộc đời. Ông hãy gọi cho tôi, sớm chừng nào tốt chừng đó. Hoặc cứ đến thẳng chỗ tôi, không cần lấy hẹn đâu. Tôi sẽ ở nhà đặc biệt chờ đợi ông đấy.”

“A-lô, tôi là Thất sơn tử đây, ông Hàn đã về nhà chưa ạ? Xin gọi tôi gấp.”

“A-lô, có ông Hàn đó không? Tôi là Thất sơn tử đây. Số điện thoại của tôi là...”

Hấn thầm nghĩ, cái ông thầy tướng số này, sao cứ gọi hoài gọi mãi vậy kìa. Mỗi ngày đi đâu về cũng nghe lời nhắn của ông, xóa đi rồi, ngày hôm sau lại nhận lời nhắn khác. Chắc ông thấy mình cho ông tiền hậu hĩ quá nên kiếm chuyện mời mình tới nữa chứ gì. Ủa mà sao ông ấy có số điện thoại của mình kìa? À, cũng tại mình nhờ ổng bốc một quả về công danh, tìm người phù trợ giúp đỡ cho mình... Phải rồi, mình có nhờ ổng nên ổng mới gọi mới nhắn tùm lum như vậy. Ừm, chắc là ông ấy đã bốc được quả tốt, tìm được người tốt giúp mình thăng tiến. Hừ, có thật không đây? Có nên đến ổng không vậy? Chắc cũng nên đến thử. Bây giờ hết suy nghĩ gì được nữa rồi. Nhờ mấy cha thầy bói suy nghĩ sắp xếp giùm cho khỏe.

Nơi kiếng cửa sổ của tư thất ông thầy Thất sơn tử, hấn thấy treo cái bảng bằng tiếng Việt: “Hôm nay thầy

ngủ.” Hấn cảm thấy một chút tự hào dâng lên khi biết rằng ông ấy đẹp hết mọi thân chủ khác chỉ để tiếp riêng hấn. Bởi niềm tự hào ấy, hấn có cảm tưởng như thân xác hấn cao lớn hơn, oai phong hơn khi bước lên thềm nhà của ông.

Vừa đưa tay bấm chuông, ngay sau đó chút xíu đã thấy cửa mở ngay cái rột.

“Ô, ông Hàn đó hả, xin mời vào, xin mời vào. Đúng là cái số của ông nó đi lên thật rồi,” vừa nói, ông thầy tướng số vừa đưa tay ra dấu mời Hàn, “không cần, không cần cởi giày đâu, ông cứ tự nhiên mang vào. Đây, mời ngồi ở đây. Tôi sẽ tuân tự nói ông Hàn nghe, à, mẹ sắp nhỏ pha trà đi, có khách quý đến đây này. Hơ, từ nhà ông Hàn đến đây mất bao nhiêu phút nhỉ? Hai mươi phút à, vậy cũng khá gần chứ. Nói ông Hàn nghe, kể từ nay, làm theo lời cố vấn của tôi thì ông chắc chắn sẽ bước lên một con đường thênh thang, nổi danh nổi tiếng khắp thế giới. Thật đó, tôi không nói cường điệu đâu. Đấy, đấy, cứ nhìn ngoại tướng của ông cũng đủ thấy rồi. Minh đường sáng rõ, da mặt hồng bóng lên... Khi cái số tốt nó đến mình muốn tránh cũng không được mà. Đây rồi, có trà rồi, trà hảo hạng để đãi khách quý đây mà. Được rồi, bà xuống dưới để tôi tiếp chuyện riêng với ông Hàn.”

Giọng ông thầy bói nhỏ xuống, nghiêm trọng. Hàn ngồi nơi ghế bành hơi chồm tới trước một chút để nghe cho rõ. Hai người xì xầm với nhau khá lâu. Cuộc nói chuyện kéo dài gần hai giờ đồng hồ. Cuối cùng thì Hàn móc bóp lấy tiền ra, đưa ông thầy bói mấy trăm; rồi nghe ông thầy bói nói sao đó, Hàn lại móc sổ ra, ký thêm cho ông một tấm chi phiếu. Ông Thất sơn tử tiếp tục nói nhỏ gì đó khi tiễn Hàn ra cửa. Hàn vừa bước ra,

vừa đọc kỹ cái danh thiếp mà ông mới đưa.

Theo lời giới thiệu của ông Thất sơn tử, Hàn lái xe đến thành phố Los Alamitos, tìm địa chỉ một ngôi biệt thự sang trọng có cổng rào. Như được báo trước, khi xe của Hàn vừa đậu phía trước một chút đã thấy cổng tự động mở, rồi một thiếu nữ mặc váy ngắn, chững diện kỹ lưỡng, ẵm ẵm từ trong bước ra hướng dẫn Hàn đậu xe rồi đưa đường vào phòng khách, ngang qua một khoảng sân cỏ rộng, xanh mướt. Căn nhà có lối kiến trúc và trưng bày thật tân kỳ, sang trọng. Ất hẳn là phải có mướn các nhà chuyên môn về trang trí nhà cửa để cố vấn từ ngoài vườn vào đến trong nhà. Hẳn là một người giàu bất ngờ, không phải giàu bởi dòng tộc kế tập, không được huấn luyện trong môi trường nhà giàu, cho nên đối với vẻ tráng lệ của ngôi nhà này, hẳn chỉ biết lỗ mắt ra mà chiêm ngưỡng, thán phục, chứ chẳng biết lý do tại sao căn nhà nó đẹp đến như vậy. Tự dưng hẳn thấy mình bé nhỏ, tầm thường khi ngồi chờ nơi một góc phòng khách sang trọng. Chủ nhà đang tiếp một người khách đến trước hẳn nơi gian chính của nhà khách nên hẳn phải ngồi đợi nơi một phòng khách nhỏ hơn phía ngoài. Đây chỉ là một góc thôi mà đối với hẳn, đã thấy đẹp rồi. Đúng là có bàn tay con người chăm sóc hàng ngày chứ đâu như nhà hẳn, chỉ là một chỗ để ở, trơn tróc, vắng hoe. Thuở còn đi làm thợ sơn, hẳn chưa bao giờ có được cái điểm phúc sơn nhà cho các ngôi biệt thự của dân nhà giàu. Hẳn nhìn quanh một lúc, nhằm tính rằng nếu sơn căn nhà này thì phải mất từ 7 đến 10 ngày như chơi. Trong một thoáng chốc, hẳn quên mất hẳn đang là một triệu phú. Phải một lúc sau, hẳn mới nhớ lại được thân phận và mục đích của mình khi đến đây. Đón tách nước trà từ một thiếu nữ trẻ đẹp duyên dáng khác, Hàn thăm

ngĩ, không lẽ người chủ nhà này lại giàu hơn cả hẳn! Điều đó hẳn chưa dám xác định. Nhưng hạnh phúc hơn hẳn thì chắc là có rồi. Nhà cửa sang trọng, người ra kẻ vào tấp nập, rình rang vui vẻ... Xem kìa, nhà gì mà toàn là giai nhân, đi ra đi vào như mắc cửi, nhìn bắt sáng con mắt, bắt búng cả trái tim! Con gái của ông chủ nhà hay chỉ là những người giúp việc, những người hầu cận? Họ có biết ta là ai không nhỉ? Đang suy nghĩ vớ vẩn như vậy thì thấy một bà sồn sồn xấp xỉ năm mươi từ trong phòng khách chính bước ra, theo sau là một người đàn ông chừng khoảng ngoài sáu mươi. Người đàn bà chắc là khách, người đàn ông chắc là chủ. Thấy hẳn, người đàn ông lên tiếng ngay:

“A, phải cậu Hàn đó không? Cụ Thất sơn tử có gọi đến đây khi nãy báo trước là có cậu tới. Phải rồi, phải rồi, tôi sẽ tiếp cậu ngay bây giờ. Chờ thêm chút nữa nhé.”

Người đàn bà đứng lại, nói câu gì đó với chủ nhà rồi cười ngả cười nghiêng, giọng đứ đờn, tay vỗ vỗ lên ngực ông chủ nhà. Ông cười híp mắt, đưa tay choàng vai bà ấy, đưa đi một đoạn ra tới thêm hiên. Quay trở lại, ông chủ nhà đưa ngón tay trở ngoắc ngoắc ra dấu Hàn đi theo ông vào phòng khách chính.

“Không biết lão Thất sơn tử giới thiệu mình ra sao mà cha nội này có vẻ kênh kiệu quá. Ngoắc mình vào mà như ngoắc chó! Không lẽ con đường tiến thân của mình lại tùy thuộc vào cha già mắc dịch này sao chứ?” Hàn nghĩ thầm.

“Ngồi đi, ngồi đi. Sao, nghe cụ Thất sơn tử nói cậu muốn đổi đời, muốn một cái gì mới mẻ khác xa với cuộc sống hiện tại, phải vậy không? À, mà cậu tên Hàn, phải không? Tên gì mà hàn với lạnh, hàn với nghèo! Nói xin

lỗi, cái tên cha sanh mẹ đẻ chỉ xài khi đi học ở trường thôi, còn muốn dương danh với đời thì phải chọn cái tên khác mới được. Cậu em phải lấy một tên khác thích hợp hơn. Một cái tên, tuy chỉ là tên, nhưng rất quan trọng đấy cậu ạ. Muốn nổi danh thì trước hết cái danh phải nổi. Danh không nổi thì làm sao nổi danh được chứ! Lỡ như mình có cái tên không đẹp, mà lại được nổi danh thì chẳng phải là chấp nhận cho mọi người tung hô ra cái tên không đẹp của mình đấy sao! Chi bằng trước khi nổi danh, ta phải tìm cái danh nổi. Đó là điểm căn bản vỡ lòng tôi hướng dẫn cho cậu hôm nay. Cậu cho tiền cọc trước đi, rồi tôi nói tiếp.”

Hàn hơi chưng hửng một chốc nhưng rồi nhớ lời dặn của ông Thất sơn tử nên làm bộ sốt sắng móc cái sổ chi phiếu ra, ký ngay hai nghìn đồng. Lão chủ nhà ngả lưng vào cái ghế bọc nệm, có vẻ như không chú ý đến tấm chi phiếu Hàn vừa đặt trên bàn, nhưng cặp mắt của lão thực sự đã liếc một cái thật nhanh và đọc được ngay con số nằm trong cái khung nhỏ. Lão im một lúc rồi chồm về trước, nâng tách trà nhỏ, nói tiếp:

“Cái danh thật nổi sẽ đẩy cậu nổi lên giữa đám phàm phu tục tử. Cái danh đó quan trọng lắm, ảnh hưởng cả một đời công danh sự nghiệp của cậu chứ không phải là đơn giản đâu!”

Ông nhấn mạnh và kéo nhựa hai chữ “đơn giản” ra khiến Hàn lúng túng một chút rồi hiểu ý ngay, lại ký thêm một tấm ngân phiếu ba nghìn đồng nữa. Bây giờ thì chủ nhân có vẻ hơi hài lòng, gật gù nói:

“Chắc ông Thất sơn tử chưa nói chuyện thật kỹ với cậu. Ở đây, tôi có nguyên tắc của tôi. Chưa quen thì thấy vậy đó, nhưng quen rồi thì cậu sẽ thấy mọi chuyện tự nhiên như hít thở và sẽ thấy tôi là con người thành

thật, ngay thẳng, lịch lãm, bản lĩnh, xứng đáng để các thân chủ đầu tư những món tiền to lớn, to lớn dữ lắm, có khi đến sáu hay bảy con số không phía sau nữa kia! Nhưng thôi, khoan hãy nói cái chuyện của tương lai ấy. Trở về thực tế hiện tại nhé, bây giờ cậu có thể mớm ý cho tôi biết cậu muốn làm một... *đấng* gì trên đời này không? Cậu cứ thẳng thắn trình bày đi nhé, đó là quyền lợi của cậu mà. Nói đi, mạnh dạn đi, sao ít nói thế, phải tập nói cho nhiều, cho quen, bởi vì không bao lâu nữa, cậu đã là con người của số đông, của quần chúng rồi.”

“À, à... thực ra cháu không dám có cao vọng gì nhiều đâu. Không đến nỗi nào phải trở thành một *đấng*, nghe thấy ghê quá!”

“Há ha ha hà, có gì mà phải tự khiêm chứ. Cậu không biết rằng một khi thân chủ của tôi đã đặt chân đến đây rồi thì khi bước ra, liền trở thành một con người khác sao! Nói một con người khác cũng không chính xác nữa, phải nói là một *đấng*, phải, một *đấng* thánh siêu việt kia! Khà khà, nhưng cậu thì thật đặc biệt đấy, vì so với các thân chủ khác của tôi, cậu trông trẻ tuổi nhất. Chắc cậu chừng 34, 35 tuổi thôi chứ gì! Ủ, thảo nào nhìn mặt thấy còn non choẹt, còn trẻ hơn thằng con trai út của tôi nữa kia mà. Hầy, đó cũng là lợi điểm của cậu. Nổi danh ngay từ lúc trẻ thì dấu sao cũng được chú ý hơn. Xem nào, tôi phải kiểm lại mấy thần thánh thân chủ của tôi cái đã, phải bảo đảm là không ai giẫm chân ai mới được... sau đó mới xem lại những danh vị còn để trống...” Lão nhóm người về trước, vói lấy một cuốn sổ màu nâu thật lớn đặt sẵn trên bàn, lật vài trang đầu, có vẻ như đang dò cái mục lục, “xem nào, xem nào... *Thần đồng thế kỷ, Đại thiên sư, Con thứ của Thượng Đế, Thanh Đề giáng thế, Đại học giả, Nữ thần của Tình ái, Đại văn*

hào, Đại nhạc sĩ đời mới, Siêu hoa hậu phương Đông, Chiêm tinh thánh giả, Thần y giáng phàm... Cậu thấy không, ngành nào ngành nào cũng có hết. Cậu đến sau, chắc là phải chịu thiệt thòi một chút... trừ phi cậu chịu chi lớn thì tôi cũng có cách chứ chẳng phải không. Ừm, xem nào... cũng khó đấy nhỉ!”

Nói rồi ông lại ngả lưng vào ghế, mặt ngó lên trần nhà ra chiều suy nghĩ. Hàn lại móc cuốn sổ chi phiếu ra. Ông liền xua tay:

“Khoan, dớm đấy một chút. Thôi mình hãy đi thẳng vào vấn đề, đừng có chi lắt nhắt nữa. Tôi nhắc lại câu hỏi khi nãy, cậu có nghĩ trước trong đầu là muốn trở thành một đấng gì không? Tôi phải biết trước cái điều mơ ước của cậu rồi mới sắp xếp được. Từ nhỏ đến giờ, cậu ngưỡng mộ ai nhất, thích được làm đấng gì nhất?”

“Dạ... dạ... cũng không rõ. Chỉ nhớ hồi nhỏ thì mơ làm hiệp sĩ, làm anh hùng. Lớn lên một chút thì muốn thành giáo sư, hay bác sĩ... nhưng lại không có điều kiện để học...”

“Xì, những loại đó ở thời đại này chẳng là cái quái gì cả, chỉ là những cái tài cái chí do tập luyện mà thành, chỉ là những thành tựu của con người, không phải do bàn tay của Thượng Đế. Cậu bây giờ có khả năng đổi đời, lột xác rồi, phải nghĩ cái gì ở tầng cao kia, đừng có khiêm nhường nữa, phải tự đặt mình ở tầm mức thần thánh thì người khác mới coi mình là thần thánh được. Khi cậu ở cái mức đó rồi đấy hả, những hiệp sĩ, anh hùng, thầy giáo, bác sĩ này nọ... đều là môn đồ, đệ tử của cậu hết.”

“Nhưng... cháu chỉ muốn làm một con người đặc biệt, có chút tiếng tăm... và vẫn có thể sống đời sống bình thường như những người khác... chẳng hạn có người yêu, có vợ, ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà sang trọng, v.v...”

chứ không muốn làm thần thánh để rồi nhin tất cả như mấy ông thầy tu...”

“Ha ha ha ha, cậu thật là ngây thơ hết biết! Mấy ngài thần thánh chui ra từ cái lò này,” ông vỗ vỗ lên cuốn sổ nâu, “có ngài nào nhin đâu, vẫn sống đời hưởng thụ bình thường chứ, không những vậy, còn hưởng thụ vượt bậc hơn người thường nữa kia. Nói tóm lại là thứ gì họ cũng vượt bậc hơn người cả!”

Hắn giật nảy người một cái:

“Có chuyện đó thật sao?”

“Hãy, làm gì mà khẩn trương lên vậy chứ. Cậu cứ nghĩ xem, khi mình đã là thần tượng của một số người thì muốn gì lại chả được. Nhưng... mà này, cậu đã dứt khoát chưa đấy? Ông Thất sơn tử đã hướng dẫn cậu thế nào rồi? Nói tóm một câu, khi đã vào đây để gặp tôi thì hoặc là vinh quang xán lạn, thoát cái biển thành thần thánh, tha hồ hưởng lạc như kéo cả thiên đường vạn kỷ vào trong một kiếp trần gian; hoặc là thân bại danh liệt, một khúc bánh mì khô cũng không có mà gặm, sống trốn chui trốn nhủi như con chó ghẻ lác.”

Hắn thất sắc, toát mồ hôi, lấp bắp hỏi:

“Sao... sao lại có chuyện ngược... ngược... như vậy. Dĩ nhiên là đâu có ai tìm gặp ông mà lại muốn bị đày đọa như thế?”

“Có chi đâu mà thắc mắc vậy kìa. Chỉ đơn giản là khách hàng của tôi muốn đi lên hay muốn đi xuống, vậy thôi. Và khi được đi lên rồi, họ có muốn đi lên mãi hay là lên nửa chừng lại rút cái đùi xuống chỗ thăm thăm của địa ngục trần gian, không ngóc đầu lên nổi. Hờ, chắc là ông Thất sơn tử chưa nói rõ tất cả cho cậu. Thôi thì để tôi nói sơ nhé: những bậc thiên tài, thần thánh, vô thượng, vĩ đại... dương danh với đời nhờ sự phù trợ bên

trong của tôi, đều đóng tiền cọc, rồi tiền thù lao khi nổi danh thực thụ khắp thế giới, rồi sau đó là tiền bảo hiểm hàng tháng đầy ả—tức là để bảo đảm là không bị rơi xuống trở lại cõi phàm tục. Hờ, tôi nghĩ ba cái lắt nhắt đó thì có nhằm nhò gì với cậu đâu, phải không? Nhìn tướng cậu, thấy sáng rõ lên rồi, thấy đúng là có quý tướng, giàu sang hết mực đấy; chỉ thiếu cái danh, một cái danh thật to lớn, vĩ đại cho xứng đáng với quý tướng của cậu thôi.”

“Nhưng mà... nói thật với bác, cháu không có tài gì nổi bật cả. Với lại... nếu cháu được nổi danh... thì ai sẽ là người bảo vệ cháu, ai sẽ sống bên cạnh cháu... ý cháu muốn biết là làm sao để sống trong sự giàu sang, danh tiếng mà không bị người khác hại mình?”

“Ồi giờ, đã bảo cậu rồi. Cậu là thân chủ của tôi, tôi muốn cậu tiếp tục là thân chủ của tôi thì tôi phải lo cho cậu từ A đến Z chứ. Cậu muốn bao nhiêu cận vệ, đệ tử thật, đệ tử cò mồi, thậm chí bao nhiêu gái đẹp, hay bao nhiêu vợ... tôi đều bảo đảm cho cậu tốt đẹp cả. Thôi, đi vào vấn đề ngay đi, cậu đã nghe tiếng mấy thiên tài này rồi chứ gì, đây này, đây này...” ông lật cuốn sổ nâu, chỉ vào danh sách.

“Cháu biết, cháu biết... Nhưng mà cháu rất ngại là không trở thành được thiên tài như họ... bởi vì cháu thực sự chẳng có tài gì đặc biệt cả.”

“Ồ hay, nói cậu nghe, ở đời này, những thiên tài thực sự là thiên tài thì chỉ được nổi danh sau khi họ chết; còn khi sống, họ chỉ là những hồn ma vất vưởng, sống với thế giới cô quạnh triền miên do chính họ tạo dựng nên, chẳng ai sờ mó được, chẳng ai bước vào được. Những bậc thiên tài đó thì do Thượng đế tạo dựng. Thượng đế lắt léo lắm, chỉ muốn ba cái chuyện thử

thách rườm rà không cần thiết. Còn thiên tài bước ra từ cái lò của tôi đấy hả, nổi danh và được quyền hưởng thụ ngay trong đời này. Có một chút tài thì ta thổi cho thành cái tài vĩ đại không ai bì nổi, không có chút tài nào ta biến cho thành đa tài đa năng. Có tài hay không tài, đều phải nhờ cậy đến cây đũa thần của ta cả. Có tài mà chẳng biết cách đầu tư cho cái tài của mình thì ai mà biết đến chứ. Ở thời đại này, phải biết tuyên truyền, quảng cáo, cò mồi thuận và nghịch. Không có tuyên truyền, quảng cáo, không có những đệ tử cò mồi giả đồ bệnh vực và giả đồ chống đối, thì chẳng làm sao mà thành thiên tài được cả.”

Hàn gục gác cái đầu, mở cuốn sổ chi phiếu ra, hí hoáy ký thêm một tấm, cung kính đưa tới ông chủ nhà. Ông đón lấy, liếc nhanh, thấy số một với năm con số không, liền buông một tràng cười lớn:

“Được, cậu chơi đẹp thế thì chắc chắn sẽ trở thành một thiên tài trẻ tuổi nhất trong đám thiên tài xuất thân từ đây. Hà hà, cậu học ngành gì, làm nghề gì trước đây vậy?”

“Ừm... cháu chỉ mới xong trung học thì đất nước ‘bể đĩa’, nghỉ học, đi làm cu li bậy bạ, sau được ông chú dẫn đi vượt biên. Qua đây cũng nhờ ông chú dẫn đi làm việc kiếm sống, chẳng đi học gì được.”

“Dẫn đi làm là làm việc chi?”

“Dạ... chỉ là sơn sửa nhà cửa thôi, chẳng có gì đặc biệt.”

“Tóm lại là thợ sơn?”

“Dạ, thợ sơn.”

“Vậy thì tôi sẽ cho cậu thành một đại danh họa của thiên kỷ mới!”

“Ấy chết, cháu chỉ biết sơn nhà sơn cửa thôi, đâu

có vẽ được! Sơn nhà với cái bình xít, với cái trục lăn, có khi dùng cây cọ bụi tổ chẳng như vậy, khác với cây cọ của họa sĩ lắm!”

“Ồi giới, đã nói rồi. Khi mà quần chúng rơi vào cơn mê bởi những lời đồn, lời quảng cáo, xưng tụng của báo chí, lời ngợi khen của truyền thanh truyền hình... thì thứ gì của thiên tài cũng là số một cả cậu ạ. Cậu có biết cái cô hồi nãy tôi đưa ra cửa không? Khà khà, Thanh Đề Vô thượng mẫu đấy! Này nhé, Thanh Đề là mẹ của Mục Kiền Liên trong truyện tích Phật giáo, chắc cậu cũng biết. Bị đọa làm ngựa quỉ trong chốn A-tỳ địa ngục, sau được con trai là Thánh giả Mục kiền liên cứu lên, sanh về thiên giới. Ta mượn cái tích ấy, gán cho cái cô khi nãy, xưng là *Thanh Đề giáng thế*. Đấy, đấy là sắp xếp của ta. Nhưng cái cô này cũng biết bày vẽ lắm, khi được nhiều người mê theo rồi lại sửa đổi, đổi hai chữ ‘giáng thế’ thành ‘Vô thượng mẫu’, thành ra là *Thanh Đề Vô thượng mẫu*! Ít ả, cái tên tào lao bậy bạ như thế mà cũng dương ra được! Ta đây phải kêu cô ấy về khiển trách, cô năn nỉ lắm chứ không thôi là ta cúp ngay cái chức của cô liền! Cậu nghĩ sao, nếu mình là mẹ của một bầy con thì mình cũng là con của một bà mẹ. Thế thì ‘vô thượng’ là cái quái gì chứ! *Vô thượng mẫu* là một bà mẹ không ai hơn, không ai bằng, một người mẹ trên hết! Ối giới, nếu mình coi mình là mẹ trên hết, có nghĩa rằng mình phủ nhận mẹ ruột của mình, cho là mình hơn bà ấy! Một người con mà phủ nhận cái tình mẹ của mình thì đâu có xứng đáng làm mẹ gương mẫu cho người khác. Cho nên cái danh xưng ấy đã tự mâu thuẫn rồi! Đặt tên ngu ngốc đến thế, bị người ta hỏi vặn chẳng biết trả lời, chỉ nói quanh nói quẩn rồi chửi người ta trước quần chúng! Thực ra chữ “vô thượng”—có nghĩa là *trên hết*

ấy—là tiếng xưng tụng của những người bên dưới suy tôn một đấng nào ở bề trên, chứ không phải là một tiếng dùng để tự xưng! Cho nên, làm thần làm thánh gì cũng được, muốn cỡ nào tôi cho cỡ đó, nhưng cũng phải biết tự lượng, khiêm hạ khiêm nhường một chút chứ đừng có một mạch thẳng căng mà leo quá xa cái mức đến, hoặc vượt quá cái mức mà tôi có thể bảo đảm được. Nói thực, tôi đây phải thuê người bênh vực cô ấy một thời gian, viết bài, làm thơ để lái cái danh xưng ấy qua hướng khác, thành ra là ‘ai cũng sẽ trở thành vô thượng mẫu’ cả! Hi hi, cuối cùng thiên hạ mới bớt chỉ trích. À, tôi nhắc cô ấy không phải chủ ý nói về cái danh xưng ‘vô thượng mẫu’ mà chỉ muốn cho cậu biết rằng cô ta cũng chẳng có tài cán chi cả... Chỉ là một con mẹ bị chồng bỏ, chán đời muốn đi tu, nhưng tu ở đâu cũng không được vì không chịu đựng nổi những nguyên tắc và đời sống gò bó của người tu hành. Nhìn cái tướng y thị là biết ngay hạng người chỉ thèm muốn, ham mê dục lạc... thì làm sao sống đời tu hành được chứ! Rồi y thị đi học bùa mê để dụ dỗ tiền bạc của người khác. Có tiền rồi, y thị mới tìm đến đây, đầu tư vốn liếng vào để làm thần thánh. Đại khái là như thế. Cô ấy chẳng có tài gì cả, chỉ có cái miệng chót chết dẻo dẻo, cái miệng của một người biết chào hàng, biết quảng cáo và mời đưa, nói tròng nói tréo, nói ngược nói ngạo mà bắt người ta phải nghe, cái miệng có năng khiếu vượt trội trong chuyện gây gổ với chồng và chửi lộn với hàng xóm. Đấy, như thế đấy, rồi cô ta trở thành một bậc ‘vô thượng mẫu’, càng nổi danh càng hốt tiền hốt bạc, càng có tiền có bạc càng nổi danh thêm, càng nổi danh thêm, nói gì ai cũng nghe, cũng chịu. Rồi cô ăn sung mặc sướng, quên cái hướng tu hành năm xưa, xoay qua đời sống hưởng lạc, sửa sang sắc đẹp

để xứng hợp với tên tuổi, lấy chồng có con công khai để chứng minh có thể làm mẫu làm mẹ hơn người. Cô ta là thân chủ ngu ngốc và tham lam nhất trong những thân chủ của tôi; chính vì tham lam và ngu ngốc mà tôi mới phải khổ nhiều và bắt cô phải đóng tiền thán nhiều hơn các thân chủ khác. Hi hi, cậu đừng ngại. Tôi xem tướng biết cậu không quá đáng như cô ta đâu. Cậu là người biết lắng nghe những điều hay lẽ phải, làm việc và hưởng thụ có chừng mực, phải vậy không? Nhưng nói nhỏ cậu nghe điều này, các vị thần thánh đến đây nhờ vả tôi, đều có chung một điểm này: sau khi nổi danh tột mức, muốn có được nhiều vợ hoặc nhiều chồng. Khả khả, kể ra thì điều này cũng chẳng phải là điều xấu xa gì, bởi vì chính bản thân tôi cũng thế thôi—tôi không bao giờ nổi danh, nhưng tôi có thật nhiều thê thiếp. Đấy, cậu thấy đấy, những cô này giờ đi ra đi vào trong nhà này, đều là thê thiếp của tôi cả. Cho cậu biết thế để cậu yên tâm. Không ai bắt cậu nhịn cả. Tôi sẽ thu xếp cho cậu mọi thứ. Cậu sẽ có một dinh thự thật đồ sộ nguy nga với nhiều thê thiếp như tôi nếu cậu muốn, nhưng cậu còn hơn tôi hai điểm chính: thứ nhất là cậu còn trẻ, thời gian hưởng thụ còn dài; thứ hai là cậu còn được nổi danh khắp thế giới nữa. Tóm tắt là như vậy, hà hà, tôi nói nhiều quá rồi. Bây giờ tôi nhường lời cho cậu đấy, cứ nói hoặc ghi xuống những gì cậu muốn, ghi thật chi tiết như là đơn đặt hàng vậy đó, rồi tất cả những thứ ngỡ như là không bao giờ có thể có đều sẽ trở thành hiện thực cho đời cậu. Nói đi, thoải mái mà nói...”

Hàn run run nâng tách trà, hớp một ngụm, rồi nói với vẻ dè dặt:

“Tự đứng... từ một người bình thường... mà lại bước lên hàng siêu phàm... một cách nhanh chóng như vậy mà

không phải tốn công sức và thời gian nào cả sao?”

“Hây, cũng phải tốn công sức và thời giờ chứ. Nhất là người như cậu, chúng tôi phải huấn luyện ít nhất là 6 tháng trước khi cho ra lò chứ lì!”

“Lạ nhỉ, vậy ra... bác đào tạo luôn cả Đại thiên sư và cái ông xưng là Con thứ của Thượng Đế? Những người này rất giỏi kinh điển và giáo lý của tôn giáo họ... không lý chính bác huấn luyện cho họ phần đó?”

“Ậy, nói vậy là chẳng hiểu gì cả. Tôi đã bảo rồi, có tài chút chút thì tôi làm cho tài nó to lớn lên, không có tài thì tôi làm cho thành có tài. Mấy ông đó đều có tài riêng của họ, tôi đâu có huấn luyện cho họ cái tài đó được, nhưng nếu họ muốn được nổi tiếng nhanh và lan rộng, ảnh hưởng khắp thế giới, hốt được nhiều tiền bạc, thì phải nhờ đến ‘dịch vụ’ của chúng tôi. Có thể nói họ giống như những diễn viên vậy thôi; họ có tài diễn xuất riêng của họ, nhưng phải có ông bầu và đạo diễn sắp xếp và hướng dẫn họ mọi thứ trước khi ra sân khấu chứ! Này nhé, tôi nói như vậy thì cậu dễ hiểu hơn: khi họ thuyết giảng một chủ đề gì thì đấy là nghề nghiệp chuyên môn của họ, tôi không biết và không hiểu, nhưng thành phần khán thính giả và tâm lý quần chúng ở địa phương đó là điều tôi phải nắm vững và báo trước cho diễn giả là nên nói về cái gì và tránh đề cập đến cái gì. Giặm thêm một chiêu quảng cáo rầm rộ cùng một phái đoàn ‘cò môi’ hùng hậu của tôi đưa tới nữa thì các buổi diễn giảng thành công lớn thôi.”

“Điều cháu thắc mắc là... tại sao có rất nhiều học giả, giáo sư đại học, khoa học gia, bác sĩ, dượng sĩ... nói chung là thành phần trí thức, đến nghe họ diễn giảng rất đông. Cháu nhận thấy trong một hội trường 1,000 người thì cũng có khoảng 100 người trí thức thượng thặng rồi.

Vậy thì họ quá thành công đi chứ, không lẽ chỉ nhờ quảng cáo?”

“Ậy, bởi vì cậu em cũng bị nghệ thuật quảng cáo làm cho mờ mắt đi nên mới lấy làm quan trọng về sự hiện diện của đám trí thức kia. Vậy chứ tôi hỏi thật, làm sao cậu biết là có một số trí thức đến nghe diễn giảng?”

“Đạ... thì cháu đọc báo... và xem truyền hình, xem băng video...”

“Đó, đó, mấu chốt là chỗ đó. Vẫn là một trong những chiêu thức quảng cáo thôi. Nhưng mà cậu em này, cho dù đám đông trí thức kia thực sự có mặt đi nữa, cậu em cũng không nhận thấy rằng điều đó trên thực tế chẳng có gì gọi là đáng kể hay sao? Nói cụ thể, nền giáo dục hiện đại chỉ đào tạo nên những trí thức khoa bảng chuyên ngành, học ngành nào, biết ngành đó. Cái đám trí thức trường lớp kia có biết gì về tôn giáo đâu! Cho nên ngoài xã hội, hay ở trong ngành của chính họ, thì họ là những con người có giá lắm, nhưng xếp hàng vào những cái ghế để nghe giảng về tôn giáo thì họ chỉ là những con số zero mà thôi. Hà hà, một trăm con zero cộng lại với nhau vẫn là con zero thôi cậu ạ. Cậu không thấy điều đó sao? Cậu nên biết rằng ở bất cứ ngành nào cũng vậy, diễn giả trình bày vấn đề chuyên môn cho những người cùng ngành thì mới là diễn giả cao cấp, chứ còn diễn thuyết cho những người không biết chi về ngành đó thì chỉ nói những điều cơ bản thôi, có khó khăn chi. Một bác sĩ thuyết trình mà một trăm bác sĩ khác chịu khó đến ngồi nghe; một linh mục diễn giảng mà hàng trăm ông linh mục khác xếp hàng vào hội trường; một thầy tu Phật giáo diễn giảng mà hàng trăm ông thầy tu Phật giáo khác tụ đến để học hỏi, thì mới thực sự là đáng kể đó.”

“Thế thì... thực sự họ, những bậc thầy đang diễn giảng cho quần chúng, có đáng để cháu theo làm môn đệ không vậy?”

“Ừm... cái đó thì tùy cậu thôi. A, cậu là đệ tử của một trong những bậc thần thánh này ư? Không sao, không sao. Cậu vẫn cứ tiếp tục lắng nghe họ điều gì cậu thấy hay và có thể áp dụng được. Nhưng đừng mơ mộng và tưởng tượng quá sức, vậy là được rồi. Một phàm nhân mà vỡ lẽ ra là thần tượng của mình chẳng có gì siêu phàm cả thì mới đau khổ; còn mình đầy hủ, mình cũng ngang tầm với thần thánh thì đâu còn bị đổ vỡ nữa, phải không cậu! Ừ, rồi cậu sẽ quen thôi cậu à. Thôi, cứ lo cái danh cái phận của cậu đi. Cậu xích lại đây chút, tôi bật mí cho cậu nghe điều quan trọng này. Đây nhé, tất cả các thân chủ của tôi đều có chung một kinh nghiệm, một cảm giác là: dù mình chẳng có gì xứng đáng thánh thần cả, nhưng khi có một số người mê tín theo mình thì tự đứng mình cảm thấy mình là thánh thần thật. Mà khi có được cảm giác ấy rồi, tự đứng hành động, cử chỉ, lời nói của mình trước đám đông bỗng trở nên nghiêm trang, dị thường, tương xứng ngay với vai trò của thần thánh. Chính cảm giác đó vây bọc lấy mình và tạo cho mình cái hào quang thần thánh. Cái hào quang đó tỏa ra rồi đầy hủ, nó loang đi khắp nơi, loang trên những tiếng nói, loang trên những hình sắc, loang trên giấy mực, rồi loang vào trong đầu óc, tạo nên một làn sóng, một phong trào của đám mê... Đám mê cái gì cậu biết không? Không phải đám mê ông thần bà thánh mà đám mê chính cái u mê quên mình của mình.”

“Hơ... nghĩa là sao?”

“Nghĩa là con người chỉ đám mê chính nó thôi—bằng cách quên nó đi, để gửi trọn niềm tin và nghị lực

của nó vào một đối tượng mà nó nghĩ là cao tột, thần thánh.”

“Um... cháu vẫn không hiểu.”

Lão chủ nhà xoa tay:

“Thôi, không cần hiểu cũng được. Có lẽ nên nói với cậu một cách dễ hiểu hơn. Làm sao chúng ta lại có khả năng trở nên thần thánh giữa thế gian này khi mà chính bản thân vẫn rất là phàm? Không phải là mình phải vươn lên, vượt thoát cái phàm tục—vì vượt thoát nó thì... hì hì, chúng ta làm không nổi—mà chính là phải biến cái số đông kia thành u mê, phàm tục hơn mức phàm tục bình thường. Ha ha, cho nên, cậu đừng tưởng là các cô cậu thần thánh làm việc nhiều hơn tôi đấy nhé. Các cô cậu chỉ chi tiền và đóng tiền hụi mỗi tháng thôi, rồi đi trình diễn và hưởng thụ cảm giác được tôn vinh; còn tôi đấy à, tôi ở trong bóng tối, làm tất cả mọi việc để tô điểm cho hào quang của các cô cậu, không những thế, còn phải trét bùn cho đám phàm phu nữa kia! Thôi, nói chuyện với cậu như vậy cũng khá nhiều rồi. Bây giờ kết thúc được chưa?”

“Kết thúc? Chưa gì hết mà?”

“Thì kết thúc chuyện giới thiệu để đi vào chính đề là cậu muốn trở thành một nhà đại danh họa kiêm đại thi hào của thế kỷ. Cả hai ngành này hiện nay còn trống, tôi ưu tiên dành cho cậu đấy. Danh vị như vậy được chưa?”

“Đại danh họa... dạ thì thôi, bác là cố vấn nói sao cháu nghe vậy, cháu xin nhận. Còn đại thi hào thì... cháu ngại cái chuyện chữ nghĩa lắm bác ơi. Vẽ bậy bạ, không nói lời nào còn dễ qua mắt người ta chứ chữ nghĩa mà vung ra bậy bạ thì người ta biết ngay.”

“Ấy, lại lo xa nữa rồi. Nói cậu nghe, chữ nghĩa bây giờ đấy à, có gì đâu, đã chết hết rồi. Nhất là thứ chữ

nghĩa trong thơ, nó bị tuốt hồn đi, chỉ để lại cái xác. Gọi là thơ ‘xuất hồn’ ấy mà. Xuất hồn đi thì còn lại cái xác chết thôi chứ gì. Thế thì, cái xác chết này đặt bên cạnh cái xác chết kia, có gì phải ngại ngùng.”

“Nghĩa là sao ạ?”

“Nghĩa là... ấy trời ơi, sao mà dốt thế! Nghĩa là trong đầu cậu nó hiện ra cái chữ chết bầm chết tiệt nào thì cậu cứ việc viết nó xuống giấy, một chữ một hàng, hai chữ một hàng, ba chữ một hàng hay mấy chục chữ một hàng cũng được cả. Thậm chí trên một trang giấy, cậu chỉ cần ghi xuống một chữ thôi, một chữ nói lên cái gì cậu đang thêm... chẳng hạn, chữ ‘gái’ hay chữ ‘rượu’ rồi thì chính một chữ đó cũng là một bài thơ tuyệt tác đấy cậu ạ! Chẳng cần giai điệu tiết tấu chi ráo trọi. Cũng không cần gieo vần. Và dĩ nhiên là không cần luật cả luật bằng trắc. Thế mới khỏe chứ. Thơ kiểu ấy ai làm cũng được cả, nhưng cũng bằng thứ thơ ấy mà trở thành đại thi hào thì phải qua cái lò đúc ở đây đấy cậu ạ. Hi hi... Mà nói thì nói vậy chứ trước khi đi vào kỹ thuật làm thơ kiểu điện tử, tôi cũng thuê khoảng 5 thi sĩ làm cho cậu chừng 250 bài thơ có vần điệu đàng hoàng, rồi sau đó mới tới lượt cậu ra tay, điểm xuyết bằng những bài thơ ‘xuất hồn’ để phát lên phong trào thơ hậu hậu hiện đại nhé.”

“Ồ... có dễ qua trường không ạ?”

“Dễ, yên trí đi. Cậu không có niềm tin nơi cậu thì cũng phải đặt niềm tin nơi tôi chứ. Tôi nói ai là thiên tài thì người ấy sẽ là thiên tài. Tôi đây,” đặt tay lên ngực, “là người đã từng để ra mười mấy đại thiên tài thần thánh của thời hiện đại. Không ai trong số đó bị thất bại. Tất cả đều được xếp hàng đầu, chen chân với những đại thiên tài khác của thế giới truyền thông quảng cáo.”

“Vậy thì khi nào bác mới bắt đầu lo việc cho cháu?”

“Đã bắt đầu từ khi nãy, khi cậu mới đặt tiền cọc kia. Kể từ ngày mai, cậu đến đây, mỗi ngày 4 giờ đồng hồ, trong vòng 6 tháng, để được huấn luyện. Vậy nhé. Thôi cậu về nghỉ ngơi đi.”

“Vậy còn chuyện đóng tiền mỗi tháng...? Có cần phải làm tờ hợp đồng hay thứ giấy tờ gì không ạ?”

“Ngày mai hãy tính. Cậu sẽ không bao giờ thua lỗ trong vụ đầu tư thiên tài này đâu. Bảo đảm mà.”

“Nhưng... cháu vẫn muốn hỏi một điều.”

“Cứ tự nhiên.”

“Cháu sẵn sàng đóng tiền bảo hiểm hàng tháng cho bác, sẵn sàng chi cho mọi thứ mà bác yêu cầu... nhưng bác có thể nói thêm cho cháu nghe thử cái bí quyết thế nào có thể khiến mình càng lúc càng nổi tiếng hơn, nổi tiếng một cách nhanh chóng? Cháu chỉ hỏi cho biết mà yên tâm vậy thôi, chứ trăm sự thì vẫn nhờ đến bác.”

“Dĩ nhiên, tôi biết chứ. Tôi đâu có sợ cậu ăn cắp nghề của tôi hoặc từ chối dịch vụ của tôi đâu nào. Hà hà, nói chung thì muốn nổi tiếng thật nhanh ở đời này thì cũng chẳng có phương cách nào vượt qua được quảng cáo. Chỉ là quảng cáo mà thôi. Cụ thể như vậy nhé: khi cậu cho ra một bài thơ hay một bức họa, cậu cứ việc đề tặng những nhân vật nổi tiếng, cho dù họ chẳng biết cậu là ai; mặt khác, sẽ mượn người viết bài khen mình, xếp mình ngang hàng với những nhân vật nổi tiếng thế giới, rồi cứ thế mà lặp đi lặp lại, riết rồi sẽ nhập tâm quần chúng. Ngoài ra, cậu cũng có thể phịa ra rằng cậu đã từng quen biết hoặc thân cận với những nhân vật nổi tiếng.”

“Xin ngắt lời bác, phía như vậy lỡ như những nhân vật ấy phản đối, nói rằng họ không hề biết cháu thì sao?”

“Ày, thứ nhất, chỉ nên phía là quen biết hoặc đã từng đàm đạo với những người nổi tiếng nhưng nay đã chết rồi. Trường hợp họ còn sống đấy à, họ cũng chẳng phản đối gì đâu. Những người nổi tiếng đâu có thời giờ để làm chuyện đó, hơn nữa, hai bên cùng có lợi, họ có mất mát chi đâu mà cãi chính! Hiểu chưa? Nghệ thuật quảng cáo của tư bản hay nghệ thuật tuyên truyền của cộng sản cũng giống nhau thôi cậu ạ. Chắc chắn là phải nắm được cái kỹ thuật bịa đặt. Bịa thế nào mà người khác không kiểm chứng được, hoặc có muốn kiểm chứng cũng lười biếng, vì mất nhiều thời giờ quá. Đối với các nhân vật nổi tiếng, dù họ có biết mình bịa đặt chuyện gặp gỡ đàm đạo với họ, họ cũng chẳng làm gì đâu vì mình vừa tự khen mình, vừa tâng bốc họ mà! Sao, yên tâm chưa, còn thắc mắc gì nữa không?”

Hàn lắc đầu, rồi lại gục gặc đầu tỏ ý vừa lòng. Chủ nhà tiễn khách ra sân:

“Gặp lại cậu ngày mai nhé, đại nghệ sĩ!”

“Dạ, chào bác.”

Hàn bước ra sân, đi bộ trên con đường lát sỏi hướng về chỗ đậu xe. Trong lúc bước đi, hắn bỗng có cảm giác là trời đất trở nên chật hẹp đi, và chiếc xe Mercedes của hắn tự dừng như bị rút lại một cách nhỏ bé tầm thường. Lên xe, nổ máy, lái từ từ theo con đường tráng nhựa cong cong dẫn ra cổng chính, hắn hưởng thụ cảm giác lâng lâng như được lớn phồng lên từ tinh thần đến thể xác. Chạy một đoạn, Hàn buột miệng nói:

“Ha, cha nội này khờ dại quá. Hắn tài như vậy mà không chịu làm thiên tài, cứ lo lót ổ cho người khác nổi

danh không à!”

Bên trong, chủ nhà cũng đã trở vào đến phòng khách, nhặt mấy tấm chi phiếu trên bàn lên, nhìn lại một lúc, mỉm cười:

“Lại thêm một thằng ngu bỏ tiền mua cái huyễn danh thiên tài. Thiên tài là gì mà ham dữ vậy? Chỉ là con đẻ của quảng cáo; quảng cáo là con đẻ của tính khoa trương; tính khoa trương là con đẻ của sự trống rỗng bên trong; sự trống rỗng bên trong lại là đứa con hoang tưởng tào lao nhất của thiên tài khi hấn khấn tận tất cả niềm tin và hiểu biết đối với cuộc đời. Hầy, thiên tài, thiên tài, các người có làm nên trò trống gì đâu! Các người chỉ thích đùa chơi với ảo tưởng để lãng quên nỗi cô đơn, niềm thất vọng và sự bất lực của mình đối với vĩnh cửu mà thôi... khà khà, rốt cuộc chính ta lại để ra các người, nhưng các người thì chỉ để ra một thế giới thật rỗng.” ■

Quỳnh hoa

“Này, em thấy không, chỉ ở xứ này quỳnh mới chịu ra hoa chứ ở các vùng lạnh có tuyết đấy à, quanh năm suốt tháng chỉ có lá thôi, mà còn è uột chứ không lớn bản và xanh mượt như vậy đâu nhé.”

“Em biết mà. Bởi vậy em mới nói là anh đáng được tưởng thưởng lắm! Rình về một chậu quỳnh to bụi có sẵn mười mấy cái hoa sắp nở, lại thêm mấy chục nụ hoa mới chớm. Tưởng anh nè...”

“Hê, tưởng em tưởng thứ gì chứ hôn thì có gì đặc biệt đâu!”

“Anh á, bộ tưởng dễ được hôn lắm hả? Anh không nhớ hồi đó anh muốn hôn em bất chết mà có được cho phép đâu! Cả mấy tháng trời mới thuyết phục được người ta chứ bộ! Bây giờ có rồi không biết trân quý nữa. Đàn ông mấy người bao giờ cũng thế, chỉ ham chuộng cái gì chưa có!”

“Đừng nói bậy. Cái tâm lý ấy không phải của riêng đàn ông đâu nhé. Đàn bà cũng vậy thôi. Chẳng hạn... cái xe mới mua về, ham lái lắm, lái xa đến đâu cũng chẳng thấy mệt, bụi bặm chút xíu là lau tới lau lui, nhưng quen rồi thì đâu thấy em chăm sóc nó kỹ lưỡng như thuở ban đầu nữa, phải không?”

“Chuyện đó thì khác. Chiếc xe tự nó đâu có đòi hỏi mình chăm sóc, chỉ tại mình muốn chăm sóc thôi. Khi

mình không có thời giờ chăm sóc nữa thì mình cũng chẳng có lỗi gì với nó cả. Còn con người ta đâu phải như vậy. Người ta luôn muốn được người khác quan tâm, chăm sóc, nếu không được thì người ta héo úa đi chứ.”

Hưng đang loay hoay cắt xén mấy cành lá quỳnh bị hấp nắng, nghe vợ nói vậy, quay lại, cười, dịu giọng với nàng:

“Em thấy anh không quan tâm em đúng mức hả?”

“Đôi khi cảm thấy vậy. Hình như anh bắt đầu chán em thì phải.”

“Đừng nói bậy,” Hưng bước đến gần chỗ vợ, đưa hai tay cầm vật dụng làm vườn ra sau lưng, nghiêng đầu đến, hôn nhẹ trên trán vợ, “anh vẫn yêu em như thuở nào, chẳng gì thay đổi cả. Bằng chứng là... anh mang chậu hoa quỳnh về cho em nè. Em có biết tại sao các loại hoa khác anh cũng thích nhưng lại thích hoa quỳnh một cách đặc biệt như vậy không?”

“Thì tại nó trùng tên với em chứ gì!”

“Chứ không phải em trùng tên với nó sao?”

“Nó mới có hôm nay thôi anh à.”

“Nhưng tên của nó có trước em lâu rồi. Ha, vậy thì em cũng biết rồi! Anh yêu hoa quỳnh, mang hoa quỳnh về đây, bộ không chứng tỏ được gì tình yêu của anh dành cho em sao?”

“Cũng chứng minh được chút chút, nhưng để xem thế nào đã chứ. Biết đâu anh lại lo chăm sóc, tưới xén, vun bồi, tưới tắm cho nó tốt tươi mà quên em luôn sao.”

“Thiệt khéo lo! Nó chỉ là một thứ vô tri thôi em à. Có nó cũng được, không có nó cũng chả sao. Còn em, anh không thiếu em được, em có biết không?”

“Thiếu em thì anh tìm cô khác, khó khăn gì đâu chứ.”

“Đâu có dễ vậy! Người ta nói cái quý không phải là cái tìm không có, nhưng chỉ đơn giản là cái có nhiều kỷ niệm khó quên đối với mình thôi. Em không nhớ câu chuyện xưa bên Trung Hoa mà anh kể em nghe à: có người đàn bà đi ngang rừng cỏ tranh, đánh rớt cái trâm cài tóc làm bằng gốc tranh. Cô ta cứ đi tìm hoài. Người qua đường biết chuyện, góp ý: ‘Cỏ tranh cả rừng như thế, cô đâu cần mất thời giờ nhọc công sức đi tìm cái trâm đã mất!’ Cô trả lời: ‘Cỏ tranh tuy cả một rừng, nhưng tôi vẫn muốn tìm cái trâm tôi dùng hằng ngày vì chính cái trâm đó mới là cái có nhiều kỷ niệm với tôi.’ Em thấy chưa? Cho nên... không có em, đi tìm cô khác, tuy rằng có thể được nhưng mất công quá đi! Phải làm lại từ đầu với một cái gì thật mới, không có chút kỷ niệm nào với mình sao?”

“Ha, anh nói nghe hay lắm, tình lắm, nhưng chẳng biết có thực lòng như vậy không à!”

Hưng cười, tính nói một câu gì đó nhưng nghĩ sao, không nói, tiếp tục xăm xoi, ngắm nghía chậu hoa quỳnh. Quỳnh Hoa cũng đứng gần đó, nhìn chậu hoa một lúc rồi quay vào nhà trong:

“Em vào nấu ăn nghe. Mới đó mà trời tối rồi. Anh có cần phải tưới cho nó không, tưới xong rồi vào chứ.”

“Người ta dặn chỉ tưới ngày một lần thôi. Những ngày hoa sắp nở thì tưới nhiều một chút.”

“Thì bây giờ hoa sắp nở rồi đó. Anh nghĩ là cuối tuần này hoa nở chưa?”

“Cũng khó mà biết được. Không chừng tối mai đã nở vài cái rồi đó. Để chờ xem sao. Mình chưa có kinh nghiệm gì với loài hoa này cả.”

“Thật không đó?” Quỳnh Hoa cười hỏi lại.

“Ồ, em muốn nói... ha ha, có chứ, có kinh nghiệm

với nó chứ, nhưng là kinh nghiệm chiêm ngưỡng, thưởng thức thôi chứ đâu phải kinh nghiệm đoán trước được ngày giờ phát tiết anh hoa của nó.”

“Anh thực tình không có kinh nghiệm đó sao? Không biết được ngày sinh nở của nó?”

“Hi hi, đừng làm khó anh chứ. Ừ thì người ta nói là khoảng thời gian đó sẽ khai hoa nở nhụy, nhưng mình đâu biết được giờ nào, phải không? Em không nhớ hồi mang thai bé Thư, em cứ la lên ‘It’s time!’ bao nhiêu lần trong ngày, bao nhiêu ngày trong tuần, nhưng rồi đâu đã đến lúc. Ngược lại, đến lượt sinh bé Thi thì em lại nói, làm như là giàu kinh nghiệm lắm, ‘chưa đâu, chưa đâu’ nhưng cuối cùng lại chạy không kịp!”

Hai vợ chồng cùng cười vui với nhau một lúc rồi lại bắt qua chuyện này chuyện nọ, toàn là những kỷ niệm vui đẹp của quá khứ.

“Ấy chết, mải mê nói chuyện, trời tối rồi. Em phải vào nấu ăn. Thôi anh ở lại mà ngắm hoa quỳnh giả há.”

“Hừ, thật thì thật hết, giả thì giả hết chứ.”

Quỳnh Hoa ngắm nghĩ câu chồng nói, vừa cười vừa nguýt dài một cái rồi bước lên bậc thềm từ sân sau dẫn vào nhà bếp. Nàng phải vịn một tay vào khung cửa, khó nhọc nhắc cả người để bước lên. Hưng nhìn theo nàng từ phía sau, thấy dáng vợ nặng nề chẳng khác gì Tracy, cô Mễ làm cùng sở. Tracy đã bị cho nghỉ việc với lý do là làm công việc chậm trễ quá, không đáp ứng được nhu cầu của sở. Cái lý do này ở một vài nơi khác đã bị gán cho cái tội “kỳ thị người mập” nhưng Tracy thì hiền lành, biết phận, chẳng kiện cáo gì, chỉ nhận lương tháng chót và 6 tháng phụ cấp thất nghiệp, rồi nghỉ luôn. Nói cho cùng thì dù người ta không muốn kỳ thị người mập nhưng cũng khó mà ngăn cản những ông bà giám đốc cái

nhận xét chung rằng người nặng nề quá thì ắt phải làm việc chậm đi. Thực tế như vậy, ai mà không thấy. Cứ tưởng tượng một người làm công việc như thư ký chạy bàn giấy, hay một người hầu bàn ở nhà hàng chẳng hạn. Những người này cần phải di chuyển nhiều, mà nếu sự di chuyển đối với họ là một công việc nặng nhọc thì chắc chắn là năng suất phải kém đi so với những người mảnh khảnh, nhỏ con, lanh lợi... Đó là chưa kể đến hình ảnh của một người dư thừa thịt mỡ đi qua đi lại trong một tiệm ăn, nếu không gây cảm giác ón trong họng thì cũng có vẻ như ngấm đưa ra dấu hiệu cảnh cáo ‘này các người, có ăn uống gì thì cũng ăn ít thôi nhé, ăn nhiều thì sẽ... thê thảm như tôi ngay.’ Ở nhà hàng mà gọi cho thực khách cảm nghĩ đó thì chết rồi!

Quỳnh Hoa ngày xưa—xưa không bao lâu đâu, chỉ chừng mười năm trước thôi—là một hoa khôi của Tổng hội Sinh viên Việt Nam của trường đại học Long Beach (CSU of Long Beach). Lúc ấy Hưng là sinh viên mới từ tiểu bang khác đến, lo thủ tục nhập trường thì quen được nàng ở văn phòng Admission and Records. Ở đó, Quỳnh Hoa là thư ký—vừa học vừa làm (work study)—tại văn phòng, đã tận tình hướng dẫn chàng và rồi chàng cũng tận tình theo đuổi nàng cho đến khi thành vợ thành chồng. Thực ra thì Hưng không hề có ý theo đuổi một hoa khôi, và cũng chẳng hề biết rằng Quỳnh Hoa được chấm như là hoa khôi trong nhóm sinh viên Việt của liên trường đại học thuộc quận Los Angeles. Mà chuyện bầu chọn hoa khôi như thế cũng chẳng có gì chính thức. Chẳng qua chỉ là sự truyền miệng với nhau, dĩ nhiên là khởi đi từ đám nam sinh viên những lúc rỗi rảnh ngồi tán dóc ở các cafeteria của trường. Chàng ở trường khác mới đến không hề biết chuyện đó. Đến khi trở thành bạn trai

‘chính thức’ của Quỳnh Hoa rồi thì mới được một số bạn học ‘chúc mừng.’ Năm sau, do đề nghị của nhiều người, Quỳnh Hoa dự thi “Hoa hậu Áo dài Long Beach” do cộng đồng Việt tổ chức hàng năm, và rồi được trao vương miện... Câu chuyện là như thế. Tự đứng ở một nơi xa xôi chuyển đến, chân ướt chân ráo xin nhập học rồi tình cờ chiếm được trái tim của một người đẹp được nhiều chàng trai khác ngấp nghé, săn đuổi. Quỳnh Hoa thuở ấy cũng quen nhiều bạn trai nhưng chẳng bao giờ xem những người này như là tình nhân thực sự của mình cả. Chẳng ai hiểu được tại sao Quỳnh Hoa không chọn họ lại chọn một người chẳng có gì đặc biệt ở nhân dáng bề ngoài như Hưng. Còn về chuyện học hành của Hưng thì vào thời gian chàng mới chuyển trường, chỉ có Quỳnh Hoa mới biết được qua hồ sơ học vấn của chàng nộp nơi văn phòng làm việc của nàng. Chàng là sinh viên ưu hạng (honor student) của Arizona University, nhưng chàng không nghĩ rằng đó là điểm làm cho Quỳnh Hoa hứng thú. Nàng là người hoạt bát, cởi mở, thông minh, chăm chỉ, học giỏi, có vẻ như là một con người hướng ngoại, nặng về vật chất. Nhưng không đúng vậy đâu. Khi chọn Hưng, nàng chỉ chăm chàng ở một điểm duy nhất: thành thật. Nói vậy chẳng phải là những người khác đều dối trá, lừa đảo đối với nàng mà chỉ có nghĩa rằng trong tình yêu và trong sự theo đuổi tỏ tình với nàng, Hưng rất thành thật, không tán hươu tán vượn, không ca tụng nàng quá đáng. Đó là tự Quỳnh Hoa nói lại Hưng nghe khi hai người đã thân nhau. Riêng Hưng, chàng lại nghĩ khác. Chàng nghĩ đến một yếu tố xem ra chẳng quan trọng gì nhưng chính vào thời điểm ấy, vào hoàn cảnh ấy, nó đẹp và nó làm rung động trái tim người đẹp. Sau này nghiệm lại, chàng biết không phải chàng

đã cố tình sử dụng nó như một chiêu thức để chinh phục nàng. Chàng chỉ hành xử theo cảm tính—một thứ bản năng—của một nghệ sĩ, đặc biệt là nghệ sĩ Việt Nam, trước cái đẹp. Nếu có thể cưỡng gọi là một thứ chiêu thức, thì đó là chiêu thức rất cổ điển: tặng thơ người đẹp. Một bài thơ ngắn thôi, bốn câu. Không có câu nào ca tụng nàng đẹp như nhân vật nữ huyền thoại Bạch Tuyết, hay trong cổ sử như Tây Thi, hay hiện đại như công nương Diana, các siêu sao màn ảnh và siêu người mẫu như Sean Young, Cindy Cradford, Demi Moore, Nicole Kidman, Wynona Ryder... như hoa hậu Việt Nam, hoa hậu Á châu, hoa hậu thế giới... cũng không ví nàng như thiên thần hay tiên nữ giáng trần chi cả. Nguyên bài thơ chỉ nói về sự rung động của mình trước một con người tử tế, tốt bụng và... có duyên. Chỉ vậy thôi. Vâng, chỉ đơn giản như vậy. Thấy rung động và cứ ghi xuống đại thành một bài thơ ngắn, rứt rề ép vào sách, tặng người đẹp để cảm ơn nàng giúp đỡ. Rất ư là cổ điển. Rất ư là nhà quê. Một bài thơ gửi đi chỉ để biểu lộ lòng mình, không cần hồi âm đáp trả, không mong đợi bất cứ thứ đền bù nào cả. Nhưng rồi lại được đáp trả.

“Sự thành thật chỉ là một đức tính. Nó không đủ để em thích anh đâu. Kèm theo đức tính đó là một thái độ, một lối sống, một lối bày tỏ theo cung cách thích đáng nhất... Có phải rằng em lưu ý đến anh từ một bài thơ ngắn, phải vậy không?” Khi thành vợ chồng rồi, đã có lần chàng hỏi lại nàng như vậy. Nàng im lặng suy gẫm một lúc, rồi gật đầu công nhận.

Nàng cho rằng, giữa một đám phàm phu tục tử làm gì cũng muốn cho nhanh, nói gì cũng muốn nói cho rõ hết, tán tỉnh thì nịnh bợ và khoa đại hết biết, giao tiếp thì cố tình phô trương mở kiến thức lượm lặt nông cạn, mới

quen hôm trước hôm sau đã đòi hò hẹn đi ăn tối, đi xem phim... thì một gã sinh viên lặng lẽ, ít nói, rụt rè đưa một cuốn sách rồi biến mất, để lại một bài thơ thật nhỏ, chỉ hai mươi chữ thôi... quả thật là một nhân vật, một dấu tích, một biểu tượng thâm lặng còn sót lại của huyền sử Đông phương trên đất nước hoa dạng này. Cái kiểu tỏ tình cổ điển ấy trải bao thời gian, trải bao hoàn cảnh đổi thay, vẫn giữ được vẻ lãng mạn thâm trầm của nó. Thời nay người ta không còn tỏ tình kiểu ấy nữa không phải vì nó lỗi thời, mà chính vì họ không còn lãng mạn và nên thơ như con người của những thế hệ trước.

Khi Quỳnh Hoa công nhận tình yêu của nàng dành cho Hưng khởi đi từ cách tỏ tình bằng một bài thơ của chàng, bỗng dưng Hưng thấy tăng thêm niềm tin vui trong lòng. Tin rằng thi ca, dù ở tầm mức nào, cung bậc nào, cũng luôn đưa cánh tay huyền diệu của nó xuống để cứu vãn con người ra khỏi sự tầm thường dung tục của thế giới hiện thực. Theo Hưng, Thượng đế có chết thì con người vẫn sống; nhưng thi ca mà chết thì con người chỉ còn là cái xác khô. Nói về thi ca, Hưng không nói riêng về thơ mà nói chung về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, màu sắc hay âm thanh để biểu đạt cái đẹp. Cũng theo chàng, cái đẹp không phải là cái đối nghịch với cái xấu qua kết quả thẩm định của số đông, mà chính là thực tại của sự vật khi số đông hay từng cá nhân chưa kịp phán xét và thẩm định nó... Cho nên khi Quỳnh Hoa từ một hoa hậu mảnh khảnh trở nên một thiếu phụ đầy đà sau khi sinh con đầu lòng, rồi dần dần trở nên người đàn bà hai con nặng ký như hôm nay, Hưng vẫn cứ thấy nàng đẹp và tình yêu nơi chàng vẫn thế, có vẻ như chẳng đổi thay gì. Dầu vậy, thoạt khi Hưng cũng đâm nghi ngờ chính mình. Chàng cho rằng có thể chàng chỉ tự

dối lòng, tự an ủi mình thôi: cái đẹp ngày xưa của Quỳnh Hoa không còn nữa, và cái đẹp hiện tại của nàng chỉ là bóng dáng nhập nhòa của bao kỷ niệm chồng chất lên nhau. Thời gian trôi đi, cuốn phăng bao vẻ đẹp thực tế của hương sắc con người. Không cưỡng chống được sự tàn phá vô tình ấy, con người đành chắt mót những kỷ niệm vui buồn từng chia sẻ với nhau làm thành tổ để gìn giữ và tô chuốt lại vẻ đẹp ban đầu của người yêu. Cho nên, một mặt chàng cứ tự nhủ hoặc nói với Quỳnh Hoa rằng ‘em vẫn đẹp như xưa’ nhưng mặt khác, chàng vẫn biết rằng cái đẹp ấy không còn nữa với thời gian. Những người yêu nhau chỉ sống với cái đẹp quá khứ và khi sống với nhau là sống với tình yêu quá khứ..

Hưng xoay chậu hoa quỳnh để tìm cho nó một vị trí thích hợp. Đứng ngắm nghía một lúc rồi rửa tay vào trong. Quỳnh Hoa đang làm bếp.

“Cần anh giúp gì không?”

“Ồ... anh lật rau cho em được không?”

“Được, để anh. Nè, em nghĩ sao nếu cuối tuần mình mời vài người bạn thân đến chơi, uống trà, ngắm hoa quỳnh nở?”

“Vui chứ sao. Nên lắm. Nhưng anh có chắc được ngày nào hoa nở không?”

“Ông Dân đoán là trong vòng vài ngày nữa thì hoa nở đợt đầu. Thường nở vào lúc 8 đến 9 giờ tối. Anh nghĩ là mình mời và thông báo cho họ trước. Khi biết chắc ngày nào hoa nở thì mình lại gọi điện thoại, hú một tiếng, chắc chắn họ kéo tới, khó khăn gì. Anh hi vọng là hoa nở vào dịp có trăng tròn. Hôm nay mười hai âm lịch rồi.”

“Vậy thì anh gọi mời đi. Cũng lòng vòng mấy ông mấy bà cựu sinh viên của trường thôi chứ gì. À, anh tính

làm tiệc gì đãi khách đây?”

“Tiệc trà thôi,” Hưng nhún vai nói, “chứ có cái tiệc nào thích hợp hơn để ngắm hoa quỳnh?”

“Nhưng tiệc trà là lúc hoa sắp nở, đang nở, còn trước đó thì cũng phải đãi họ ăn bữa cơm tối đã chứ. Em tính là nướng barbecue.”

“Xi, làm cái gì đơn giản thôi. Bày ra đó rồi đến khi hoa nở dọn không kịp!”

“Thì cứ ngồi đó vừa ăn vừa ngắm hoa, có sao đâu?”

“Chao ôi, ngắm hoa quỳnh mà ăn thịt nướng à! Đời thuở nào mà diễn ra cái cảnh rừng rợn đó nhỉ!”

“Chứ tiệc trà đơn sơ thanh đạm gì của anh thấy xưa lắm rồi anh ạ. Bây giờ ngắm hoa thì cũng ngắm lẹ lẹ thôi chứ, ai có thời giờ đâu mà ngồi lâu nhâm nhi tách trà với anh.”

“Thôi được, không cãi với em nữa. Em muốn bày thịt nướng với rượu bia, giấm thêm nem chả, hột vịt lộn gì cũng được, nhưng các màn nhậu nhẹt đó phải chấm dứt trước 7 giờ tối.”

“Có nghĩa là phải bắt đầu vào tiệc lúc 5 giờ rưỡi? Sớm quá vậy!”

“6 giờ bắt đầu cũng được, có sao đâu. Một giờ đồng hồ cho chuyện ăn uống, một giờ đồng hồ nghỉ ngơi cho rượu thịt tiêu bớt, rồi mới đến tiệc trà chứ.”

“Được rồi, được rồi, theo ý anh. Làm như là người ta ham nhậu lắm vậy. Bày tiệc nhậu là bày tiệc cho mấy ông thôi. Phận đàn bà chúng tôi chỉ cần gặp nhau, nói chuyện là đủ rồi. Anh lo mời đi rồi cho biết bao nhiêu người tới dự há. Nhớ mời thằng em nuôi của em nhen.”

“Tất nhiên rồi. Nhưng mà... mời nó tới nhậu thì được chứ không lẽ bắt nó ngồi ngắm hoa. Cái thằng đó

có chịu được một phút im lặng để uống trà, nghe người ta ngâm thơ, ngắm trăng lên, nhìn hoa nở... không vậy?”

“Ôi chao, làm như là chỉ có anh mới là thi nhân thôi vậy há! Thằng em tôi cũng có làm thơ chứ bộ.”

“Thơ ở đâu, hồi nào? A, bài thơ bữa nó đọc cho tiệc đám cưới con bà Liên đấy à! Hô hô... bài đó nó ăn cắp nguyên vẹn của một tiệc cưới trong nước chứ có phải của nó đâu! Nhưng mà... dù đó là bài thơ của nó đi nữa thì nó cũng chẳng phải là mẫu người thích hợp cho tiệc trà. Cái mẫu người của nó hả, chỉ thích chỗ ồn ào, cụng ly cốp cốp, dzô dzô 100%, la lối om sòm, cười nói sang sảng... em không thấy vậy sao?”

“Vậy mới vui nhà vui cửa chứ. Có đâu như anh, cứ ngồi im lặng cả buổi, nhấp trà lâm râm từng chút, cười không ra tiếng, thở không nghe hơi, buông lời ra thì toàn là thơ văn triết lý... y như một cụ già.”

Hưng cười, xua tay tỏ ý không muốn bàn nữa, sợ mất công đưa đến cãi vã. Lặt rau xong, Hưng giúp vợ rửa rau rồi dọn bàn.

Quỳnh Hoa đã thay đổi nhiều. Dường như ngay từ khi bắt đầu trở thành đàn bà, người phụ nữ thực tế hơn. Mọi thứ đều thực tế. Trong sinh hoạt hàng ngày, mỗi thứ đều thoát cái trở nên tinh vi. Tình yêu cũng thế, biến thành cái gì có thể tính toán được, sờ mó được qua những biểu hiện vật chất. Một bài thơ cho ngày sinh nhật, viết trên một tấm thiệp tự tay vẽ lấy, không còn làm nàng cảm động bằng một bó hoa kèm theo tấm thiệp in sẵn hình và chữ đầy đủ, thật đẹp, dày cộm nhiều lớp giấy, có nhạc. Cách nàng hí hửng, nói cười huyên thiên khi nhận quà, hoa và thiệp của “thằng em nuôi” đã chứng minh điều ấy. Nàng vui thật. Không phải để làm vui lòng “thằng em nuôi” trước mặt nó đâu. Ngay cả khi

nó đã về rồi, nàng vẫn cứ vui, đi ra đi vào ngắm lọ hoa, chăm chút sắp qua sắp lại vị trí những cành hoa, rồi cứ ngắm nghía, đọc tới đọc lui tấm thiệp, mở tấm thiệp ra để nghe bản nhạc chúc mừng sinh nhật nhằm chán mà ai cũng biết “*happy birthday to you*”... niềm vui sinh nhật kéo dài cả tuần cho đến khi hoa héo. Còn bài thơ và tấm thiệp của chàng thì nàng chỉ đọc qua một lần với một vẻ lạnh nhạt. Nàng chỉ giả vờ hỏi lại vài chữ trong đó ý nghĩa thế nào để tỏ ra nàng có quan tâm. Vậy thôi.

Anh chàng gọi là “thằng em nuôi” của Quỳnh Hoa nhỏ hơn nàng hai tuổi, tên Long. Cũng tận tình thương và theo đuổi “chị” hết sức nhưng lúc nào chị cũng xem như một cậu em nhỏ. “Chị” lên xe hoa theo chồng rồi mà em vẫn không chịu buông tha, cứ bám theo, làm người bạn của gia đình, rồi lại làm người em nuôi bất cứ tiệc lớn tiệc nhỏ, chuyện xa chuyện gần gì của gia đình cũng có mặt, cũng xen vào, góp ý, thảo luận sôi nổi... đôi khi nói đùa thẳng thừng “đáng lẽ bà là bà xã chứ không phải chị nuôi tui đâu nhé!” hoặc “đáng lẽ cái chỗ của ông ngồi là chỗ của tui đó. Chẳng biết sao bà ấy lại chọn ông!”... Đại khái là vậy. Một thằng em nuôi dễ ghét và dễ sợ. Giống như một con đĩa. Nó bám mình thì mình chẳng có lợi ích gì cả, về vật chất cũng như về tinh thần. Bây giờ cố ý hất nó ra thì làm tổn thương cái tâm lượng quân tử của mình—biến mình thành nhỏ mọn trong mắt người khác, và sẽ tự cảm thấy hèn hạ đối với chính mình—mà để nó tự tung tự tác thì nó phá hoại cả cái đẹp mà mình trân quý gìn giữ.

*

Chiều chủ nhật. Hưng dọn dẹp và trang trí sân sau,

tạo một khung cảnh ấm cúng, thơ mộng cho một buổi tối ngắm hoa quỳnh nở cùng các bạn bè thân. Quỳnh Hoa lui hui ở bếp, sửa soạn thịt nướng cho bữa ăn chiều. Có Long, thằng em nuôi, vừa phụ giúp vừa pha trò vui vẻ. Phần tiệc trà cho đêm ngắm hoa thì chỉ có bánh ngọt, trà ngon, do Hưng chịu trách nhiệm. Pha trà là nghề của chàng.

Quỳnh Hoa và Long định dọn bàn ăn ngoài sân. Hưng cự nự:

“Cũng cái khung cảnh này, nhậu nhẹt rồi kể đó ngồi uống trà ngắm hoa, coi sao được. Giữ gìn tôi một chút thanh lịch cho cái sân sau này được không? Dọn bàn ăn trong kia đi.”

“Anh thật khó tính. Ngồi ngoài này mát mẻ, khoáng khoáng hơn chứ,” Quỳnh Hoa cần nần lại.

“Thôi mà anh Hai, đừng làm khó tụi này chứ,” Long tiếp lời Quỳnh Hoa, “ăn gì lại chẳng là ăn, uống gì lại chẳng là uống. Dọn cùng một chỗ cho tiện mà.”

Hưng nghiêm mặt định nói một câu gì đó, nhưng kềm lại, nhún vai, tỏ ý thuận theo hai người. Chàng đã trân quý, chăm chút, chờ đợi giờ phút hoa nở đã nhiều ngày nay rồi, không muốn gây gổ làm hỏng mất không khí đẹp để thiêng liêng của những giờ sắp tới.

Khách lục tục kéo đến. Tính luôn cả chủ nhà thì cũng mười hai người. Long lảng xảng nói cười, tiếp rước như thể chính y là chủ nhân, chủ tiệc. Bầu trời còn ửng nắng mà bữa ăn đã bắt đầu. Tiếng nói tiếng cười rôm rả. Ly cộng nhau rộn ràng. Lời đẩy nhau rộn ràng. Những khuôn mặt đỏ gay. Những đôi mắt đục ngầu. Giọng cười tiếng nói kéo nhưa. Chuyện thời sự. Chuyện mạng lưới và kỹ thuật tân kỳ. Chuyện tiểu lâm. Từ cấp độ nhẹ nhàng đi dần đến đậm đặc, thô tục. Hưng ăn lấy lệ, uống

qua loa, cười cầm hơi. Quan sát. Trong cái đám ồn ào bát nháo này, thực sự là không ai thích hợp cho một đêm trăng ngắm hoa quỳnh nở. Sao vậy kia? Họ đến đây làm gì, chẳng phải để ngắm hoa nở, và đọc thơ cho nhau nghe? Ăn nhậu say bí tỉ, nói cười ồn ào như chợ, rồi chỉ một tiếng đồng hồ sau nữa thôi, bước vào một thế giới thanh lịch, nhẹ nhàng khác? Vợ chồng chàng đã mời lầm người hay là họ đã thay đổi cả rồi, không còn thơ mộng như mười năm về trước?

Chỉ có một khuôn mặt lạ ngồi ở góc bàn là có vẻ ít nói, ít cười. Một phụ nữ trầm lặng đi theo Tạo—bạn cùng trường của Hưng—hoặc gã đàn ông hoạt náo nào đó ngồi kế bên nàng mà Hưng không biết tên. Có lẽ nhờ cô ta không biết uống rượu bia nên ít nói chẳng? Hay vì cô ta không muốn đến mà bị gã đàn ông kia ép đến? Hay vì cô ta nghe nói có tiệc trà ngắm hoa quỳnh nở nên sốt sắng có mặt và bây giờ đang thất vọng nhìn bữa tiệc vui nhộn đang cực cần phá vỡ từng giây từng phút của đêm thiêng sắp tới? Đáng người mảnh khảnh. Khuôn mặt nhỏ. Không đẹp. Chẳng có đặc điểm gì đáng để lưu ý nơi con người ấy ngoại trừ sự im lặng giữa một đám đông ồn ào. Nét im lặng đó làm đẹp cả một góc bàn, làm sáng cả một vùng sân phía ấy. Hưng nghiêng nghiêng đầu ngắm nhìn nàng qua bóng chiều nhẹ xuống, chập choạng, hư ảo. Nàng cười nhẹ. Không biết là cười với Hưng hay chỉ cười gượng để đáp lễ câu chuyện của người khác. Nhưng dù thế nào, ngay phút ấy, Hưng thấy nàng đẹp hơn tất cả những người đàn bà nào khác trên đời. Hưng nâng ly bia, uống cạn. Không lẽ... không lẽ cái đẹp chỉ hiện hữu trong những phút huyền hoặc, mong manh? Hưng không dám nhìn nàng nữa. Sợ mình chết đấm. Hoặc sợ nàng tan biến đi. Hưng đứng dậy, rời bàn.

Xin phép, tôi vào trong chút xíu. Ê, đừng có trốn quân dịch nghe! Làm một ly nữa nè, 100% coi nào! Không, tôi vào một chút rồi ra ngay. Hưng hơi khệnh khạng bước vài bước rời khỏi đám đông. Không phải chàng say men. Chỉ say một chút tình hư huyền...

Hai bé Thư và Thi đang ngồi làm bài tập cho ngày mai. Hưng nhìn chúng bất chợt lại nảy lên ý nghĩ rằng chính cái đẹp ngày xưa của Quỳnh Hoa đã hóa thân thành hai đứa con gái. Con người luôn luôn muốn níu kéo và bám víu vào cái gì mình ưa thích để tự đánh lừa rằng mình vẫn tồn tại theo thời gian. Nhưng có cái đẹp nào có thể còn mãi với thời gian? Tất cả đều trôi về quá khứ. Chỉ có tình yêu thì hướng về tương lai. Ôi, rõ khủng! Con người một khi khởi lên tình yêu, đều có khuynh hướng nghĩ đến một tương lai nào đó. Người ta kéo cái tình yêu đó dài ra theo năm tháng, theo sự mê loạn của chính mình, nhưng thực sự thì không thể có một cái tình yêu kéo dài. Bi kịch của tình yêu nằm ở chỗ đó. Khởi dậy một thứ tình rồi tô vẽ cho nó tính cách dài lâu. Trong ảo tưởng về tính cách dài lâu của nó, sẽ thấy cái đẹp thật ngắn ngủi. Cho nên, nếu yêu người là yêu vì cái đẹp của tâm hồn hay thể xác thì không làm gì có một mối tình chung thủy! Cái đẹp nào cũng trôi đi, cũng thay đổi, tàn tạ theo thời gian cả. Chỉ có cái đẹp hiện tiền, chợt hiện chợt biến, trong khoảnh khắc, làm dậy lên một thứ tình yêu, cũng trong khoảnh khắc. Không có cái đẹp kéo dài. Không có tình yêu kéo dài. Tất cả đều hiện hữu và mất đi trong khoảnh khắc. Ngay trong khoảnh khắc ấy, nếu bắt được nó thì nó trường tồn miên viễn; không bắt được nó thì khởi sự cho một ảo tưởng kéo dài...

Khi Hưng trở ra thì vườn sau đã lên đèn. Bầu trời đêm tím sẫm. Tiệc rượu coi bộ đã tàn. Mấy người đàn

ông bụng bự ngồi ì ra, tiếp tục tán gẫu. Mấy người đàn bà đứng dậy phụ nhau dọn dẹp tàn tích của một trận thư hùng giữa sức người và những thực phẩm vô tri.

“Anh chuẩn bị pha trà là vừa rồi đó,” Quỳnh Hoa nói với chồng.

Hưng quay trở lại bếp, nấu nước sôi, tráng cho nóng những tách trà nhỏ, mở nắp hộp trà ngon.

“Có ai còn hứng thú để uống trà ngắm quỳnh nở không?” Hưng hỏi khi Quỳnh Hoa và người đàn bà mảnh khảnh kia bưng chén bát dơ vào bếp.

“Hỏi gì kỳ vậy! Dĩ nhiên là ai cũng mong đợi tới giờ phút này chứ!”

Quỳnh Hoa nói rồi quay qua người đàn bà kia, như tìm đồng minh. Người đàn bà kia gật đầu, không nói. Hưng chế nước sôi vào bình trà. Người đàn bà kia đứng lại bên cạnh nhìn Hưng tỉ mỉ làm công việc của chàng.

“Anh có cần giúp gì không?”

“Không, cảm ơn cô. Tôi làm một mình được mà. Chỉ cần... chỉ cần cô biết thưởng thức, là đủ rồi.”

“Thưởng thức trà đấy à, dĩ nhiên là biết chứ.”

“Và thưởng thức hoa nữa kia.”

“Dĩ nhiên, em đến đây để được ngắm hoa quỳnh nở mà. Với lại... nghe anh Tạo quảng cáo là có mục ngâm thơ nữa, em thích lắm.”

Hưng gật gù tính nói một câu tỏ ý như tìm được tri âm bỗng thấy Tạo bước vào.

“Vân à, mình phải về đó em. Anh Hưng ơi, tôi có việc phải về gấp, cáo lỗi với anh nghe. Ôi, tiếc quá, mất cơ hội ngắm hoa quỳnh nở rồi.”

Té ra Vân là người tình mới của Tạo mà Hưng không biết. Vân ngạc nhiên trở mắt nhìn Tạo, vùng vằng không muốn đi. Vân nói:

“Gì mà gấp vậy! Sao anh nói tối nay rảnh, có thể ngồi chơi lâu được mà?”

“Thì có chuyện bất ngờ mới phải về chứ anh đâu muốn. Vừa có cú phone nhắn phải đi gấp đó. Cấp cứu mà, đâu làm ngơ được.”

“Phải cấp cứu không hay là...?” Hưng hỏi lại với giọng nửa tin nửa nghi.

“Thật mà, bạn không biết đâu, rời nơi đây giờ này, mất cơ hội ngắm quỳnh nở, tôi đau lắm đó. Nhưng thôi để dịp khác, mùa khác vậy. Tôi phải đi đây anh Hưng ạ. Đi em.”

“Hay để cô ấy lại đây, tôi sẽ đưa cô ấy về sau. Anh đi bệnh viện thì cũng đâu cần đem cô ấy đi?” Hưng đề nghị.

“Ừm... thì đi bệnh viện rồi còn đi công việc khác nữa mà. Đi, em.”

Vân chau mày, nhưng rồi cũng bước theo Tạo, vừa đi vừa e dè ngoái lại, nói với Hưng:

“Xin lỗi anh Hưng nhé, thôi hẹn dịp khác.”

“Tôi đau lắm đó, mất cơ hội ngắm hoa quỳnh,” Tạo còn nói thêm.

Họ đi rồi, Hưng lắc đầu, lẩm bẫm:

“Đau tiếc cái con khỉ. Chỉ nói cái miệng.”

Hưng đem trà ra sân. Thực khách cùng ồ lên một tiếng, rồi lao nhao:

“Rồi, đến rồi!”

“Mục chính bắt đầu.”

“Nãy giờ đến đây chỉ chờ đợi giờ phút này thôi đấy.”

“Lấy cây đàn ra đây đi chị Quỳnh Hoa, cho anh Hưng trở tài, lâu quá không nghe anh ấy gảy nhạc classic.”

“Thú vị quá, thú vị quá, không gì bằng ngồi ngắm hoa nở, nhìn trắng lên, nghe bằng hữu ngâm thơ, đánh đàn...”

Đặt bộ đồ trà lên bàn, tự dưng Hưng cảm thấy những lời reo mừng của đám thực khách này đều rỗng tuếch, giả tạo. Hưng vẫn không tin nổi là từ không khí náo nhiệt có thể bước thẳng vào không khí thanh tao thi vị một cách tự nhiên, dễ dàng được. Họ chỉ đóng kịch thôi. Họ chẳng còn chút thơ nào cả. Bây giờ họ chỉ thích rượu mạnh, coi phim khiêu dâm hay phim bạo động, đọc và nghe băng tiểu thuyết rẻ tiền loại chẳng cần suy nghĩ và chẳng cần giữ lại nơi tủ sách, thích nghe nhạc kích động hoặc chỉ hứng thú với những liên khúc tango, boléro... Ôi, với sự trống rỗng vô vị của tâm hồn như thế thảo nào họ lại chẳng mê nghe nhạc liên khúc. Họ không muốn có một khoảng trống nào trong không gian và thời gian nên cứ lấy liên khúc ra mà lấp đầy. Mà càng cố gắng khóa lấp những khoảng trống, họ lại càng trống rỗng, tầm thường, nhạt nhẽo hơn. Họ chẳng biết rằng chính những khoảng trống, những nốt lặng, những giây phút thiếu vắng chờ đợi nhau, giữa hai nốt nhạc, hai bản nhạc, hai giọt nước mưa rơi, hai chặng đời, hai khoảng thời gian, hai tâm cảnh, hai con người... mới là cái chỗ thâm sâu, ý nghĩa nhất. Cũng như ngắm hoa quỳnh, giây phút hoa khẽ rung mình rồi lay nhẹ, lay nhẹ để hé mở những cánh hoa, là giây phút linh thiêng mầu nhiệm, đẹp đẽ; nhưng giây phút chờ đợi trước khi hoa khai nhụy lại chính là thời gian đem lại nhiều bồi hồi xúc cảm nhất. Nếu chỉ cần thấy những bông hoa thì sao không chờ hoa nở xong rồi hãy đến mà nhìn, hay là cứ mua hoa nhựa về cắm ở một góc nào đó trong nhà cho vui. Nghe nhạc mà cứ muốn nhạc réo liên tục không

ngừng nghỉ, hết bản này qua bản nọ, không một nốt lặng, không một giây phút ngừng nghỉ, thì còn gì là nhạc nữa! Cái thằng em nuôi kia nữa, hẳn chỉ là một thằng láu cá với liên khúc của những lời, những câu, những nụ cười sáo, rỗng.

Trà được rót ra những cái tách nhỏ xíu. Hương trà tỏa thơm dịu dịu. Nhưng cũng chưa át được mùi thịt nướng còn phảng phất chung quanh.

“Trà ô-long hảo hạng đấy bà con ơi,” Long nói lớn.

Mọi người im lặng, chẳng ai nói gì. Dường như hương trà và những tách trà đã mang đến cho họ một chút không khí cổ kính nào đó, khiến họ tự dừng bớt ồn ào. Chỉ còn một mình Long là cứ bô bô cái miệng.

“Trà ô-long này muốn mua rẻ một chút tí phải lái xe lên Chinatown trên Los Angeles. Dưới này bán 30 đô một hộp ‘103’ chứ trên đó mình mua 1 hộp chỉ 25 đô thôi.”

Mọi người gật gù, bắt đầu nhấp trà. Long tiếp:

“Trà này sản xuất từ Đài Loan đấy. Có nhiều hạng còn đắt tiền gấp 5 lần trà ô-long 103 này nữa kia. Dù vậy, tôi vẫn thích trà 103 hơn. Không phải đắt tiền thì lúc nào cũng hợp với khẩu vị của mình, phải không? Chẳng hạn như hộp 409, họ có pha sâm vào đó nên bán đắt hơn 103, nhưng đâu có ngon. Mùi vị nó chát hơn, cái hậu ít ngọt hơn. Ở đây có ai uống trà 409 chưa?”

“Chưa,” một người đáp, giọng nhỏ, “anh Long này có vẻ sành điệu quá nghe. Từ rượu bia đến trà, thứ gì cũng sỏi hết mà.”

“Hi hi, có gì đâu, sơ sơ thôi mà. Để tôi nói cho quý vị nghe, về chuyện liên quan đến hoa quỳnh này đấy mà. Khi này tôi đã nói với chị Quỳnh Hoa rồi, bây giờ nói cho bà con ở đây biết,” Long tiếp tục bô bô.

“Thôi, khoan nói đã Long à,” Quỳnh Hoa chặn lại. Nhưng Long cứ tiếp:

“Nói thì nói, cho vui, chứ có gì đâu. Này nhé, tôi có học được một món súp rất độc đáo. Bảo đảm quý vị thử một lần sẽ không bao giờ quên được. Món này vẫn còn trong vòng thí nghiệm thôi; ý tôi muốn nói là trên căn bản nó đã thành một món súp, nhưng có thể tùy theo khẩu vị và tài nghệ chế biến của những tay đầu bếp, có thể làm cho nó ngon hơn, hấp dẫn hơn...”

“Là món gì vậy nói mau đi, lòng vòng hoài!” một người trong bàn tiệc thúc giục.

“Thì món súp hoa quỳnh đấy mà!” Long vừa nói vừa cười thật lớn.

Hưng trợn mắt, gằn lên:

“Im đi. Muốn nói gì thì... ra ngoài đường mà nói.”

“Thôi mà anh Hai, bớt giận coi nào. Chuyện gì mà nghiêm trọng thế! Anh không thấy mọi người đang chú ý lắng nghe tôi sao? Phải không quý vị? Thấy chưa, thấy chưa. Tôi tiếp nhé, hoa quỳnh có cái tên khoa học là... là gì nhỉ? Quên mất rồi. Nhưng được tính của nó rất cao, có thể đem chưng với đường phèn mà ăn cho mát gan bổ thận; ngoài ra, còn có thể nấu súp ăn rất ngon: khi hoa vừa nở xong chừng nửa giờ hoặc cao lắm là một giờ, lúc nó còn tươi chưa rũ xuống, cắt ngang cuống hoa, chỗ sát với lá, đem vào lo nấu ngay còn như không nấu được liền thì bỏ vào bao, cho vào tủ lạnh, hôm sau lấy ra nấu...”

“Thôi đi. Bây giờ không phải giờ ăn nhậu nữa,” Hưng lại gằn giọng nói.

“Trời ơi, anh Hai nói vậy mà nói được. Đây chỉ nói chuyện thôi chứ có nhậu nhẹt gì đâu. Này nhé, trước khi nấu phải lấy cái nhụy hoa ở giữa ra, để nó lại sẽ bị đắng

vì đây bông phấn. Cái hoa thì chẻ mỏng ra từng miếng cỡ này. Nồi súp có thể nấu với mức rong khô, tao một ít tôm tươi nữa thì tuyệt... Nói vắn tắt vậy thôi chứ không chừng quý vị nấu còn ngon hơn tôi nữa kia. Hoa quỳnh nấu súp có chất nhờn nhờn như lá mỏng tới quý vị ạ...”

Hưng đứng dậy, khều vai Long, ra dấu ngoắc Long:

“Ra đây mình nói chuyện riêng một chút.”

“Gì mà nghiêm trọng thế anh Hai,” Long cười giả lả, nhưng vẫn mau mắn đứng dậy bước theo Hưng.

Hưng đi ngang nhà bếp, phòng khách, mở cửa bước ra ngoài đường. Long theo sau, vẫn cười. Hưng nghiêm sắc mặt nói:

“Về đi. Tao không muốn nhìn mặt mày nữa. Mày có muốn gặp chị nuôi của mày thì phone đến hoặc gặp ở ngoài đường, đừng có bước vô nhà tao nữa, nghe chưa!”

Nói xong, không cho Long đủ thời gian nói lại tiếng nào, Hưng quay nhanh vào, đóng cửa sầm một cái. Đến ngang bếp, Hưng rót một ly nước lạnh, uống cho nguội giận. Vài phút sau Hưng mới ra sân với khách. Quỳnh Hoa thấy Hưng trở lại một mình không có Long, liền hỏi:

“Gì vậy? Long đâu rồi?”

Hưng không nói, chỉ hất hàm hướng ra phía đường. Quỳnh Hoa đứng dậy ngay, làu bàu:

“Anh làm cái gì vậy? Long về rồi phải không? Tự dưng làm mất vui! Thiệt tình, anh cố chấp quá!” nói rồi Quỳnh Hoa đi nhanh ra ngoài.

Hưng ngồi lại với khách, im một lúc mới nói:

“Xin lỗi các bạn... Tôi không kèm được nóng giận. Xin bỏ qua cho. Mời uống trà.”

Mọi người có vẻ ái ngại, nhìn Hưng. Không khí im

lặng bao trùm.

Hoa quỳnh bắt đầu nở. Từng đóa, từng đóa, như hẹn trước với nhau, cùng run rẩy tựa mình dưới ánh trăng mờ nhạt. Trong thoáng chốc, chậu hoa với những cành lá xanh mượt uốn éo như bầy rồng đã được điểm bằng những hoa lớn trông như những nàng tiên áo trắng từ cõi nào đáp xuống vườn này. Cuống hoa đỏ, từ các cạnh của những phiến lá mỏng mà túa ra, cong xuống dưới rồi lại hướng lên, nâng những nụ hoa nghiêng chênh chếch về hướng người ngắm—có vẻ là như vậy; nếu cuống hoa nâng nụ hoa thẳng đứng lên thì người ngắm không làm sao thấy được nhụy hoa lấm tấm vàng và rất cầu kỳ bên trong. Hoa quỳnh lớn mà không thô. Đài các mà không kiêu sa. Thơm dịu dịu chứ không ngào ngạt. Vậy rồi hương thơm cũng tỏa ngát một vùng.

Một vài tiếng xì xầm, rồi vài tiếng xôn xao.

“Thơm quá.”

“Ôi đẹp quá.”

Hưng lặng lẽ ngắm, rung động một lúc nhưng rồi cảm hứng trong chàng lụi tàn thật nhanh. Nghĩ đến Quỳnh Hoa, vợ mình, đang vắng mặt trong những phút giây đẹp đẽ nhất, Hưng khóc trong lòng bằng một nỗi đau khó hiểu.

Gần một giờ đồng hồ sau thì khách lần lượt cảm ơn chủ nhà, ra về. Hưng tiễn người khách cuối cùng ra cửa rồi quay trở lại sân sau. Đánh đàn guitar, ca một mình. Gần một giờ sau, mới thấy Quỳnh Hoa trở lại, lặng lẽ ngồi ở một cái ghế gần đó. Cả hai im lặng chẳng nói gì. Hưng cũng không đàn ca nữa.

“Anh đã ngắm hoa xong chưa?”

“Có việc gì sao?”

“Vào nghỉ mai đi làm. Long nó dặn... hái hoa lúc

VĨNH HẢO

còn tươi đem vào bỏ tủ lạnh ngay thì ngày mai nấu mới ngon.”

“Em muốn làm gì thì làm đi.”

Quỳnh Hoa đứng dậy, với con dao cầm sẵn trên tay, cắt những hoa quỳnh cho vào một cái rá nhựa.

Quỳnh Hoa vào trong rồi, Hưng vẫn còn ngồi im nơi đó thật lâu, cho đến khi trăng lên quá đỉnh đầu, cho đến khi sương đêm xuống lạnh, khiến chàng phải rùng mình. Chậu hoa quỳnh vẫn còn đó, nhưng không còn hoa, không còn hương. Hưng tưởng chừng nó đã chết. Hưng muốn ca thêm một bản trước khi vào ngủ nhưng cuống họng như bị tắc nghẽn, không thốt nên lời. Chỉ còn tiếng đàn vang nhẹ, nhẹ, nhẹ trong đêm. ■

Nụ cười

Ai mà chẳng muốn cười. Cười là biểu hiện của sự vui vẻ, của niềm hạnh phúc trên đời. Vậy thì phải cười. Nhưng tiếng khóc và nụ cười đâu phải là thứ hành động do mình điều khiển. Hễ mình đau khổ cùng tột hoặc xúc động mạnh, thì nước mắt tuôn. Hễ mình vui sướng tột độ thì cái miệng tự nhiên nhe ra mà cười toe cười toét. Thế thì, “muốn hạnh phúc trên đời thì *phải* cười,” là một tiền đề lạ lùng, nghịch lý. Đáng lẽ mỗi người tự chăm lo cái hạnh phúc cho mình, cho người khác thì tự đứng mọi người sẽ cười. Đàng này, ông đạo Cười chủ trương ngược lại. Ông cho rằng con người phải cười, thì tự đứng sẽ mang lại niềm vui cho chính họ và cho người khác.

Như thế đấy. Ông chỉ giảng tới giảng lui dăm ba lý thuyết về hạnh phúc và khổ đau, cười và khóc, giặm thêm những câu chuyện về vui và khổ, đặc biệt thích thú kể chuyện tiểu lâm, rồi mở những lớp dạy cười, rồi tung ra xã hội những đạo quân cười. Chủ trương của ông không phải là không hợp lý đâu. Vì nếu nó vô lý, không áp dụng được, thì người ta đã chẳng kéo đến học đạo Cười của ông đến cả ngàn người, tạo nên thanh thế lẫy lừng của ông như là một giáo chủ, một sứ giả của hạnh phúc, một đạo sư lỗi lạc có thể tạo nên thiên đường trần gian ngay trong đời hiện tại.

“Chẳng gì khó hiểu đâu mà ạ. Cứ theo tao tới

nghe ông thuyết trình một lần, thậm chí mày chỉ cần nhìn mặt ông, thấy nụ cười của ông, là mày cảm thấy hạnh phúc, nhẹ nhõm, thoải mái ngay lập tức. Rồi từ đó, mày sẽ thấy cuộc đời mày thay đổi, thăng hoa.”

“Thực vậy sao! Nghe mày nói tao cũng ham, muốn đi ngay cho biết. À, ông ta cũng là tu sĩ hả?”

“Xi, tu sĩ gì! Ông ta cũng có vợ con như mọi người thôi. Người ta gọi ông ta là ông đạo Cười chứ thực tình ông ta chỉ muốn là người bạn đường hướng dẫn mình hạnh phúc thôi. Có bữa ông ta còn nói rằng ở đời đâu cần phải làm tu sĩ, và cũng không cần mấy ông bà tu sĩ nữa đó.”

“Thật à! Lý do sao mà ông nói vậy?”

“Thì... ổng nói rằng mấy tôn giáo có mặt trên đời cũng chẳng làm gì khác cái chuyện ông ấy đang làm. Nghĩa là làm cho mọi người hạnh phúc, làm cho mọi người cười. Nhưng mày có thấy không, trên thực tế thì những người tu sĩ của các tôn giáo thường tỏ vẻ khắc khổ, nghiêm trang, mặt mày lúc nào cũng đăm đăm khó chịu, khấn trương, như thể là đang ráo riết truy tìm chân lý vậy! Cho nên tiếp xúc với những tu sĩ khổ hạnh ấy, người ta chỉ thấy trước sự rầu rĩ thôi chứ cười chẳng nổi. Còn gặp ông đạo Cười đó hả, chắc chắn phải cười thôi. Ông ta mang lại nụ cười tức khắc cho những ai ông gặp. Đi theo ông, mình cũng chẳng bị mất mát gì cả. Chẳng cần phải ép mình ăn chay nằm đất, chẳng cần phải tự nguyện sống độc thân suốt đời, chẳng cần phải giữ gìn những giới luật hay điều răn này điều răn nọ cho đời thêm nặng gánh. Chỉ cần cười, cười, cười mà thôi!”

“Ha, cũng hay nhỉ. Vậy chứ khi nào mày đưa tao đi gặp ổng?”

“Chủ nhật tới, được không?”

“Được, hứa chắc nghe.”

Chủ nhật, Trâm lái xe đến nhà Thủy, chở bạn đến chỗ ông đạo Cười.

Trên xe, Trâm kể sơ cho Thủy biết chỗ ở chính của ông đạo Cười là ngôi biệt thự khiêm nhường với bốn phòng ngủ—một cái dành cho vợ chồng ông, ba cái còn lại dành cho ba đứa con, phòng khách rộng, nối với phòng ăn, chứa đến 4 bộ ghế nệm bọc da và một dãy bàn lớn trên hai mươi ghế ngồi dùng để hội họp. Sau lưng ngôi biệt thự, các đệ tử ông đạo góp tiền xây thêm hai dãy nhà có lầu, gồm khoảng 50 phòng, mỗi phòng có thể ngủ qua đêm được 4 người. Hai dãy lầu ấy hoàn toàn dành cho người học đạo phương xa đến nghe giảng có thể ở lại đêm để thực tập hoặc tham dự các khóa thực tập dài hạn. Ngoài hai dãy lầu ấy, người ta còn xây cả một hội trường rộng phía bên hông ngôi biệt thự của gia đình ông đạo, có thể chứa khoảng 600 người. Khu đất bao quanh ngôi biệt thự khá rộng, chiếm trọn ngọn đồi cao, ngày xưa là rừng phong, nay được một vài môn đồ chuyên nghiệp làm vườn của ông đạo phác họa, thiết kế, phá rừng làm thành vườn, trồng cây cảnh và cây kiểng, làm thảm cỏ, lập vườn hoa, tráng nhựa các lối đi bao quanh khu đất..., tạo nên một cảnh trí đẹp đẽ, mát mắt—một khu vườn kang trang, sang trọng được chăm sóc tỉ mỉ của một gia đình thượng lưu giàu có.

Cổng sắt của biệt thự mở sẵn. Trâm lái xe thẳng vào trong. Một vài môn đồ của ông đạo đang rào bộ trên lối đi tráng nhựa, thấy xe vào thì đưa tay vẫy chào, miệng mỉm cười.

“Cha, khu đất này lý tưởng quá, nhưng mà... cảnh trí có vẻ nhân tạo quá. Không có chút vẻ thiên nhiên nào cả,” Thủy nói với bạn.

“Đó là chủ ý của ông đạo mà. Ông cho rằng con người có thể tự tạo lấy thiên đường của mình, cho nên cảnh trí, nhà ở, vườn tược, cũng phải theo cái cảm quan của mình, chứ không thể để cho thiên nhiên lấn lướt.”

“Chủ ý gì mà lạ vậy! Bộ cảnh nhân tạo kiểu này có thể thay thế được cảnh đẹp thiên nhiên sao? Tao thấy có cái gì gượng gạo nơi khu đất này đó mà ạ. Cả một cái vườn rộng như vậy mà như thiếu cái gì đó. Tốt hơn là nên làm cái rừng hơn là làm cái vườn.”

“Là sao, ý mà muốn nói gì?”

“Làm cái vườn chỗ này thì chỉ mới lập được cái *tiểu viên* thôi; phải làm thành rừng thì mới gọi được là *tiểu lâm*.”

“Suyt, mà lúc nào cũng nói cà rững, vô tới chỗ người ta rồi mà còn nói đùa. Vậy chứ mà muốn tới đây tìm cái gì đây?”

“Thì tìm niềm vui, tìm nụ cười. Nhưng...”

“Mày sẽ tìm thấy mà, đừng lo.”

“Nhưng mấy cái người kia, xem họ cười kìa...”

“Hê, họ đang thực tập đạo Cười đó mà.”

“Nhưng... cười lạ lắm! Giống như cười theo thói quen.”

“Suyt, nói nhỏ mậy. Chứ mà muốn ai gặp mà cũng méo miệng, khóc lên à?”

“Chẳng phải vậy. Cười thì tốt hơn chứ. Nhưng những nụ cười này thì cũng giống nụ cười xã giao của dân bản xứ khi gặp nhau thôi chứ gì.”

“Nói tầm bậy. Cười vậy mà cười xã giao à! Người ta cười tươi như vậy, rõ ràng là đã đạt đạo một phần rồi đó. Đó, mà thấy chưa, xem hai ông bà già kia kìa, họ đang ở cấp I đó.”

“Cấp I, là sao mậy?”

“Cấp I là trình độ vừa cười chào người lạ vừa tự nhìn vào lòng mình, xem niềm vui có hiện hữu không.”

“Nếu có thì sao, không thì sao?”

“Có thì làm cho nó tăng lớn lên, không thì làm cho thành có. Nhưng dù có hay không thì cũng đang ở trong cấp I.”

“Sao mà bạn biết họ đang ở cấp I?”

“Dễ thôi, vì mới cười chào mình xong là họ nhắm mắt lim dim đó. Nhắm mắt lại để dò xét tự tâm.”

“Vậy khi tao cười xã giao với họ mà mắt không nhắm lại thì tao đang ở cấp mấy?”

“Mày chưa được cấp nào cả. Mày cũng như bao nhiêu người đứng ở ngoài cửa đạo thôi.”

“Hê, vậy tao làm bộ cười xong rồi nhắm mắt thì mày cũng nghĩ là tao đang ở cấp I hả?”

“Cái đó thì... cũng khó nói lắm. Chỉ người trong chăn mới hiểu được chăn có rận hay không thôi. Mày giả đồ thì tự dựng nét mặt mày nó khác với người làm thật.”

“Vậy sao! Đạo Cười cũng khó quá há. Tao tưởng chỉ đến đây rồi cười thả giàn, cười lẩn lóc, cười hả hê... chứ đâu biết cũng chia cấp này cấp nọ. À, mà mày đang ở cấp mấy vậy?”

“Bí mật, bí mật.”

“Nói đi, đạo Cười chia làm mấy cấp. Đến cỡ ông đạo thì cấp mấy?”

“Khoan, để tao đậu cho xong cái xe đã. Đậu chỗ này chút nữa có muốn rút về sớm đi shopping theo ý mày thì cũng dễ. Okay, hồi nãy mày hỏi gì, à, nhớ rồi, mày hỏi đạo Cười có mấy cấp. Đơn giản thôi. Ông đạo chia đạo Cười làm 3 cấp. Cấp I mày biết rồi. Cấp II là giai đoạn mà tiểu giả đã tự biết rõ...”

“Khoan, tao ngắt lời mày một chút. *Tiểu giả* là gì vậy?”

“*Tiểu* là cười, *giả* là người. *Tiểu giả* là người cười, là người đang thực hành đạo Cười đó mà.”

“Ồ, chứ không phải *giả* là giả tạo sao?”

“Mày cứ nói tầm bậy không à. Để tao nói tiếp. Ở cấp II, tiểu giả đã tự biết niềm vui bên trong của mình là có thật cho nên nỗ lực đem nụ cười của mình mà ban phát hạnh phúc cho tha nhân.”

“Có nghĩa là gặp ai cũng cười thoải mái, cười mở mắt, không cần nhắm lại một chút như mấy tiểu giả ở cấp I hả?”

“Ở cấp I không phải là tiểu giả mà là *tiểu sinh*— tức chỉ mới là đạo sinh đang còn thực tập thôi. Còn tiểu giả ở cấp II thì đang hành đạo. Tiểu giả gặp ai cũng cười, cười thoải mái, không cần nhắm mắt lại để tự tra cứu nội tâm nữa. Chính những tiểu giả này là những sứ giả mang lại nụ cười cho khắp thế giới. Nụ cười đối với họ không còn là biểu tượng nữa mà chính là niềm hạnh phúc. Họ cười với ai là ban hạnh phúc đến người đó.”

“Nhưng làm sao để đạt đến cấp II?”

“Phải thực tập cười một thời gian khá dài ở cấp I chứ. Thời gian thực tập, mày có thể tập cười với cây cỏ, đất đá vô tri, rồi tập cười với người lạ, rồi tập cười với người mà mình thù ghét.”

“Cứ mỗi lần thực tập cười một cái là sau đó nhắm mắt lại kiểm điểm tự tâm?”

“Đúng. Vượt qua giai đoạn này rồi, mới bước vào cấp II, làm tiểu giả.”

“Ai sẽ là người chứng nhận trình độ cười của mình?”

“Thì ông đạo chứ ai.”

“Nhưng mà... nếu bây giờ gặp ai tao cũng cười vì trong lòng tao vui quá, thì ông ta có cho tao lên cấp II không?”

“Cái đó thì khác à. Vì mày chưa từng ở cấp I, chưa từng trải thời gian thực tập cười thì làm sao nhảy lên cấp II được! Ít nhất mày cũng có những giờ thực tập chung, có mặt đầy đủ trong những giờ ông đạo thuyết trình cũng như vào những giờ hội thảo và những đại hội cười, rồi mày mới có được giấy chứng nhận cho mỗi cấp chức. Hơn nữa, cái niềm vui của mày chỉ là niềm vui nhất thời thôi. Khi mày hết vui thì mày đâu có cười được nữa. Trong khi đó, nụ cười của tiểu giả cấp II là nụ cười thường trực, đầy kinh nghiệm, nhuần nhuyễn, có thể áp dụng ở bất cứ trạng huống nào.”

“Có nghĩa là... cho dù họ đang buồn, giận, khổ đau, mất mát, thua lỗ gì gì đi nữa thì vẫn cười?”

“Đúng, đúng vậy đó. Họ lấy chính nụ cười của họ để giải tỏa những đau khổ hay bất mãn ở nội tâm.”

“Đó là giải tỏa cho chính họ. Vậy chứ thấy người khác đau khổ, mất mát, họ cũng giải tỏa cho người ta bằng cách cười toe toét à?”

“Mày dùng chữ bậy bạ quá, chẳng đúng tí nào. Ai lại cười toe toét! Nụ cười của đạo là nụ cười an lạc, hạnh phúc, thanh thoi, nhẹ nhàng... chứ ai lại toe toét bao giờ. Nếu người khác đau khổ, họ đến cười thì người đó giảm bớt khổ đau thôi.”

“Thực không đó, hay là chỉ chọc cho họ quạu lên, họ động cho một đấm vào miệng! Ha ha ha ha. Sao tao tức cười quá!”

“Đó thấy chưa, vào trong thế giới này là mày có ngay những nụ cười thoải mái!”

“Không phải! Tao tức cười... hức hức,” Thủy ôm

bụng, gập người xuống, cười rúc rích một hồi, “là vì cái đạo Cười có cái gì buồn cười quá chứ không phải nhờ bước vào đây mới được hưởng nụ cười!”

“Suýt, mà không tin thì cũng để người ta tin với chứ. Nói tầm bậy tầm bạ không à. Nếu mà không thích thì tao đưa mà về ngay, khỏi mất công mà cười chế nhạo.”

“Hê, chẳng phải cười kiểu của tao cũng là một loại cười hàm chứa hạnh phúc sao chứ. Mà trong đạo Cười thì mà phải vui khi thấy tao cười chứ, cho dù nụ cười đó là nụ cười chế nhạo ngay chính cái đạo của mà, phải không?”

“Cái đó thì... ở trình độ của ông đạo kia, tức là phải ở cấp III, chứ ở cấp I và II mà thấy mà cười kiểu đó thì họ rớt uỳnh mà khóc không kịp nữa chứ đừng có ở đó mà cười!”

“Ê, vậy chứ đạo Cười của mà chỉ dạy ban cho niềm vui thôi chứ không dạy sự nhẫn nhục, chịu đựng sao? Bộ không vừa ý chút xíu là nhăn mặt nổi sân si lên à?”

“... cứ cười và làm cho niềm vui tự tâm phát triển thật mạnh, thật sâu, thật cao, rồi tự dừng ba cái chuyện lẽ tẻ như buồn, giận, cau có, băng gắt, nóng nảy... sẽ biến mất ngay.”

“Nói thấy dễ quá nhưng thực tế chẳng biết có được vậy không.”

“Tao không muốn nhiều lời. Mà cứ gặp ông đạo xong cái đã, rồi sau đó tự dừng mà sẽ có quyết định thích đáng.”

“Khoan vào đã, tao thấy nhiều người còn đứng bên ngoài kia. Mà chưa nói tao nghe về cấp III. Có phải cấp này thì ngang hàng với ông đạo không? Chứ không

phải là ông ta đạt đến một trình độ siêu cấp, vượt ngoài những cấp đặt ra cho môn đệ sao?”

“Cái đó chính là cái khiêm nhường của ông đạo. Ông không tự cho mình là siêu cấp cười gì cả. Ông nói ông cũng chỉ ở cấp III thôi, không có cấp nào cao hơn thế nữa. Cao hơn thì là thánh thần rồi. Ông ta chỉ là người thường, là ông đạo, là kẻ thực hành đạo Cười mà thôi. Nhưng dù ông nói vậy, trên thực tế thì ngoại trừ ông ra, chưa có ai trong đám môn đệ đạt đến cấp III cả.”

“Thế à! Sao mà khó dữ vậy?”

“Bởi vì... ở trình độ này, tiểu đạo—người đã đạt đến cấp III thì không gọi là *sinh* hay *giả* nữa, mà gọi là *đạo*—trong lòng đã hoàn toàn hạnh phúc, không thấy buồn khổ đau đớn gì như thế nhân nữa, còn ngoại diện thì nụ cười không bao giờ tắt.”

“Là sao? Là cười mãi?”

“Ừ, cười mãi, ngay cả khi đang nói, đang ăn, đang uống, đang ngồi trầm tư, đang làm việc... thậm chí đang ngủ.”

“Ồ, thật lạ nhỉ, tao chưa từng nghe thấy chuyện này bao giờ. Quá chiêu thật!”

“Đó, mà y thấy sợ chưa. Cho nên tao mới nói là mà y hãy gặp ông đạo một lần thì tự đứng thay đổi hết quan điểm, bỏ hết những nghi ngờ chế nhạo. Thôi, vào được chưa?”

Nói vậy nhưng rồi cả hai cũng ngồi lại trên xe một lúc để soi lại mặt mũi, sửa lại mái tóc. Rồi xe, họ men theo con đường trải sỏi, tiến về hướng hội trường. Nơi đó, người ta đã tụ tập, ngồi kín gần hết ghế. Trên bốn vách của hội trường, đầy những bích chương và biểu ngữ. Một số biểu ngữ đọc nghe quen như ở những tờ báo chuyên viết truyện cười. Một số bích chương có vẽ

những hình ảnh quen thuộc như ở phòng mạch nha sĩ. Trâm kéo Thủy tiến về hàng ghế đầu gần chỗ diễn giả nhất. Thủy ngạc nhiên thấy ai cũng cười chào Trâm rồi dạt ra hai bên, tránh đường cho Trâm đi một cách kính cẩn. Trâm chỉ cười đáp lại, chẳng nói gì. Đến hàng ghế đầu, không còn chỗ trống, hai vợ chồng trẻ nào đó tự động đứng dậy nhường chỗ cho Trâm và Thủy. Trâm cũng chỉ cảm ơn bằng nụ cười, chẳng từ chối, kéo Thủy ngồi xuống chỗ ghế vừa được nhường.

Ngồi một lúc, Thủy hỏi nhỏ:

“Sao mọi người có vẻ trọng vọng, ưu tiên cho mày dữ vậy? Thấy họ nhường ghế, tao ái ngại quá à.”

“Không sao, mày là bạn tao thì mày phải được ưu tiên chứ. Chẳng giấu gì mày, bây giờ tao nói thật nhé, tao đang ở cấp II, thuộc loại kỳ cựu, được ông đạo tin tưởng, đi ra đi vào tự do ngay trong tư thất của ông ấy nữa kia. Mấy người mới học đạo thấy tao là né, là nhường thì đúng rồi. Có lần ông đạo còn mớm ý trước đám đông cử tọa rằng có thể tao là người có khả năng thay thế ông nếu một mai ông lên tiên, nhưng với điều kiện là tao phải phấn đấu cười nhiều hơn và khuyến dụ thêm nhiều môn đồ vào đạo nữa. Một lát, sau buổi thuyết trình, tao đưa mày vào thăm gia đình ông.”

Thủy chỉ biết trở mắt nhìn bạn mình, không nói nên lời. Vừa lúc đó, có tiếng người điều khiển chương trình phát lên:

“Xin mời tất cả tiểu giả, tiểu sinh, tiểu khách cùng đứng dậy, chuẩn bị đón tiểu đạo.”

Mọi người đứng dậy. Tiếng ghế kéo, tiếng áo quần, tiếng tăng hắng, rộn cả lên một lúc rồi chìm vào im lặng, trang nghiêm. Ông đạo bước vào.

Ông thấp người. Béo tròn béo trực. Tóc để dài

ngang vai, ống quần từng lộn, xít keo kỹ lưỡng. Khi ông bước đi, hai cánh tay có vẻ như dang ra hai bên vì bị cắn thịt mỡ ở hông. Chân ông cũng đi hàng hai có lẽ cùng lý do tương tự: mỡ ở hai bắp đùi nhiều quá. Ông mặc một thứ áo may cắt kiểu gì lạ lắm: nó giống một cái khăn quàng có cổ thì đúng hơn. Đại khái là một miếng vải màu mỡ gà, rộng, khoét một cái lỗ tròn, chui cổ vào đó, rồi bằng một cách nào đó, gài nút hay thắt giây, để lộ hai cánh tay ra ngoài miếng vải nhùng nhằng ấy. Trang phục nhìn qua thì đơn giản, nhưng nhìn kỹ lại thì thấy cũng cầu kỳ thay. Nó cho người ta cảm giác rằng ông ấy cũng hơi đặt nặng vấn đề phục sức bề ngoài và có tính chưng diện như đàn bà khi xuất hiện trước đám đông. Thấp thoáng dưới cái lớp áo choàng tha thướt ấy, người ta thấy cái quần lụa trắng mỏng của ông cũng rộng xùng xình từ trên xuống, bó lại ở cổ chân bằng một dải lụa màu hoàng kim; bên ngoài còn bọc thêm một vài cái kiềng vàng lủng lẳng, khi chuyển động thì kêu lên leng keng. Chân mang đôi hài trắng, loại vải, không xỏ giây, vớ màu mỡ gà tiếp màu với cái áo choàng. Không những kiềng chân, ông còn mang cả kiềng tay ở cánh tay phải, 7, 8 cái, cũng bằng vàng y sáng loáng. Tay trái thì mang đồng hồ điện tử đa năng với dây đeo bằng vàng, dày cộm. Quần áo xanh xang xống xính xùng xình như vậy cho ông cái vẻ yếu điệu dịu dàng của phái yếu, mà cũng phảng phất cái dáng vẻ của một gã thượng lưu ở xứ Ấn hay một xứ nào đó của Trung-đông. Da mặt ông đỏ au mà lại bóng lườn, giống như một người say mới rửa mặt thoa kem. Trán khá cao, cũng bóng lườn như xúc vaseline. Hai mắt híp lại như hai con đũa đối đứng chầu một cái mũi lân thật bự. Đặc biệt là cả khuôn mặt đều không hiện lên vết nhăn nào cả, cũng chẳng thấy dấu

chân chim cuối đuôi mắt. Cho nên, nói ông gần 60 tuổi thì cũng khó tin lắm. Ông có khuôn mặt của một thanh niên công tử con nhà được chiều chuộng ưu đãi, thích ăn ngon mặc đẹp và ít vận động. Và đặc biệt nhất vẫn là nụ cười của ông. Ô, nụ cười lạ lắm. Đúng là nụ cười không tắt. Hai môi không dày không mỏng. Hai khóm miệng có khuynh hướng đưa lên thành ra lúc nào cũng trông như cười. Có vẻ như là hai môi ông bất động nhưng thực ra thì cũng có mấp máy, giãn ra mím lại chút đỉnh. Người ta luôn thấy hàm răng trắng ngời của ông qua nụ cười không tắt ấy. Nhìn chung thì ông lúc nào cũng cười. Ông hơn mọi người ở chỗ đó. Người ta có ham cười thích cười gì đi nữa thì cũng có lúc muốn nghỉ ngơi, để cho quai hàm, cho các thớ thịt quanh vùng miệng được thư giãn, chứ cười hoài thì cũng mệt lắm chứ. Còn ông đạo thì cứ cười suốt. Cười ngay cả trong lúc đang nói. Chính Trâm còn nói là ông cười luôn trong lúc đang ngủ nữa kia. Hừ, cái đó ai mà biết được có thật hay chẳng, ngoại trừ bà vợ của ông thôi!

Hôm nay ông đứng trên bục giảng một lúc khá lâu, chỉ nhả răng ra cười. Mọi người im lặng nhìn ngắm nụ cười của ông. Một lúc, ông mới bắt đầu khai đề:

“Nếu quý vị nhìn tôi cười mà thấy được niềm an lạc, có nghĩa rằng quý vị đã tiến được một bước trên con đường đạo rồi đó... Cái đạo của hạnh phúc chẳng gì đâu xa cả, nó ở ngay nơi phút giây hiện tại này đây. Có nghĩa rằng khi làm bất cứ điều gì, nói bất cứ điều gì, nghĩ bất cứ điều gì, ta cũng luôn thể hiện cái đạo của ta. Thể hiện như thế nào đấy à? Là hưởng thụ thôi. Hưởng thụ cái hạnh phúc. Bằng cách nào ấy à, đơn giản thôi, cứ việc cười. Đúng, cười, cười, hãy cười lên. Chỉ có nụ cười mới mang lại hạnh phúc cho mình và cho người khác.

Cái chuyện nó đơn giản đến như vậy mà lâu nay chẳng ai thấy được cả. Chẳng thấy được nên cứ buồn khổ mãi. Cuộc đời này có chi đâu mà buồn mà khổ. Hây, có cái đạo đó mở miệng ra cứ nói đời là bể khổ rồi bắt người ta phải giữ gìn giới luật, ăn chay, sống đơn giản, tiết giảm mọi hưởng thụ... Tôi không đồng ý quan điểm đó chút nào. Đối với tôi, cuộc đời không thể là bể khổ mà phải là một thế giới của niềm vui, của hạnh phúc, của nụ cười. Khi tôi có mặt, khi các tiểu sinh, tiểu giả, tiểu đạo của tôi có mặt, thế giới này sẽ chuyển mình, sẽ biến thành thiên đường. Kể từ hôm nay, ngay từ bước chân này, ngay từ giây phút này, đạo Cười sẽ lan tỏa và mang lại niềm thương yêu hạnh phúc cho cả thế gian, chấm dứt những chuỗi dài khổ đau của nhân loại. Thế gian này không phải là trường khổ đau nữa. Thế gian này là trường hạnh phúc, là trường cười. Đạo Cười là trên hết. Nụ cười là trên hết.”

Nói đến đó thì ông đạo đưa cả hai tay lên trời. Cử tọa vỗ tay rào rào, không ngớt. Ông đạo ngúc ngúc cái đầu, rời bục giảng, bước xuống đi qua đi lại, vỗ vai, bắt tay, xoa đầu, nựng má, ôm choàng những người môn đồ thân cận nhất của ông. Những người khác ngồi ở các dãy ghế xa hơn, giành lấn nhau để đến gần ông hơn. Họ xúm xít bao quanh ông, mong được ông sờ hoặc chính tay mình sờ ông một cái để được tiếp xúc với niềm hạnh phúc an vui tuôn chảy từ nội tâm ông. Thủy đứng né một bên nhường chỗ cho mọi người hưởng về ông đạo. Nhìn quanh thấy ai cũng nở nụ cười. Cả một rừng cười. Trâm nói nhỏ với Thủy:

“Mày muốn được ông đạo xoa đầu thì tiến lên đi chứ.”

Thủy lắc đầu. Nhưng liền lúc đó, ông đạo sấn tới

ngay trước mặt hai người. Ông và Trâm ngó nhau một lúc, cùng cười với nhau thật lâu, rồi hai người ôm nhau. Sau đó ông xoay qua Thủy, miệng vừa cười, cầm vừa hất lên, như muốn hỏi Trâm ‘ai đây?’. Trâm nhanh ý trả lời:

“Một người bạn thân. Một tiểu khách mới do em đưa tới đó.”

Ông đạo quay qua phía Thủy, mở rộng vòng tay ý chừng cho phép Thủy sà vào lòng ông. Nhưng Thủy cứ đứng im, cứng ngắc một chỗ. Ông đạo Cười lỏn lẻn, đầu ngúc ngúc rồi đưa tay cho Thủy bắt. Bàn tay ông mềm mại và nhão những mỡ, nhưng nóng hâm hấp.

Thủy kéo Trâm rời hội trường. Trâm dùng dằng muốn nán lại.

“Tao còn phải theo ông đạo qua tư thất của ổng nữa.”

“Chi vậy? Chứ không phải đã xong rồi sao. Về chứ, còn đi shopping nữa mà!”

“Ừ thì về, nhưng tao phải qua đó thăm riêng ông một lúc. Mà muốn đi với tao vào tư thất của ổng cho biết không?”

“Mày có chuyện thì mày đi đi. Đưa chìa khóa xe đây, tao ngồi ngoài xe chờ mày.”

Trâm vừa moi xâu chìa khóa trong xắc tay vừa nhìn Thủy ái ngại:

“Mày có vẻ không hài lòng? Chắc tại mày chưa quen. Rồi mày sẽ thấy, ông ấy tuyệt diệu lắm. Gần gũi ông tự dưng thấy cuộc đời này nó mâu nhiệm làm sao!”

“Đưa chìa khóa đây. Nhớ là tao chờ mày ngoài xe, đừng có đi lâu quá à nghe!”

Thủy ngồi ngoài xe, chờ Trâm khoảng 20 phút. Trâm ra xe mang theo nụ cười và một vẻ hể hả tự mãn.

“Ông đạo có hỏi thăm về mày. Hỏi sao không đưa mày vào tư thất của ông.”

“Bộ ai cũng vào tư thất của ông được hết sao? Là như tao cũng vào được à?”

“Thì tại mày đi với tao mới được cái ưu tiên đó chứ những người khác để gì.”

“Tao không ngờ bạn tao cũng có uy dữ há! Nhưng tao nói thật mày nghe, mày đừng giận, hình như tao không hợp lắm với đạo Cười. Tao vẫn thấy một cái gì gượng gạo làm sao ấy. Ngay từ cảnh trí bên ngoài cho tới những nụ cười trao nhau, những cái bắt tay, những vòng tay ôm nhau... tao thấy giống như đóng kịch làm sao ấy!”

Trâm im lặng, mặt hơi sầm xuống. Thủy ái ngại nhìn qua bạn một lúc rồi nói khi Trâm đang cho xe từ từ rời khoảnh sân rộng để ra cổng:

“Tao xin lỗi mày nếu tao làm mày tự ái. Nhưng mày biết tính tao rồi, nghĩ sao tao nói vậy. Mày cũng nên lưu ý những cảm nhận của tao, của một người khách mới tới quan sát sinh hoạt của đạo mày lần đầu.”

“Không sao, không sao. Mày chưa hiểu nên mày mới có cảm nhận kiểu đó. Sau này sinh hoạt chung quen rồi, mày sẽ hiểu hơn, sẽ thấy được những mâu nhiệm, những tuyệt vời trong từng lời nói, từng nụ cười, từng cách biểu lộ cảm tính của những tiểu sinh và tiểu giả ở đây. Tất cả đều tỏa ra niềm bình an hạnh phúc mà mày sẽ không tìm thấy được ở bên ngoài hay ở những đạo sư khác...”

“Tao chỉ sợ tao không còn cơ hội nào để tìm hiểu nữa.”

“Thật à? Mày không có ý trở lại đây dịp khác nữa sao?”

“Mày nghĩ là tao vẫn còn hứng thú à?”

Cả hai im lặng. Không khí nặng nề bao trùm trên xe suốt một đoạn đường dài, đến nỗi họ bỏ luôn cả chuyện đi shopping như dự tính. Rồi chia tay nhau nặng trĩu.

Quả nhiên, Thủy không bao giờ theo Trâm đến chỗ ông đạo Cười nữa. Thỉnh thoảng hai người bạn cũng gặp mặt nhau, hoặc gọi điện thoại nói chuyện vui vẻ, thăm hỏi, cười giỡn với nhau một lúc, nhưng chẳng ai muốn đưa vấn đề đạo Cười ra nữa.

Cho đến một hôm—khoảng hai năm sau lần họ cùng đến chỗ ông đạo—sau khi tắm định lên giường đọc sách, Thủy bỗng nhận điện thoại của Trâm gọi tới:

“Thủy à, mày có thể chạy qua chỗ tao được không, gấp lắm!”

“Chuyện gì vậy? Nói đi!”

“Híc, híc... Mày qua chỗ tao đi, tao lái xe không nổi. Hu hu...”

“Trâm à, có gì thì nói mau đi, chuyện gì vậy?”

“Ảnh chết rồi, mày qua chỗ tao đi.”

“Ảnh? Ảnh là ai vậy?”

“Híc, thì ông đạo chứ ai.”

“Ô, vậy sao! Thôi được rồi, để tao qua chỗ mày đi. Chờ tao khoảng nửa tiếng nghe, tao còn phải thay đồ nữa đó.”

Thủy cúp máy, thay đồ thật vội. Nhưng chưa xong thì lại nghe điện thoại reo.

“Thủy à, tao nè. Thôi mày khỏi đi. Tao đã điện thoại qua đó, sắp xếp mọi thứ rồi. Mai có phái đoàn đến đây rước tao. Híc, híc... Bây giờ tao tâm sự với mày một

chút được không?”

“Ừ, nói đi. Mà có sao không vậy?”

“Bị sốc hơi nặng một tí. Tao không ngờ chuyện xảy ra nhanh như vậy. Mà biết không, khi nãy vừa cúp điện thoại với mà y xong thì hội đồng quản trị của làng đạo có gọi tao, nói rằng đạo không thể thiếu tiểu đạo được. Cho nên, sáng sớm ngày mai, sẽ có phái đoàn đến tận nhà, rước tao vào vườn đạo. Tao có nói mà y nghe rồi phải không? Các khu đất cũng như những biệt thự chung quanh đều được mua lại để lập vườn Cười. Bây giờ, quanh đó đều là nhà của các tiểu sinh hay tiểu giả. Gần một dặm vuông của khu đó gọi là vườn Cười đó mà y. A, trở lại vấn đề, sáng sớm ngày mai họ rước tao qua đó, vừa là để cử hành nghi thức an táng ông đạo đồng thời làm lễ đăng quang cho tao chính thức kế thừa ông đạo mà dẫn dắt đạo Cười. Ha, mà y không tin hả?”

“Ồ, ờ, tin chớ, tin chớ. Chúc mừng mà y... mà cũng chia buồn với mà y về chuyện ông đạo. Ông thọ bao nhiêu tuổi vậy?”

“61. Còn trẻ quá phải không, tiếc quá!”

“Hơn bọn mình trên 30 tuổi rồi mà trẻ gì nữa. Vậy cũng tạm coi là thọ rồi. Mà sao ông mất, bệnh hả?”

“Thứ bệnh quái ác. Cao máu. Mà thôi, bệnh gì cũng là bệnh thôi. À, mà tao định nói với mà y cái gì nhỉ? Phải rồi, nói về một chuyện khó xử trong đám tang của ông đạo. Mà y biết không, có một điều bí mật trong đời ông đạo mà chỉ có hai người biết thôi...”

“Ừm, hừm... chuyện gì nghe hấp dẫn vậy. Ờ, xin lỗi mà y, tao quen giỡn với mà y nên... mà y tiếp đi. Chỉ hai người biết thôi à, chuyện gì vậy?”

“Số là... số là... ông đạo mà lâu nay xuất hiện giữa quần chúng là ông đạo giả.”

VĨNH HẢO

“Cái gì?! Giả à? Vậy ông thật đâu?”

“Suyt, đừng có la lên như vậy mà. Thì ông đạo thật cũng là ổng đó, nhưng...”

“Nhưng sao? Sao gọi là giả chứ?”

“Là vì... là vì ông đeo mặt nạ.”

Thủy thả người xuống nệm, bưng ly nước lạnh nơi bàn đèn, tợp một ngụm:

“Có nghĩa là... lâu nay ông cười với mọi người bằng cái mặt nạ? Có nghĩa là... ông chẳng có đạt đến một trình độ cao siêu nào cả trong chuyện cười? Ô, té ra chỉ là giả tạo hết thôi? Xin lỗi mà, tao hơi nóng... tại tao thấy mà đi theo ông ấy lâu nay, đặt hết niềm tin nơi ổng, cho nên tao tức giùm cho mà, chứ bản thân tao thì có mất mát gì đâu, tao đâu có thất vọng vì tao có bao giờ đặt kỳ vọng hay ngưỡng vọng gì nơi ông ấy! Ô, tao nói gì vậy, tao xin lỗi mà. Mà nói tiếp đi. Sao ổng đeo mặt nạ vậy?”

“Mày đừng trách ảnh làm gì, dù sao thì ảnh cũng mất rồi; vả lại, chuyện ảnh làm cũng đâu có hại gì ai, vẫn là mang lại hạnh phúc an vui cho kẻ khác đó mà. Nói mày nghe, sở dĩ ảnh mang mặt nạ là vì mặt thật của ảnh không được đẹp lắm. Nói rằng xấu thì cũng không đúng. Nhưng ảnh cũng có cái lý của ảnh. Mày thử tưởng tượng xem, con người ở đời này buồn nhiều vui ít, sống một đời sống đầy những căng thẳng, muộn phiến, phải có những người như ảnh mang lại nụ cười cho người ta thì đời cũng bớt khổ đi nhiều rồi, phải không? Cho nên, dù thế nào đi nữa thì chuyện đeo mặt nạ của ảnh cũng là một nghĩa cử đẹp để dâng tặng cuộc đời.”

“Vậy chứ mặt thật của ổng thế nào mà phải đeo mặt nạ?”

“Tao nói rồi, không phải là xấu, nhưng... đau khổ

lắm. Một khuôn mặt khổ đau một cách tội nghiệp. Một khuôn mặt đầy những dấu ấn của bất bình, bất mãn, bất an, bất hạnh, bất nhẫn, bất tài, bất lực, bất túc, bất toàn, bất đắc chí... Một khuôn mặt của con người đầy khắc khoải ưu tư, tham vọng đầy trời mà chẳng đạt được gì cả nên muốn chết đi cho rồi, nhưng vì muốn cứu giúp kẻ khác nên phải gượng mà sống. Đó mà xem, một con người như thế chẳng phải là đáng yêu lắm sao!”

“Ừm, ừm... nhưng đâu nhất thiết phải làm như vậy... Ý tao muốn nói, cho dù thế nào đi nữa, ổng chỉ cần vui vẻ, dạy người ta vui vẻ... đâu cần phải mang mặt nạ.”

“Đã nói với mày rồi, mang mặt nạ là vì thiên hạ thôi chứ bản thân của ảnh thì đâu cần! Ảnh chỉ vì người ta mà thôi. Nhưng mà, tao kể cho mày không phải để bàn chuyện đó. Điều tao muốn nói với mày ở đây là cái khó xử trong đám tang của ảnh. Mày biết không, bà vợ lớn của ảnh cứ nằng nặc đòi phải lột mặt nạ ảnh ra khi liệm và cho mọi người đến thăm viếng phúng điếu.”

“Thì đúng rồi, liệm thì phải lột mặt nạ ra chứ. Hơn nữa, lúc sống mình vì giao tiếp mà mang mặt nạ, bây giờ chết đi thì phải trở về với mặt thật của mình, vậy là phải rồi. À, bộ ổng còn mấy bà vợ nhỏ nào nữa sao khiến bà lớn không nắm quyền quyết định được?”

“Ờ, ảnh đâu có nhiều bà, đã nói với mày khi nãy rồi, chỉ có hai người biết chuyện ổng đeo mặt nạ thôi. Là bà lớn... với tao đó!”

“Cái gì? Mày nói gì? Có mày nữa à?”

“Thì tao nữa. Tao cũng là... người không chính thức của ảnh trên giấy tờ, nhưng trên thực tế thì mọi sinh hoạt, mọi quyền quyết định đối với vườn đạo thì tao có ảnh hưởng mạnh hơn bà lớn, vì mọi người trong vườn

đạo đều tin tưởng và nghe lời tao.”

“Dữ vậy đó!” Thủy kẹp cái điện thoại cầm tay nơi cổ, dùng hai tay mở toang cánh cửa sổ, chồm người ra ngoài, “mày tiến nhanh không ngờ há. Vậy vấn đề bây giờ của mày là gì?”

“À, tao đã quyết định rồi, về chuyện đeo mặt nạ hay lột mặt nạ đó, nhưng vẫn muốn hỏi thêm ý kiến của mày, một người bàng quan đối với vườn đạo nhưng lại rất thân thiết với tao, để xem tao làm vậy có chính đáng không. Theo mày thì nên lột mặt nạ ảnh như bà vợ lớn muốn hay là cứ giữ mặt nạ đó như ý tao?”

Thủy ậm ừ, đi ra đi vào, vẫn giữ cái điện thoại giữa cổ và vai, vừa nói vừa thay quần áo ngủ:

“Chờ tao chút, chờ tao chút... à, à... chuyện này thật đơn giản đối với tao, nhưng nếu tao nói ra thì không đơn giản với mày đâu. Bởi vì, mày biết tánh tao rồi, tao không bao giờ thích cái gì giả đâu.”

“Cái này không thể gọi là giả. Mày dùng chữ hơi quá đáng!”

“Mặt nạ, ở bất cứ phương diện nào, vẫn là giả chứ còn gì nữa.”

“Vì mọi người mà đeo mặt nạ, vì hạnh phúc an vui, vì đem lại nụ cười cho kẻ khác mà mang một cái mặt nạ mấy chục năm, đó là một hy sinh to lớn, vĩ đại... là một cống hiến thầm lặng với một mục đích cao cả, không thể gọi là giả được.”

“Nhưng dù với mục đích nào đi nữa, mặt nạ vẫn là mặt nạ. Nói xin lỗi, có vẻ như là một vụ lừa gạt. Mày đừng giận, mày hỏi ý tao thì cho tao nói thật. Tao thấy như là hàng vạn người đi theo ông ta đều bị gạt. Họ sống trong cái ảo tưởng về hạnh phúc, an vui, mà kỳ thực thì chỉ là giả tạo tuốt luốt. Cái vườn đạo đó chẳng khác nào

một hí trường được điều khiển kích động bởi một anh hề. Cười rộn rã vui nhộn với nhau chẳng qua chỉ là những cái cười tạm bợ, nhất thời: rời khỏi hí trường thì chẳng còn gì cả. Mỗi người trở về tự sống, tự chiến đấu với cuộc sống riêng đầy bất an, biến động, khổ đau, phiền tạp... của mình. Cái gốc của khổ đau còn đó thì có cười suốt ngày, cười suốt đời cũng chẳng ăn nhằm gì cả. Còn cái gốc của đạo Cười đấy à, chỉ là một cái mặt nạ thôi, thì làm gì mang lại hạnh phúc an vui thực sự! Cho nên, theo ý tao, mày nên nghe lời bà lớn, lột bỏ phứt cái mặt nạ ấy đi. Trâm, mày nghe tao không vậy, giận hả?”

“À, nghe chứ. Tao không giận đâu mày ạ. Dù gì thì bây giờ tao cũng là tiểu đạo, đứng ra thay thế ảnh rồi, tao phải bản lĩnh một chút chứ. Trở lại vấn đề, tao cho mày biết, cái chuyện bà lớn muốn lột mặt nạ ảnh hoàn toàn không có cái mục đích giống mày đâu.”

“Là sao? Tại sao khác?”

“Bả muốn lột mặt nạ ảnh chỉ vì muốn lấy lại cái hình ảnh thật của ảnh mấy mươi năm trước khi lập đạo thôi. Cái hình ảnh ban đầu đó đối với bà, mới là hình ảnh của người chồng thật sự, còn con người đeo mặt nạ, chỉ là con người của đạo. Cái ý muốn của bả chỉ đơn giản như vậy. Còn cái ý của mày đó à, nó thâm hơn. Mày muốn lột mặt nạ ảnh là vì muốn phơi trần sự thực, muốn đánh thức hàng vạn cái đầu u mê đã từng đặt hết niềm tin vào ảnh cũng như cái lý thuyết cười của ảnh, phải vậy không?”

“Mày giận tao hả?”

“Không, Thủy à, mình chơi với nhau lâu, hiểu tánh nhau mà. Thực ra khi hỏi ý mày, tao đã đoán biết phần nào những gì mày sẽ nói với tao đó Thủy à. Nhưng tao vẫn muốn nghe. Vì ngoài mày ra, chẳng ai sẽ nói thực

với tao những lời đó.”

“Vây mày biết rõ là hàng vạn người khác, cũng như chính mày, đang vật vờ sống trong ảo tưởng của hạnh phúc?”

“Biết rõ chứ, biết là mọi người đang u mê tưởng rằng họ có hạnh phúc. Còn riêng tao, dĩ nhiên là tao tỉnh chứ! Tao đã tỉnh từ khi ảnh chọn tao. Một tiểu đạo thì không thể u mê được mày ạ.”

“Ờ, giống như tên hề trên sân khấu đó phải không?”

“Ừ, có thể nói như vậy. Hì hì, nói chuyện với mày nhiều lúc tức ói máu, nhưng sao tao vẫn thích. Nói mày nghe, khi tao được ảnh để ý và chọn, tao đã bước ra khỏi cái vòng u mê ấy. Mày đừng vội trách ảnh, đừng vội trách tao. Thử nghĩ lại xem, ở cuộc sống này, con người chỉ quần quật từ nhỏ đến lớn, hết đi học rồi đến đi làm, suốt đời chạy đuổi theo những món nợ của tiền, của tình, của ân nghĩa... Niềm vui, nụ cười có được, chẳng bao nhiêu cả. Cho nên, vẽ ra một khung trời ảo tưởng cho họ dật dờ đắm mình trong đó, hít thở hưởng thụ những giây phút hạnh phúc hữu hạn, chẳng phải là điều hữu lý sao! Bây giờ họ đã nghiện cái khung trời đó, đặt hết niềm tin và kỳ vọng vào khung trời đó, làm sao tiểu đạo như ảnh và tao có thể nhẫn tâm phá vỡ đi được!”

“Có nghĩa rằng ông đạo và mày đều có chủ ý trong việc chặn dắt một đám người u mê, ảo tưởng? Biết rằng chỉ là giả tạo, vẫn cứ làm?”

“Chứ còn cách nào khác nữa đâu? Đã lỡ rồi, không đi lùi được nữa.”

“Vây rồi mày cũng sẽ đeo một cái mặt nạ khác?”

“Không, tao thì khỏi cần, vì mọi người đều đã biết mặt tao rồi. Bây giờ họ theo tao vì tin tưởng ảnh. Bà lớn

thừa hưởng tất cả tài sản của ảnh nhưng tao thì thừa hưởng tất cả niềm tin của tiểu đồ và thế giới ảo tưởng mà anh ấy để lại. Vả lại, tao có nụ cười cũng khá độc đáo, mày chẳng thấy sao, cho nên không cần mặt nạ. Còn ảnh, bỏ cái mặt nạ ra thì chẳng nói lên được cái gì hay ho cả: ảnh sẽ hoàn toàn biến thành một biểu tượng của khổ đau. Vả lại, khi mọi người đã quen với cái mặt nạ rồi, lột bỏ nó đi, làm sao người ta còn có thể nhận diện được ảnh là ai nữa? Người ta còn tin theo đạo Cười là nhờ cái mặt nạ đó mà thôi, mày hiểu không? Đó là lý do mà tao muốn ảnh đeo luôn cái mặt nạ đi vào lòng đất.”

“Tại sao! Đã biết là giả, đã lỡ trớn lừa gạt người ta một thời gian, một đoạn đường, thì bây giờ là cơ hội để mày đánh thức họ chứ. Chỉ có mày mới làm được chuyện đó thôi, tại sao không làm! Phải lột mặt nạ ổng đi, mày ạ!”

“Hừ, mày lại suy nghĩ theo cảm tính, hời hợt quá mày ạ! Mày không tưởng tượng được rằng một khi vỡ lẽ thân tượng của mình đã đeo mặt nạ cười suốt mấy chục năm, hàng vạn người sẽ điên loạn lên, mất hướng đi, mất luôn lẽ sống, hàng ngàn người sẽ tự tử... và cả khung trời êm đềm hạnh phúc với bao nụ cười tươi mát sẽ sụp đổ tan tành hết hay sao! Mày không thấy được cái tai họa lớn lao đó à?”

“Thà là vậy còn hơn kéo dài mãi một kiếp sống giả tạo, giả tạo, toàn là lừa gạt, điên đảo!”

“Thôi, thôi, đủ rồi, tao nghe ý kiến mày như vậy đủ rồi. Mày đừng nói nữa.”

“Nghĩa là sao? Nghĩa là mày sẽ giữ cái mặt nạ cho ổng, rồi chính mày vẫn tiếp tục đi con đường đó, tiếp tục bảo vệ cái đạo Cười nhớ những tầm phào ấy?”

“Ha ha, Thủy à, mày là con người chân thật ngây thơ lắm, tao biết. Nhưng cái chân thật ngây thơ của mày chẳng mang lại được lợi ích gì cho cuộc đời này cả. Dù sao tao cũng cảm ơn những lời xỉ vả, chỉ trích của mày... ha ha. Ủa, Thủy, mày còn đó không vậy? Có nghe tao nói không vậy mày?”

“Hừ, nghe chứ. Thôi, mày muốn làm gì thì làm, tao hết lời rồi. Nhưng... tao vẫn còn muốn hỏi mày một câu, được không?”

“Được chứ, tao vẫn là bạn thân của mày mà, phải không Thủy?”

“Ừ. Tao hỏi mày, tại sao bà lớn không là tiểu đạo thay thế ổng mà lại là mày?”

“Bà lớn và ảnh không bao giờ hợp nhau. Họ gây gổ cãi lộn với nhau suốt ngày. Theo lời ảnh kể là như vậy. Đó cũng là lý do khiến ảnh tìm kiếm và rồi khai sinh ra cái đạo Cười. Cuộc đời ảnh, thất bại mọi thứ, từ tình yêu đến công danh sự nghiệp. Cho đến lúc lập ra đạo Cười, ảnh mới thực sự là một nhân vật. Cuộc đời ảnh đi lên từ đó, nhờ sáng kiến về cái mặt nạ. Ảnh hạnh phúc khi nắp đằng sau cái mặt nạ đó đến nỗi càng lúc chiếc mặt nạ đối với anh không còn là mặt nạ nữa mà là mặt thật. Rồi nó đi thì chẳng còn ý nghĩa nào cho cuộc đời ảnh. Ủa, mà mày hỏi tao cái gì vậy? À, tại sao không phải là bà lớn mà lại là tao đứng ra thừa kế tiểu đạo? Là vì bà lớn chẳng bao giờ cười được, mà bà ấy cũng như ảnh, lớn tuổi rồi, đâu có đủ thời gian để luyện tập cười. Còn tao, tao vượt hơn cả ảnh nữa, vì đời tao chẳng gặp chuyện gì đáng phàn nàn, tao lại được huấn luyện cười đúng phương pháp... cho nên, tao thành tiểu đạo là phải rồi. Rốt cuộc tao rút được bài học này Thủy à: ở cuộc đời này, chỉ có hai vấn đề then chốt thôi, đó là hạnh phúc và

khổ đau; nhưng hạnh phúc thì mong manh, hiếm hoi lắm, còn khổ đau thì bất tận. Cho nên, muốn nổi danh thật nhanh, muốn thu nạp được nhiều môn đồ ngưỡng mộ một cách dễ dàng, chẳng có con đường nào hiệu quả hơn là tạo ra cái thiên đường hạnh phúc tạm thời nhưng tức khắc, ngay trong đời sống hiện tại. Một bài học khác nữa, tao nghĩ là mày nên nhớ lấy để áp dụng cho mày sau này. Đời mày cứ rề rề mãi chẳng thấy tiến bộ gì là vì mày sống thực quá. Mày chẳng làm sao hiểu nổi được là chính cái giả mới là cái thực nhất đó! Cái giả khi được tập luyện, sẽ trở thành cái thực. Mà trên thực tế, với kỹ thuật tinh xảo, với sự tập luyện đúng mức và có phương pháp, có khi cái giả còn tuyệt hơn cái thực nữa kia.”

“Cám ơn, cám ơn. Xin cho tao được bình yên, Trâm ạ. Nói thật với mày, khi nghe chuyện cái mặt nạ, tao thấy tởm lợm ở trong họng. Tao chỉ mong mày đứng ra làm cái việc giải ảo, đánh thức tất cả những tiểu đồ cuồng tín u mê kia. Nhưng mày không muốn làm điều đó, mày chỉ muốn nối gót ông để tiếp tục một vụ lường gạt to lớn, táo tợn... Ôi, Trâm à, mày làm tao thất vọng quá. Tao thấy tội nghiệp mày hết sức. Mày bị mê rồi mày có biết không? Thế rồi mày sẽ đóng tuồng đóng kịch suốt đời? Mà trên thực tế mày có hạnh phúc thực sự bởi nụ cười của mày không?”

“Hạnh phúc à? Có chứ, nhưng không phải ở nụ cười đâu, mà ở cái hào quang danh vọng mà những tiểu đồ khác ngưỡng vọng đặt lên trên người tao. Mày chẳng thấy rằng kẻ có chí lớn thì chỉ hạnh phúc với danh vọng tột đỉnh chứ đâu có bằng lòng với những niềm vui nhỏ nhoi có được từ những nụ cười, phải không? Ha ha.”

“Trâm à, mày không còn giống mày chút nào nữa. Tao không dám cản trở mày nữa đâu. Tao chỉ hi vọng

một ngày nào đó, mày thức tỉnh, công khai giải thể cái đạo Cười lừa gạt của ông và mày. Nếu không giải thể sớm thì đến cuối đời cũng được, sau khi mày hưởng thụ trọn vẹn cái bã danh vọng suốt những năm dài... tao yêu cầu mày hãy cất lên tiếng nói của sự thực.”

“Ồ, hi vọng của mày đó hả, ha ha, chỉ là ảo vọng thôi. Sau tao, còn có một nhân vật khác toàn hảo hơn,” Trâm đưa tay xoa cái bụng căng tròn, “đó là sự kết hợp hoàn mỹ nhất mà ảnh để lại cho cuộc đời. Ôi, nó sẽ vượt hơn cả cha mẹ nó trên mọi phương diện, vì nó đi vào đời không cần mặt nạ, cũng không cần tập luyện gì cả. Thiên đường đã vẽ ra rồi, niềm tin của mọi người đã lậm sâu rồi, nó mặc nhiên thừa hưởng tất cả, không cần chút cố gắng nào. Tất cả cái giả đều trở thành cái thực một cách tự nhiên. Tất cả cái thực đều không còn đất đứng. Tương lai của thế giới, hạnh phúc an vui của thế giới, ở trong bụng tao nè Thủy ạ. Ha ha ha ha... Thủy, mày còn đó không vậy?”

Thủy cúp điện thoại, rúc mình sâu vào trong chăn. Bóng tối đè xuống nàng, thật nặng.

Thuở hồng hoang

Hai ngàn hay hai chục ngàn năm sau cũng tờ tờ như nhau thôi. Muốn nói hai ngàn cũng được mà muốn nói hai chục ngàn cũng thế. Bởi vì thời gian lúc ấy rút lại chứ không phải như bây giờ. Cách tính thời gian theo kim đồng hồ không còn dùng được nữa mà được ghi bằng những ký hiệu, biến đổi thật nhanh từ bộ não, phát sóng ra ngoài qua tia mắt, muốn thấy thì lập tức thấy, muốn không thì nó không.

Thế giới lúc ấy bị phá hủy tan hoang, xơ xác, chẳng phải vì thiên tai hay đại họa gì của thần linh giáng xuống. Chỉ đơn giản là do con người với những ảo vọng quá tải của nó. Những ảo vọng ấy khi chưa thực hiện được, sẽ làm cho người mang nó nhấp nhúm như bị động kinh; mà nếu thực hiện được thì góp phần tăng thêm sự hỗn loạn cho trái đất (những cụm từ *thế giới, quốc tế, quốc gia...* lúc ấy không còn nữa). Mỗi thứ ảo vọng, cứ lần lượt tìm cho nó một cách thế để hiện hữu thành hình hài cụ thể. Cứ vậy, trái đất càng lúc càng chật chội hơn. Đi ra đi vào chỉ đụng toàn là những ảo vọng. Cái hư tương tranh tương tồn với cái thực, thét rồi chẳng còn phân biệt đâu là cái thực nữa. Có cái tưởng là giả, té ra là thực; ngược lại, có cái tưởng là thực, hóa ra là giả. Cõi gì mà kỳ cục, ngọt ngọt, khó chịu quá! Chẳng còn chút thanh thoi thoải mái nào. Hóa điên được lúc ấy thì cũng đỡ; đàng này, không điên được mới chết ngắt! Mà khi

một cái đầu không điên hẳn, nó lại tiếp tục sinh ra nhiều ảo vọng khác. Cứ đối diện, gặp gỡ một thứ ảo vọng nào đó của ai, là đầu óc lại nặn đẽ ra ngay một ảo vọng khác để phòng ngừa, hoặc đối kháng lại. Một vài gã được điên thật—hoặc chỉ mới ở chỗ mấp mé của trạng thái điên liên cố ý điên luôn—mang cái máy liên lạc nhỏ xíu như cây bút máy—cũng vừa là cây súng bắn tia hồng quang (laser) cực mạnh—cứ gặp thứ gì là bắn đại, bắn bừa thứ ấy, để cho tâm trí được thoải mái, khỏi cần phải suy nghĩ, khỏi cần phải sáng tạo thêm ảo vọng. Cái chiêu đó có vẻ hữu hiệu trong nhiều trường hợp, vì tia hồng quang (hay kích quang) ở thời ấy mà nhắm tới đâu thì bộc phá tan tành đến đó. Thế là, cõi đất hỗn loạn. Bốn phương tám phía khói lửa mịt mù. Những tiếng nổ long trời lở đất liên tục phát ra, lúc chỗ này lúc chỗ kia, lúc ở mọi nơi như cùng hện, bùng lên một tiếng rung rinh cả hành tinh nóng bức.

Đừng tưởng lúc ấy sẽ có những ông già bà lão chạy ra chạy vô nhón nháo đầu nhé. Thuở ấy không làm gì có cái chữ “già” hay chữ “bệnh” đâu. Chỉ có “sanh” và “chết” thôi. Trước đó 100 năm thì tuổi thọ trung bình của con người đã là 180 và cao nhất là 220—nhờ đã trải qua nhiều thế hệ biết chọn và cấy những căn bào tốt (nên nhớ là tính theo thời gian của chúng ta thời nay thì nhân 100 lên, tức là khoảng 18 đến 22 ngàn năm). Thể chất con người thời kỳ ấy hoàn toàn không có tật bệnh. Con người không bao giờ ho, sổ mũi, chảy nước mắt, ứa nước dãi, ngáp, hắt hơi (thứ sau là thứ mà các thế hệ tiền bối của họ—nhất là phái nam—rất khoái!). Cũng chẳng có đi đại tiện tiểu tiện gì cả (hai thứ này cũng thuộc loại khoái của tiền nhân, nhưng đối với họ thì mất thời giờ lắm nên giản lược đi). Máu, mủ, đàm, dãi... mọi thứ chất

lỏng trong cơ thể, cũng đều được tiết giảm. Nên nhớ là trước đó 150 năm, người ta đã biết cách làm cho cơ thể tự sinh trưởng mà không cần ỉm thực; và họ cũng đã cắt giảm bớt những bộ phận xét thấy thừa thãi nơi cơ thể, cho nên, hậu môn và bộ phận sinh dục, hệ thống bài tiết không còn nữa. Thế họ ân ái thế nào để có con đấy à? Ôi dào, chuyện đó thực đơn giản. Họ chỉ nhìn qua nhìn lại với nhau với tình ý dâm dục hừng hực thì tự dưng thụ thai thôi (nhưng sự hừng hực này cũng hiếm hoi lắm). Còn họ sinh đẻ thế nào ư? Ờ, thì muốn chỗ nào lại chẳng được! Em bé—có khi từ trong bụng mẹ được lôi ra, có khi lại từ nơi cái hông của cha mà ra đời, có khi lại từ một cái ống nghiệm hay một cái hũ chứa phôi bào trong nhà mà hầu như ai cũng có—vừa chạm chân tới đất đã chạy ra đường ngó người khác bay lượn trên trời. Thời ấy họ bay, chính thân xác họ bay như những thiên thần chứ chẳng cần máy bay hay xe bay đâu. Thân thể họ nhẹ (người nặng nhất chừng mười mấy kí-lô, nhẹ nhất từ tám kí-lô), lại thêm tư tưởng và ý chí của họ rất mạnh, thế là họ bay.

Con người lúc ấy sạch sẽ lắm nên chẳng cần tắm. Thay vì tắm, trong mỗi nhà đều có cái máy thay tế bào giống như một cái hòm kính để đứng. Bước vào đóng cửa lại, bấm nút một cái, huyết huyết huyết, tế bào chết bị hút vào máy, xịt xịt xịt, tế bào mới đưa vào người theo lỗ chân lông. Vậy là xong. Giống như là đi tắm hơi mới ra. Sạch sẽ, tươi mát.

Cũng cần phải nói thêm rằng loài người lúc ấy ai cũng là khoa học gia cả. Họ thông minh kinh khủng. Nhưng đó là cái thông minh của sự phong phú dữ kiện nhờ chương trình ghi nhớ tập thể chứ không phải do suy tư. Có nghĩa rằng, hầu hết những gì người này biết thì tất

cả những người khác đều biết. Kiến thức thì giống nhau, chỉ còn phần cảm giác (rất mơ hồ, thoát có thoát không) của mỗi người thì mới có sự sai biệt và riêng tư. Về tính chất, cách suy nghĩ của họ không giống như là cách suy nghĩ của chúng ta hôm nay. Trong mỗi ý niệm của họ đều có sự cấu thành và tác động từ những ý niệm đồng thời khác của những người chung quanh. Không có cái suy nghĩ độc lập. Ngay cả cái gọi là ‘sáng tạo’ cũng không hẳn là sáng tạo độc lập nữa—nó luôn luôn được hình thành bởi sự phản ứng đối với những ý niệm và tư tưởng sáng tạo khác. Từ ý niệm đi đến hành động của họ, chỉ trải qua một khoảnh khắc rất nhanh. Những gì con người tác tạo lúc ấy đều là những hành động đột biến phát sinh từ những suy nghĩ cũng có tính cách đột biến. Bao nhiêu kiến thức để lại của mấy ngàn năm trước, họ có khả năng thừa hưởng đầy đủ nhưng họ thấy không cần thiết nên cứ mỗi hai năm họ lại cập nhật kiến thức mới, hủy bỏ bớt những kiến thức cũ. Sự cập nhật hóa các kiến thức (bao gồm cả luật lệ xã hội đương thời) được thực hiện đồng loạt chỉ qua một vài phút, bởi ủy ban đời sống, vào giờ nghỉ ngơi nhất định của mọi người (xin lưu ý, chẳng có ngủ đâu, chỉ nghỉ ngơi để sạt thêm năng lượng cho cơ thể thôi).

Chính vì mỗi người lúc ấy là mỗi khoa học gia chẳng cần trường lớp nên tụ năm tụ ba chia thành nhiều trường phái, cãi lộn rồi bắn giết nhau loạn xạ. Cãi lộn những chuyện đầu đầu. Choảng nhau. Chết. Chết nhiều lắm. Nhưng cũng do tính cách đồng bộ, tương quan chặt chẽ giữa từng cá nhân với nhau ngay trong tư tưởng, nên họ không sợ chết. Ý niệm về bản ngã đối với họ rất mơ hồ. Họ sinh ra và chết đi một cách đơn giản. Nhiều lý do để bị người khác tiêu hủy mình, mà chính mình muốn

chết thì cũng chết rất dễ. Mà chuyện quan hệ tình dục, sinh sản hay truyền giống vốn không phải là điều đem lại nhiều hứng thú cho họ, trong khi khuynh hướng cách mạng, tìm mới, sáng tạo (cái mình thích) và hủy diệt (cái mình không thích) thì rất mạnh; thế nên dân cư trên hành tinh càng lúc càng trở nên thưa thớt.

Không có biên giới quốc gia. Không có ngôn ngữ và chữ viết địa phương. Người ta chỉ nói hoặc liên lạc với nhau bằng ký hiệu điện tử, hoặc đoán biết nhau bằng tia mắt. Con người lúc ấy sinh ra, lớn lên như thổi, bảy tuổi đã biết yêu, tám tuổi rưỡi đã biết ân ái, chín tuổi miệt mài với tình gia đình, mười tuổi đã sớm mỗi một chuyện chăn gối (à quên, lúc đó họ không còn giường nệm chăn gối chi đâu, chỉ có cặp kiếng điện tử mang vào, che bớt tầm nhìn đôi mắt để dễ tập trung, vậy thôi), thích bay lờng vòng trên không để chiến đấu và thi thố óc sáng tạo cho đến khi nào bị một đối thủ nào đó bắn hạ. Cho nên, xét về sức khỏe, họ có khả năng sống đến 220 tuổi (thì ao ước được chết vì không còn đủ sức chịu đựng thế giới chán ngắt), nhưng cơ hội cho họ sống lâu giữa một thế giới hỗn loạn thì hầu như chẳng có. Đến giai đoạn cực loạn thì chẳng mấy ai sống qua 18 tuổi (mười tám tuổi, chẳng phải nói lộn đâu, số một và số tám đẩy bạn ạ). Từ mười tuổi đã lên đường đánh giặc lung tung suốt ngày suốt đêm trên trời rồi thì sống làm sao quá tám năm được!

Đấy, như thế đấy. Con người thay quyền tạo hóa, vẽ kiểu, trình bày cõi sống theo sở thích và nhu cầu của nó. Bộ óc và kỹ thuật cực kỳ *thần thông* của họ—những chữ *tối tân, hiện đại, hậu hiện đại, hậu hậu hiện đại, tân thời, tinh vi, tinh xảo*... không còn khả năng diễn tả nổi—nhanh chóng biến hành tinh này thành một cõi sống

khác, có vẻ như không còn lưu lại kỷ niệm sâu đậm nào của tổ tiên, cha ông họ. Cái gì cũng có vẻ mơ hồ, không thực. Ngay cả những bộ phận trên cơ thể của họ cũng mang cái dáng vẻ của người máy nhân tạo, một cấu trúc phối trần lộ liễu tính cách lắp ráp, nối kết. Con người lúc ấy là một hình thể được rút gọn, giản lược đến mức tối đa. May ra thì họ vẫn còn giữ lại cái hình dáng con người với cái đầu nằm ở trên, nối với mình và tứ chi qua cái cổ. Chẳng giữ được cái sườn cốt lõi đó thì đó ai mà còn gọi họ được là con người.

Ở thời kỳ ấy, họ cũng không cần đến tôn giáo hay bất cứ thứ triết thuyết, học thuyết đạo đức nào cả. Họ không cần bởi chính mỗi cá nhân họ đều có thể tự điều hướng tất cả những hành xử của mình theo cái khung qui tắc đã được chương trình hóa. (Một cái *chip* điện tử tóm tắt tất cả những luật tắc và đạo đức nền tảng của đời sống được gắn vào đầu của mỗi người khi họ mới sinh ra và được công nhận như là một phần tử của hành tinh). Nhờ cái *chip* điện tử đó, mỗi người tự biết điều gì nên làm và không nên làm đối với tự thân cũng như đối với tha nhân. Hệ dự tính làm điều gì sai trái, ngược với ước lệ và tập quán chung của hành tinh thì tự dừng nơi bộ não của họ phát ra tín hiệu cho biết điều đó không nên làm. Nếu cố ý làm thì hệ thống báo động trong não bộ của họ rung động rất mạnh, rất căng thẳng, sẽ phát sóng ra ngoài khiến người khác có thể biết được mà né tránh hoặc xúm lại kềm chế hay hủy diệt mình. Nếu không ai biết được lúc ấy thì sự trừng phạt chỉ là một chút căng thẳng trong não, rồi thôi. Đó là lý do mà tội ác và bao điều phi lý cứ diễn ra trong từng khoảnh khắc.

Đã có những người tập hợp lại với nhau, mưu tìm phương thức khống chế tội ác nhưng vô phương. Một khi

cái giả và cái thực đã hòa trộn với nhau nhập nhằng bất phân như thế, thì vấn đề kiểm soát thiện-ác, tốt-xấu cũng khó mà thực hiện được.

Như thế đó, chính trong cái bối cảnh chẳng còn chút không khí nhẹ nhàng thoải mái cho người ta hít ngửi, có một cặp trai gái do một chuyến công tác mà còn sót lại với nhiều ấn tượng thô kệch của đời sống con người quá khứ. Chẳng phải họ cố tình tách ra khỏi cái thế giới hỗn loạn kia đâu. Họ chỉ thi hành sứ mệnh của họ thôi, nhưng rồi họ tồn tại, và thay đổi theo chiều thoái hóa.

Số là khoảng 200 năm trước đó, một nhóm người tìm cách tách riêng, tập trung tại một vùng rừng núi còn tương đối khá rậm rịt. Tại đây, họ xây một thành phố nằm sâu trong lòng núi, sinh sống biệt lập với thế giới bên ngoài. Họ chỉ ra ngoài khi cần thiết. Thường thì chỉ những người được tin tưởng giao phó trách nhiệm mới được ra ngoài, còn mọi người hầu như đều cấm túc trong lòng núi. Cuộc sống trong lòng núi tương đối thanh thản, ít biến động.

Ngoài mục đích cách ly với xã hội bất ổn hiện tại, họ còn có ý hướng tìm cách khôi phục lại một số giá trị truyền thống của tổ tiên mà họ hi vọng là sẽ mang lại một vài ý nghĩa nào đó cho cuộc sống hiện tại. Để thực hiện điều này, họ lén lút tái tạo chiếc máy thời gian (máy này đã bị cấm chế tạo và sử dụng từ 400 năm trước đó vì một số người được đưa đi nghiên cứu quá khứ đã trốn luôn không quay trở lại), đẩy một cặp nam nữ—nam tên A, nữ tên E—là hai người trẻ nhất trong nhóm đi lùi vào quá khứ, ghi nhận các dữ kiện quan trọng và yếu tố đặc thù của nền văn hóa tổ tiên.

Chuyến đầu tiên, cặp nam nữ này rời khỏi nhóm

của họ khoảng bảy tháng, nhưng đối với đời sống quá khứ, họ đã đi vòng quanh thế giới gần 60 năm, thu thập khá nhiều dữ kiện quan trọng của đời sống loài người cách xa họ cả ngàn năm (tính theo thời gian bình thường của chúng ta). Trở về lại hang núi, họ lần lượt trình bày những điều mắt thấy tai nghe cho hội đồng lãnh đạo và một ủy ban đặc trách nghiên cứu về nguồn gốc tổ tiên. Họ trình bày và trao đổi với nhau bằng các ký hiệu, diễn dịch ra ngôn ngữ chúng ta như sau.

“Thưa các bô lão, chúng tôi xin đúc kết vài điểm then chốt nhất trong vô số điều lạ lùng trong đời quá khứ của tiền nhân chúng ta... Phải nói rằng, tiền nhân chúng ta rất ư tội nghiệp. Họ sống khổ cực lắm. Tóm tắt có năm điểm nổi bật khiến đời sống họ khổ sở và tốn kém rất nhiều thời giờ là *ngủ nghỉ, ăn uống, làm tiền, ham danh* và *yêu đương*. Thứ nhất, trong khi chúng ta không hề ngủ, thì tiền nhân họ phải ngủ trung bình là 8 giờ đồng hồ; không ngủ thì không được. Họ không nghỉ ngơi chút xíu đâu mà là ngủ, ngủ suốt cho tới khi mặt trời sắp mọc. Khi ngủ, đầu óc của họ hoàn toàn buông xả, không làm việc, hoàn toàn mất ý thức, chẳng biết gì xảy ra chung quanh, trông như là người chết ấy. Người nào bị chứng mất ngủ thì coi như là bệnh hoạn, phải đi bác sĩ, xin thuốc uống. Ngủ đủ giấc thì thấy tươi tắn, khỏe khoắn. Mà giấc ngủ dường như đem lại cho họ niềm hạnh phúc lắm vậy, cho nên họ ham ngủ và chịu mất thời giờ vì nó. Thứ hai, để phát triển và nuôi dưỡng cơ thể, mỗi ngày họ phải ăn uống các loại thực phẩm từ thực vật cho đến động vật—ôi chao, giết động vật khác để ăn đấy quý vị ạ! Từ lâu đời, họ đã tạo ra thói quen ăn uống rồi càng lúc càng chế biến ra đủ loại thức ăn cầu kỳ, kiểu cọ, rườm rà... một cách phi lý. Cuối cùng, thức

ăn không phải chỉ để nuôi dưỡng cơ thể mà để phục vụ vị giác. Chỉ vì đáp ứng cái vị giác mà họ phải chịu tổn kém công sức, tiền bạc, thời giờ. Ôi, thật là buồn cười. Hặc hặc... chưa hết đâu nhé, có một thời, ở một vùng đó, con người bị mập phì ra vì ăn nhiều chất bổ dưỡng, đến nỗi không đi đứng gì được nữa, phải nằm ì một chỗ. Một số người khác thấy vậy sợ quá phải lo nhịn ăn uống trở thành ốm tong ốm teo, cũng nằm ì một chỗ chờ chết. Chung qui cũng chỉ vì chuyện ăn uống ấy thôi quý vị ạ. Thứ ba, muốn có một nơi để ở yên mà ngủ nghỉ ngon giấc cũng như những bữa ăn ngon lành sảng miệng thì người ta phải làm việc để kiếm tiền. Làm việc có nhiều cách, không làm sao kể hết. Tự trung thì lấy kiến thức, kinh nghiệm, sáng kiến, thời giờ, tài năng, vật sản... của mình ra để đánh đổi lấy những đồng tiền. Những đồng tiền ấy ban đầu là biểu vật để trao đổi hàng hóa, dần dần nó trở nên quan trọng và chi phối toàn bộ đời sống vật chất của con người. Nhiều người đánh giết nhau hoặc yêu, hoặc ghét nhau, cũng chỉ vì đồng tiền và những sản vật. Mà kỳ thực, đồng tiền chỉ là những tờ giấy màu xanh, màu đỏ thôi, thừa quý vị. Đó là 3 yếu tố về mặt vật chất. Đến cái thứ tư, thuộc về tinh thần, là cái cũng làm khổ tiền nhân chúng ta khủng khiếp lắm, nhất là vào thời kỳ gọi là hậu-hậu-hựu-hậu-hậu-hiện-đại (tức là thời kỳ tiền-cách-mạng-thân-xác); đó là cái *danh*, hì hì, chắc quý vị không tưởng tượng ra nỗi phải không? Xin thưa, *danh* là cái tên, cái hiệu đặt cho mỗi người đấy ạ. Chúng ta cũng có những ký hiệu để phân biệt từng cá nhân với nhau, nhưng đối với thời đại của tiền nhân thì ký hiệu của chúng ta không thể gọi là ‘danh’ được; bởi vì ‘danh’ của tiền nhân là một cái gì có vẻ thiêng liêng, quan trọng, giống như là bảo vật, bất khả xâm phạm, bất

khả xúc phạm...”

“Hãy, khó hiểu quá! Chỉ là một cái hiệu, một tiếng gọi thôi, có gì mà thiêng liêng với bất khả xâm phạm chứ!” một ông trong hội đồng khó chịu, lên tiếng.

“VẬY MỚI NÓI!” anh A hóm hĩnh tiếp. “Cái danh đó được đặt bởi cha mẹ của mỗi người từ khi mới sanh ra. Cái danh lớn dần theo tuổi tác của mỗi người và gắn chặt vào con người đó đến nỗi xúc phạm đến cái danh chính là xúc phạm đến họ. Ôi, các ngài không biết đâu, vào thời đó, nếu người ta vô cớ bị người khác đâm một cái đầu đinh thì trong vòng cao lắm là một giờ đồng hồ, họ sẽ bỏ qua ngay; nhưng lỡ mà lấy cái danh của họ ra mà... đâm, mà đá, mà lăng nhục, chửi bới, nguyên rửa... thì họ sẽ ăn ngủ không yên suốt đời đấy ạ!”

“Lạ lùng thật! Làm sao có chuyện đó được nhỉ? Làm sao mà giữa cái danh và cái thực lại gắn liền với nhau như thế!” ông trưởng ủy ban nghiên cứu lên tiếng. “Thế sao họ chẳng chịu cắt bỏ cái danh đi, coi như không có nó, thì có phải là thanh thoi không! Khỏi phải lo sợ bị xúc phạm!”

“Không phải chỉ là chuyện xúc phạm đâu, thưa ngài. Ngược lại, tâng bốc và ngợi khen cái danh thì cũng chính là đề cao con người ấy khiến người ta cũng sẽ được sung sướng, quên ăn bỏ ngủ, và niềm hạnh phúc này cũng có thể ảnh hưởng cả đời đấy thưa quý ngài. Chưa hết đâu, ôi dào, ban đầu cái danh chỉ dùng để phân biệt, càng về sau, nó càng rườm rà hơn và chi phối thật nặng vào đời sống con người; đến nỗi nó còn kéo theo những cái gọi là chức vụ, vị thế, phẩm hàm, giai cấp, chủng loại... nữa kia. Có một thời, tiền nhân chúng ta không còn thiết tha chuyện ngủ nghỉ, ăn uống, tiền bạc, vật chất... gì nữa, mà chỉ thích thú say sưa với sự nêu

danh tính và chức vụ của mình giữa đám đông. Người nào có tên và chức vụ càng dài thì càng được trọng vọng. Đến nỗi trong những lúc nhóm họp, người ta phải tốn hơn nửa thời gian để nêu cho hết những danh tính và địa vị. Mà cái việc nêu danh này càng lúc càng trở nên một nghiệp vụ đòi hỏi sự chuẩn xác cũng như sự tinh tế về tâm lý để làm vui lòng mọi người. Nêu tên ai mà thiếu mất một chức vụ đi kèm của họ thì ắt là có chiến tranh xảy ra đấy thưa quý ngài.”

“Ôi thôi, phiền quá, nghe chán ngắt,” ông hội đồng đứng dậy xoa tay, “thôi đừng nói cái chuyện tào lao đó nữa làm tao tức cả ruột đây nè. Tự dưng đặt ra cái tên để rồi khổ sở với nó suốt đời! Ông bà chúng ta thật là... u mê hết sức vậy đó. Thôi, dẹp cái điều thứ tư đó đi, qua điều thứ năm coi bộ hấp dẫn hơn à.”

“Thưa vâng, điều thứ năm, phải rồi, rất hấp dẫn, đó là tình yêu, hay đúng hơn là yêu đương, rất phổ cập trong suốt mấy ngàn năm của quá khứ, được ghi lại rất nhiều trong sách, báo, phim ảnh... mà vẫn không làm sao cất ghĩa được một cách đầy đủ chính xác.”

“Khoan, xin ngắt lời, sách, báo, phim ảnh... là sao?” ông ủy viên nói.

“À quên nữa, sách báo là những xấp giấy đóng thành tập như vậy, ghi chép những kinh nghiệm, những suy nghĩ cũng như những biến cố xảy ra trong đời sống ở khắp nơi. Tội nghiệp! Họ muốn hiểu biết nhiều thì phải lo đọc nhiều; không đọc thì không biết. Cho nên kiến thức của họ rất là giới hạn. Người trẻ phải đến trường để ghi nhận những hiểu biết của người đi trước. Cái học đó giúp cho họ có được việc làm ở các công sở, hãng xưởng, tiệm... Còn phim đấy à?... thì là những câu chuyện do một nhóm người giả đặt ra, làm bộ giống như

thật, thu hình rồi chiếu lại cho mọi người xem ấy mà. Vậy mà người ta cũng hồi hộp, cũng xúc động, cũng cười, cũng khóc đấy ạ. Ha ha. Thấy cũng lạ. Họ biết đó là giả nhưng họ vẫn đưa cảm giác của họ theo phim. Đó là một cách giải trí của họ. Chiếm khá nhiều thời giờ trước khi đi ngủ...”

“Thôi, thôi, đi lạc đề rồi,” ông hội đồng lại xen vào, “đang nói chuyện tình yêu tự dưng nhảy qua sách báo phim ảnh là sao! Trở lại lập tức, xin hỏi, có phải tình yêu cô cậu muốn nói ở đây là... cái việc thông đồng dục lạc với nhau qua tia mắt giống như chúng ta đấy à?”

“Không đơn giản như vậy đâu... Ừm, có thể nói là về mặt tình yêu, họ có cái gì đó có vẻ phong phú, không, ý tôi muốn nói là họ rườm rà, kiểu cách hơn chúng ta nhiều,” anh A nói mà tự dưng cơ thể và đầu óc anh bị rung lên kỳ lạ.

“Gì vậy, cậu có sao không?” một người khác trong ủy ban đặc trách nghiên cứu văn hóa tiền nhân hỏi.

“Ồ... chẳng hiểu sao nữa, tự dưng nhớ lại cái cách tiền nhân chúng ta yêu nhau, bỗng thấy cơ thể nóng ran lên, choáng váng cả mặt mày vậy đó,” anh A nói.

“Tôi cũng có cảm giác đó nữa,” cô E xen vào, một tay để lên ngực.

“Thôi, thôi, các cô cậu phiền quá đi. Bộ không kiểm soát được xúc cảm sao chứ! Trở lại vấn đề đi, trình bày sơ sơ về tình yêu của tiền nhân, khác chúng ta chỗ nào.”

Anh A ngó cô E, cô E ngó lại anh A. Chưa ai biết nói gì. Phải một lúc lâu anh A mới cố gắng:

“Xin trở lại vấn đề, trong khi 3 điều đầu tiên thuộc về vật chất, điều thứ tư thuộc tinh thần, thì điều thứ năm này lại bao gồm cả tinh thần lẫn vật chất đấy thưa quý

ngài. Có nghĩa là trong tình yêu của tiền nhân, không phải chỉ có sự thông đồng đục lặc như chúng ta mà kèm theo đó là một mối cảm xúc dạt dào xoáy mạnh trong tim, rung động cả toàn thân, ảnh hưởng toàn bộ sức sống của con người cả trên mặt tâm lý lẫn vật lý, lẫn sinh lý đấy ạ.”

“Khó hiểu quá!” ông hội đồng ngắt lời. “Nhưng... cũng khá lý thú đấy. Có thể đây là điểm mà ủy ban nghiên cứu cần để tâm. À, nếu nói như cậu thì tình yêu hay sự yêu đương của tiền nhân đâu phải là yếu tố khổ đau, mà phải là yếu tố của hạnh phúc chứ?”

“Ờ, cũng khó mà trình bày cho quý ngài đầy đủ được. Chúng tôi cũng không dám kết luận rằng tình yêu ấy là hoàn toàn mang lại khổ đau hay thuần hạnh phúc. Bởi vì nó không thuần là tinh thần, cũng chẳng thuần là thể xác, mà là sự kết hợp của cả hai mặt. Tùy theo cảm nhận của mỗi người mà nói là khổ hay vui. Nhìn chung, nếu so với đời sống đơn thuần của chúng ta hôm nay thì họ có vẻ khổ đau lắm, nhưng... ôi, thật khó nói, chẳng biết chừng họ lại hạnh phúc, ai mà biết được.”

“Thiệt là dài dòng, rắc rối,” ông ủy viên cau có xen vào. “Để cho dễ hiểu, xin trả lời tôi: giữa tiền nhân và chúng ta, điểm khác nhau nổi bật trong tình yêu là ở chỗ nào?”

“Khác nhiều lắm chứ. Trước hết, tình yêu của tiền nhân luôn có tính cách chiếm hữu. Toàn bộ cuộc sống của họ cũng vậy, phải chiếm hữu; không chiếm hữu thì không có hạnh phúc. Tóm lại, yêu đương là chiếm hữu, chiếm hữu tình cảm và chiếm hữu thân xác. Ngoài ra, vì thân xác của họ rất rườm rà nên sự biểu lộ tình yêu của họ qua thân xác cũng rườm rà. Họ có bộ phận sinh dục ở chỗ này, đàn ông khác, đàn bà khác. Còn ngực của đàn

bà đó hả, không phải phẳng lì như bức vách của cô E đâu, mà nó cộm ra như vậy nè! Bởi vì cơ thể của họ cần sự ăn uống để phát triển chứ không phải chích thuốc và thay đổi tế bào như chúng ta, cho nên đàn bà sinh con phải có vú và có sữa để tiếp tế cho đứa con mỗi khi nó đói đấy ạ! Đó là lý do mà ngực của đàn bà thời đó, hì hì, thấy tức cười lắm!”

“Dạ đúng, ngực của đàn bà thời xưa rất xấu, thô, nặng nề lắm, họ phải dùng nịt để giữ nó lại đó, rất phiền phức,” cô E tiếp lời, “chứ đâu có được gọn đẹp như tôi.”

“Tuy vậy, có một thời đại người phụ nữ lại cố ý làm cho bộ ngực của họ to lớn thô kệch hơn một cách dị thường bằng cách bơm hay nhét đồ giả vào...” anh A vừa nói vừa cười, “mà để được như vậy, họ phải chịu tổn kém tiền bạc đấy thưa quý ngài. Điều đó chứng minh rằng cái thị hiếu của người đàn ông thuở ấy khác với chúng ta hôm nay: họ thích cái gì thô kệch to tướng kia!”

“Thôi, rườm rà quá, không cần bàn rộng cái chuyện đó làm gì. Nghe tôi hỏi nè: họ yêu nhau thế nào? trình bày đi chứ nói quanh co hoài vậy!” ông hội đồng gắt.

“Thưa, không phải họ chỉ khác chúng ta ở bộ phận sinh dục đâu à, mà còn khác ở chỗ họ có trái tim nữa kia. Trái tim nằm trong lồng ngực, phía bên này. Tôi nghĩ dường như trái tim mới chính là trung tâm, là tham mưu của mọi sinh hoạt yêu thương của họ đó. Cô E có nghĩ vậy không?” A hỏi.

“Chắc anh nói đúng. Trái tim của họ điều khiển lòng thương yêu và khát dục. Không có sự rung động của nó hình như họ không có tiến đến chuyện trao đổi tình dục được.”

“Lạ nhỉ. Sao họ lại phải tốn nhiều thời giờ cho trái

tim như vậy! Sao không lược bớt, bỏ bớt nó cho khỏe? Thế họ trao đổi ra sao hả?” ông ủy viên nôn nóng hỏi.

“Lược bớt trái tim thì phải đến thời đại cách-mạng-thân-xác cách chúng ta 1,000 năm như quý ngài đã biết đó mà. Còn cái thời mà chúng tôi nghiên cứu là thời trước đó nữa, xưa hơn. Thời đó cơ thể người ta nặng nề lắm, còn đủ thứ linh tinh trong người nữa chứ không phải chỉ trái tim không thôi. Họ không biết bay, chỉ đi bộ thôi. Muốn bay thì phải mua vé lên con chim sắt khổng lồ, để nó chở đi. Sau đó khoảng một trăm năm thì họ cải tiến những chiếc xe chạy trên đường để có thể vừa bay được trên không, ai cũng có xe ấy cả nên không cần con chim sắt nữa. Trở lại vấn đề, họ trao đổi tình dục thế nào ư? À hừm... hi hi, tức cười lắm,” A nói, “có thể nói đó là một việc làm khổ nhục với những tư thế và động tác rất buồn cười và thô tháo, nhưng dường như khoái cảm mang lại thì cực mạnh chứ không phải một thoáng vụt qua như chúng ta đâu.”

“Buồn cười thế nào, trình bày cho mọi người nghe, đừng có đùa nữa,” ông hội đồng thúc giục.

“Thưa, không trình bày được ạ, vì tình yêu của họ là một điều vô cùng phức tạp, khó hiểu. Có khi tưởng như là yêu mà thực ra chỉ là ham muốn tình dục, có khi tỉnh queo chẳng thấy biểu hiện gì cả mà thực sự bên trong lại có yêu đấy ạ.”

“Gì mà kỳ thế! Có sao thì phải làm vậy chứ, sao họ không biểu lộ sự thực mà phải dối?”

“Không phải họ dối đâu. Ừm... chẳng biết phải giải thích sao với quý ngài điều đó. Tóm lại là tình yêu của họ khó định nghĩa lắm. Dường như nó chỉ có thể cảm nhận được nhờ sự đập nháy của trái tim đấy ạ. Nói chung, cái thời của họ, làm việc gì cũng phải tốn nhiều

công sức lao động cho nên trong sinh hoạt tình dục cũng thế, họ dùng sức dữ lắm, cuối cùng thì mệt lả rồi lăn ra ngủ!”

“Dễ sợ đến thế cơ à!” ông ủy viên nhăn mặt than, “thế có diễn tả cho chúng tôi xem được không?”

“Diễn tả đấy à? Quý ngài hỏi ý cô E xem?”

“Mình đâu có những bộ phận như họ đâu mà diễn tả cho giống! Quý ngài chỉ cần biết đại khái là họ lao động cực nhọc, thô tục, nặng nề, không được thoải mái nhẹ nhàng như sinh hoạt tình dục của chúng ta. Biết vậy được rồi,” cô E phân trần.

“Nhưng cái điều thắc mắc ở đây là tại sao cực khổ như thế mà họ vẫn cứ phải làm chứ? Không lẽ họ thích sự cực khổ?” một người hỏi.

“Không phải vậy đâu,” anh A xua tay nói liền, “đĩ nhiên là họ có niềm hạnh phúc, sung sướng của họ chứ. Ngay cả những vấn đề khác cũng thế đấy, chứ không riêng vấn đề tình dục. Mà thử nghĩ xem, ở vấn đề tình dục mà họ còn chịu khổ sở như vậy huống gì những vấn đề khác. Chưa kể đến chuyện sinh đẻ của họ: khốn khổ vô cùng tận. Tóm lại là nếu nói theo tâm thức cá nhân thì tôi thấy tiền nhân hạnh phúc hơn chúng ta, nhưng với tập quán cộng đồng thì chúng ta không thể nào chịu đựng nổi cuộc sống của tiền nhân đâu ạ.”

“Nói lạ vậy! Tại sao lại phân biệt cá nhân với cộng đồng như thế?” ông hội đồng hỏi.

“Là bởi vì... niềm hạnh phúc và khổ đau của tiền nhân hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí tự do của mỗi cá nhân: muốn khổ thì họ sẽ khổ, muốn vui thì họ sẽ vui. Họ có thể tự quyết định chọn lấy con đường dẫn đến hạnh phúc hay khổ đau, mà những con đường ấy thường thì do các tôn giáo hay những nền triết học phương này

phương kia hướng dẫn.”

“Nhưng rốt cuộc thì khổ đau vẫn nhiều hơn hạnh phúc?” ông hội đồng hỏi vặn lại.

“Chỉ là tương đối thôi. Không có khổ đau thì sẽ không có hạnh phúc đâu ạ.”

“Có nghĩa là họ tìm hạnh phúc trong sự đau khổ à?” ông hội đồng vẫn kiên trì hỏi tới.

“Hạnh phúc trong đau khổ, có thể tạm kết luận như vậy đi, nhưng... dường như là họ phải chấp nhận lối sống ấy, không thể nào làm khác đi được... để chờ đợi cho tới những thời kỳ cách mạng sau này, mới thay đổi được phần nào hiện trạng đó. Tóm lại, trong năm điều nổi bật của tiền nhân, bốn điều mang lại khổ đau đã được chúng ta cải cách, triệt bỏ đi từ lâu rồi; còn điều thứ năm thì chúng tôi cho rằng nó nằm ở lưng chừng hạnh phúc và khổ đau. Nếu chúng ta nghiên cứu và khai thác đúng cách, e chừng chúng ta có thể mang về thêm cho đời sống chút thú vị nào đó... Nhưng, thưa quý ngài, tôi có thể trình bày thêm điều này được không ạ: tiền nhân có những cái gọi là nghệ thuật mà thời nay chúng ta không còn dùng đến nữa; chẳng hạn âm nhạc, hội họa, văn chương, nhiếp ảnh... Những thứ này cũng góp phần mang lại hạnh phúc cho đời sống tiền nhân, khiến cho đời sống của họ phong phú hơn, đi sâu vào xúc cảm hơn...”

“Xúc cảm, xúc cảm! Những thứ tầm phào chẳng lợi ích chi cả. Cậu không nhớ rằng chúng ta truy diệt xúc cảm đến cùng để có được đời sống bình lặng hôm nay sao? Vô ích cho những thứ nghệ thuật gì đó mà anh nói,” một ông trong hội đồng thét lên.

Ông trưởng ủy ban đứng dậy, xoa xoa bàn tay, ra dấu A đừng nói nữa, rồi ông lấy vẻ trịnh trọng, nói:

“Cái chuyện hạnh phúc hay khổ đau không phải là

đơn giản đâu. Đừng có hỏi và nói linh tinh lang tang như vậy mất thời giờ. Hãy quan sát, lắng nghe hai cô cậu trình bày theo từng câu hỏi của ủy ban nghiên cứu thì may ra mới dẫn đến kết luận được. Thưa quý ngài trong hội đồng, xin để dành công việc tra vấn, nghiên tầm cho ủy ban chúng tôi ạ.”

Thấy mọi người gục gặc đồng ý rồi, ông ủy viên ngồi xuống, thủng thẳng hỏi tiếp:

“Theo chỗ tôi nhận xét, tiền nhân chúng ta phải đánh đổi lấy hạnh phúc của họ bằng một quá trình khổ đau nhiều hơn gấp 20 lần hơn, phải không hai cô cậu?”

“Thưa... phải. Muốn hạnh phúc 1 thì phải chịu cực khổ 20 lần, có khi 100 lần lớn hơn đấy ạ,” anh A nói.

“Trong suốt bao nhiêu năm dài, tiền nhân chúng ta không nhận thức ra được cách thế nào để thoát khổ ư?”

“Thưa, có những triết gia, những giáo chủ các tôn giáo, đề nghị những phương cách giải quyết khổ đau, nhưng chẳng mấy người áp dụng được, cho nên, vẫn tiếp tục chịu khổ thôi ạ.”

“Lạ nhỉ! Biết là có con đường thoát khổ nhưng vẫn không chịu áp dụng. Cái tâm lý gì mà kỳ quặc thế! Chẳng lẽ con đường thoát khổ ấy khó thực hiện lắm sao? Những triết gia, lãnh tụ tôn giáo có nhiều không? Họ đưa ra bao nhiêu phương cách giải quyết khổ đau? Tự trung cô cậu có thể kể ra một vài phương cách điển hình được không?”

“Thưa, có thể tạm rút lại thành hai khuynh hướng nổi bật nhất thời bấy giờ: một là tôn thờ thần linh để được hạnh phúc sau khi chết; hai là phủ nhận sự thực hữu độc lập của cá ngã và thế giới khách quan để tìm thấy sự bình an trong cuộc sống.

“Khuynh hướng thứ hai thì có vẻ tương tự cuộc

sống bình thường của chúng ta ngày nay: nhìn thế giới như là những huyền tượng nên không bám chắc vào nó; còn khuynh hướng thứ nhất, sao lạ quá! Có thể nói kỹ hơn được không? Tại sao phải tôn thờ một thần linh? Thần linh đó ở đâu? Là người thế nào? Giống chúng ta không?”

“Những thần linh đó theo tiền nhân chúng ta thì không phải là người mà là *thần*, có nghĩa là những người siêu việt, có quyền năng biến hóa và làm những ảo thuật.”

“Ví dụ?”

“Họ biết bay, biết biến hóa, biết chữa bệnh bằng phép lạ; có khả năng gây ra tai họa to lớn cho nhiều người và khả năng ban điều phúc lợi cho một số ít người.”

“Thế thì thần linh cũng giống như chúng ta thôi chứ gì! Nếu mà tôi đi lui vào thời ấy, làm những điều bình thường của tôi hôm nay, thì tiền nhân chúng ta sẽ nghĩ rằng tôi là thần linh, có phải không?” ông ủy viên vừa nói vừa cười nửa miệng.

“Có thể là như vậy. Nhưng thần linh của họ khác chúng ta ở chỗ... hình như thần linh chỉ có trong trí tưởng tượng của họ mà thôi.”

“Lạ vậy! Nói rõ hơn một chút được không? Vậy hai cô cậu chưa hề gặp những thần linh của tiền nhân sao?”

“Chúng tôi chỉ đọc trong tư tưởng của tiền nhân và thấy hình ảnh những thần linh trong đó mà thôi. Còn trên thực tế thì chẳng bao giờ gặp thần linh cả,” anh A nói xong rồi ngờ ngợ ngó cô E. Cô E liền đứng dậy tiếp:

“Có một thời đại người ta chống lại khuynh hướng tin tưởng thần linh nhưng lại thần-hóa một cá nhân nào đó để dễ điều động đám đông. Thời đại này có thể nói

là thời đại kịch cớm và tệ hại nhất của quá khứ. Bởi vì, thà là thần linh trong trí tưởng, dù sao cũng còn cái vẻ linh thiêng không-khuyết-điểm không chạm đến được; đàng này, thần linh chỉ là một con người được tô vẽ cái điều thánh thiện mà nó không có, che giấu những điều tệ hại mà nó có rất nhiều, để rồi dụ hoặc quần chúng, lôi kéo họ đi theo con đường của mình.”

“Có thể xem đó là phương cách cố ý biến con người thành nô lệ cho một nhóm người thông qua hình ảnh của thần linh hay lãnh tụ,” anh A hứng chí tiếp lời cô E, “vì chỉ có những kẻ nô lệ mới mang lại nhiều lợi ích cho những chủ nhân ông tự do mà thôi.”

“Không cần thiết nói nhiều về giai đoạn tệ hại như thế. Trở lại vấn đề thần linh, cô cậu nói rằng chỉ là những hình ảnh trong tư tưởng của tiền nhân? Thế thần linh có giống chúng ta không?” ông ủy viên nghiêm trọng hỏi.

“Xấu hơn chúng ta nhiều. Vì thần linh của tiền nhân cũng có thân thể nặng nề, cũng lông lá, râu ria, tóc tai, và cũng mặc áo quần... y như chính họ mà thôi—đâu có được nhẹ nhàng như chúng ta. Cho nên trong thời gian nghiên cứu, tôi với cô E cứ phải lẩn tránh mọi người dữ lắm chứ không thôi thì gây nên lắm chuyện xôn xao. Nội cái chuyện biết bay của chúng ta là đã làm náo động cả thế giới của tiền nhân rồi. Hì hì, có lần một đám nông dân thấy chúng tôi bay ngang trời liền xúm nhau sụp lạy, rồi đọc những bài kinh gì đó... họ tưởng chúng tôi là thần linh đấy ạ.”

“Ồi tội nghiệp. Tóm lại là họ tôn thờ những thần linh mà họ chẳng bao giờ gặp? Chính vì bất lực trước thiên nhiên mà họ đặt kỳ vọng vào những cái siêu nhiên do chính trí tưởng của họ nặn để ra?”

“Phải, chỉ là những kỳ vọng để thoát khỏi thực trạng bất toàn của họ.”

“Thế còn khuynh hướng kia, phủ nhận sự thực hữu độc lập của thế giới và con người, có vẻ giống chúng ta ngày nay, nhưng sao cũng không giúp thay đổi được cuộc sống đau khổ của tiền nhân?”

“Giống nhưng lại chẳng giống, vì khuynh hướng này chỉ thuần là sự đào sâu vào tâm linh chứ không đi theo con đường cách mạng vật chất và kỹ thuật như chúng ta. Trong khi chúng ta—từ thời đại cách mạng thân xác đến nay—tìm bắt và hủy diệt những phần tử xấu có ý đi lệch ra ngoài sự đồng nhất của hành tinh thì họ chỉ lo tìm bắt và hủy diệt những tư tưởng và ý niệm xấu hoặc có khuynh hướng vun bồi sự tách ly tổng thể.”

“A, hay đấy, hay đấy! Nhưng điều này thì ngày nay chúng ta đã làm bằng kỹ thuật cài *chip* điện tử, chọn lựa và loại trừ những điều tốt-xấu ra khỏi não bộ mọi người mỗi hai năm,” ông ủy viên tự mãn nói.

“Nhưng chúng ta không hủy diệt được cái động lực chính của những kỳ vọng, ảo vọng, khát vọng,” anh A lắc đầu nói, rồi tự dưng bốc hứng, anh tiếp luôn một tràng dài, “chúng ta chỉ chọn lựa, thay đổi, hủy diệt những cái ngọn, còn cái gốc là cái động lực chính nảy sinh tư tưởng và ý niệm thì chúng ta chịu thua, chúng ta chẳng biết nó nằm ở đâu mà thay đổi hay hủy diệt, phải không? Đó là lý do mặc dù chúng ta đã trải qua gần 1,000 năm của thời kỳ cách-mạng-thân-xác và cách-mạng-não-bộ, những hiện tượng tội ác, điên rồ, phá hoại cộng đồng... vẫn tiếp tục xảy ra, và trên thực tế, chúng ta cũng đâu có thực sự hạnh phúc!”

“Nè, nè, cậu A nói cái gì kỳ vậy? Chúng ta vẫn chưa tìm được nguyên nhân gây nên các ảo vọng, tôi

đồng ý, nhưng nói chúng ta không hạnh phúc thì cậu phải nói lại đó nghe! Căn cứ vào đâu mà cậu nói vậy, đừng chạm nền văn minh chóp đỉnh của hành tinh hôm nay, lệch hẳn quỹ đạo suy tư của cộng đồng! Cậu hãy cẩn thận lời phát biểu và ý tưởng xấu kiểu đó nhé!” Ông ủy viên nóng mặt đứng dậy nói, rồi ngồi xuống, rồi lại đứng dậy tiếp. “Hạnh phúc của chúng ta có được hôm nay là thành quả của cả một quá trình 1,000 năm lọc bỏ dần dần từ thể xác đến tinh thần, những bộ phận thừa thãi, cũng như những cảm giác khổ đau và phiền toái không cần thiết của đời sống con người. Cậu không thấy rằng chính nhờ phấn đấu liên tục trong cách mạng kỹ thuật mà chúng ta có thể đứng ngang hàng với các cư dân của Kim tinh, Mộc tinh, Thủy tinh, Hỏa tinh và Thổ tinh hay sao chứ!”

“Cho dù là vậy, trên thực tế, chúng ta vẫn còn ngụp lặn trong những ảo vọng. Hạnh phúc của chúng ta cũng chỉ là ảo vọng mà thôi. Tại sao chúng ta lại chọn đời sống cách ly trong hang núi như thế này nếu hành tinh thực sự có hạnh phúc? Chúng ta chỉ giả vờ chấp nhận ảo giác bình an tạm thời để thay thế những cảm giác thực sự của tiền nhân. Chúng ta đơn giản hóa tất cả mọi vấn đề để rồi lại bị xỏ mũi bởi cái nguồn ảo giác sôi sục kia...” anh A hăng say nói, như một kẻ lên đồng, quên cả mọi người đang trở mắt và há họng nghe. Cô E dùng tia mắt, bắn tín hiệu qua nhằm ngăn cản anh A lại, nhưng anh cứ phớt lờ, nói tiếp. “Thực sự thì công tác đi về quá khứ để nghiên cứu nền văn hóa của tiền nhân chỉ là một cách nói hoa mỹ chứ nói đúng ra thì chúng ta kỳ vọng tìm được một đời sống hạnh phúc hơn đời sống hiện tại, phải vậy không thưa quý ngài?”

“Nói tầm bậy! Anh im đi, đừng có phát biểu linh

ting nữa. Anh đúng là kẻ phản cách mạng! Thưa hội đồng, có nên trừng phạt phần tử đã đi lệch hướng này hay không?”

Ông hội đồng xoa tay, ôn tồn nói:

“Thôi, xin can. Mọi thứ đâu đã xong, còn trong vòng nghiên cứu mà. Thì cứ để hai cô cậu này nói hết những ý nghĩ của họ. Chính đó là phản ứng trung thực của con người giữa hai đời sống ấy mà. Bây giờ tạm thời nghỉ ngơi, ta sẽ họp lại sau nhé. Tan hàng!”

Chờ cho mọi người tản ra rồi, ông hội đồng ngoác anh A lại, nói nhỏ:

“Tôi hỏi riêng cậu điều này nhé: có phải là cậu có cảm giác rằng tiền nhân chúng ta dù thô kệch, nặng nề, thiếu văn minh, nhưng họ sống hạnh phúc hơn chúng ta nhiều không?”

“Ồ... câu trả lời của tôi có được đưa vào phần tư liệu của chương trình nghiên cứu không ạ?”

“Không, chỉ nói riêng với tôi thôi mà, nói thực đi, không sao đâu.”

“Dạ thưa đúng như vậy. Mặc dù phải dụng nhiều công sức khổ đau để có được hạnh phúc, tiền nhân chúng ta cũng thực sự nếm được hạnh phúc của họ đấy thưa ngài hội đồng. Còn chúng ta, khổ đau không có nhưng cũng chẳng có cái quái gì gọi là hạnh phúc cả. Chỉ là sự bình lặng của một dòng vô cảm được bảo vệ bằng các hệ thống kiểm soát tư tưởng... rất là khô khan, nhàm chán. Thưa ngài hội đồng, theo tôi thì càng trở về gần với nguyên ủy chừng nào thì niềm hạnh phúc sẽ to lớn nhiều chừng đó. Cái thời mà tôi và cô E nghiên cứu vẫn còn là cái thời tương đối nhiều khổ đau và phiền tạp, vì thời đó tiền nhân chúng ta mang nhiều tham vọng là biến cải đời sống vật chất càng lúc càng trở nên tiện

nghi hơn; vì vậy họ tiến từ chỗ đơn sơ đến chỗ rườm rà, mà càng rườm rà thì càng ít hạnh phúc. Từ thời đại của họ tiến dần đến thời đại chúng ta giống như tiến từ chỗ rườm rà đến chỗ đơn sơ trở lại. Nhưng chúng ta đi trật đường rồi thưa ngài hội đồng ạ. Bởi vì đơn sơ không nghĩa là cắt giảm đi những bộ phận nguyên ủy của thân xác và ngoại vật mà chính là đơn sơ trong tâm hồn đấy ạ. Ngài hội đồng không tin cứ hỏi cô E thử xem sao.”

Cô E nãy giờ đứng chàng ràng quanh đó, nghe vậy thì trở tới ngay. Ông hội đồng lại đặt câu hỏi:

“Theo cô E thì tiền nhân chúng ta hạnh phúc nhất ở điểm nào?”

“Ở trong tình yêu và cách biểu lộ tình yêu của họ đấy thưa ông hội đồng.”

“Họ thực sự là hạnh phúc trong vấn đề ấy à? Không gì cao hơn sao?”

“Có những loại hạnh phúc khác nữa, nặng nhẹ khác nhau, nhưng tựu trung thì đối với toàn thể con người thời ấy, tình yêu đứng hàng đầu.”

“Vậy nếu chúng ta cũng vinh danh tình yêu để được hạnh phúc như họ thì cô cậu nghĩ có thể làm được không?”

“Thưa không ạ. Vì chúng ta không có trái tim, không có bộ phận sinh dục nguyên ủy, không có hệ thống thần kinh liên hệ giữa não, tim, bộ phận sinh dục và toàn thân.”

“Vậy sao! Thế thì chúng ta vô phương cảm được cái hạnh phúc của tiền nhân à?”

“Vô phương,” cô E lạnh lùng nói.

“Ngoại trừ chúng ta khôi phục lại trái tim và các hệ thần kinh đã bị lược bỏ từ 1,000 năm đổ lại đây,” anh A khẳng định.

“Có cách nào không? Những thứ đó chúng ta có thể chế biến ra được ấy mà, nếu cô cậu diễn tả đúng?” ông hội đồng phấn khởi hỏi.

“Tự mình suy nghĩ rồi chế biến thì không mang lại cảm giác thực sự của tình cảm đâu ạ. Cho nên, phải mượn hai cái xác nguyên vẹn mạnh khỏe của những người mới vừa chết trong thời đại nguyên ủy rồi trở lại đây, cấy giống từng bộ phận cho mọi người.”

“Hay lắm, ý kiến hay. Cô E nghĩ sao?” ông hội đồng xoay qua cô E.

“Đó là điều mà tôi và anh A bàn với nhau trước khi về đây báo cáo. Chúng tôi không dám làm trước vì sợ về đây bị khiển trách. Nếu ông hội đồng cho phép thì chúng tôi sẽ thực hiện trong chuyến đi tới,” cô E vui mừng nói.

“Nhưng cô cậu có bảo đảm là mang hai cơ thể của thời ấy về đây sẽ không gây nguy hại cho hành tinh chứ?” ông hội đồng vẫn còn chút nghi ngại.

“Dạ bảo đảm mà. Chỉ sợ là ông hội đồng không thuyết phục được toàn hội đồng lẫn ủy ban nghiên cứu mà thôi.”

“Nếu không thuyết phục được, tôi sẽ tìm cách bảo vệ và che giấu cô cậu ở một vùng cách ly khác, được không? Chỉ khi nào bảo đảm có hạnh phúc và an toàn với thân thể nguyên ủy của tiền nhân thì tôi mới công bố.”

“Ý kiến hay. Ông hội đồng ủng hộ hai chúng tôi nhé. Chúng tôi bảo đảm sẽ thực hiện được kế hoạch mà,” anh A vô cùng phấn khởi.

Sau đó là một cuộc họp kéo dài đầy tranh cãi. Ông hội đồng thuyết phục được các thành viên của hội đồng nhưng không thuyết phục được ủy ban nghiên cứu văn hóa tiền nhân với những đầu óc trở lì vô cảm—những

đầu óc cứng ngắc với những ảo tưởng hạnh phúc đã hóa thạch. Cuối cùng thì người ta cũng cho hai cô cậu E và A lên máy thời gian để trở về quá khứ nghiên cứu tiếp một lần nữa nhưng vẫn trong tư cách khách quan của những người nghiên cứu thuần túy bằng ghi nhận hình ảnh nơi nào bộ, không được mang về bất cứ vật chất cụ thể nào của tiền nhân.

Lần này hai cô cậu được đưa thẳng về thời đại thượng cổ với lời đề nghị của ông hội đồng. Và dĩ nhiên là giữa ba người ấy đã mặc nhiên trừ định kế hoạch táo bạo của họ trong chuyến đi này.

Với một vài dụng cụ *thần thông* của thời đại được mang theo, hai cô cậu không phải chỉ mượn xác tiền nhân rồi trở lại ngay mà họ đã sinh sống với nhau trong quá khứ đến ba đời thay xác; cứ tái sinh để yêu nhau từ thuở dậy thì đến tuổi trung niên rồi lại đổi xác. Như vậy họ đã trải qua khoảng 200 năm sống trong quá khứ rồi mới quyết định giữ lấy hai thân xác tráng kiện và khỏe mạnh nhất để trở về thời hiện đại.

Khi họ trở về thì cả hành tinh đã tan tành, hoang vắng. Khói lửa mịt mù. Nhờ ông hội đồng cố gắng bảo vệ máy thời gian đến hơi thở cuối cùng nên họ trở lại được. Nhìn quanh thấy không còn ai. Chỉ có những mẩu vụn của máy móc.

“Mình làm gì bây giờ hở anh?” E khóc rưng rưng hỏi.

“Nín đi em. Không sao đâu. Mình vẫn còn sống và yêu nhau được mà. Mình có nhau là đã có tất cả rồi.”

“Hu hu, tội nghiệp ông hội đồng. Ông muốn đem về cho ông trái tim để có hạnh phúc như tiền nhân.”

“Thôi đừng khóc nữa em ơi, nước mắt của em làm cho tim anh trĩu nặng xuống quá à. Ôi, những giọt nước

mất, sao mà kỳ diệu! Thời đại chúng ta vì không có nước mắt khổ đau nên cũng chẳng bao giờ có được nụ cười hạnh phúc cả!”

“Trời ơi! Tại sao cả hành tinh bị tiêu hủy thế này! Đâu có êm đềm như thuở chúng ta mới yêu nhau, phải không anh?”

“Ừ, quả thật thời đại chúng ta mới là thời đại khùng điên nhất. Tưởng rằng mình đứng ở chóp đỉnh hạnh phúc hóa ra là chỉ lặn hụp ở cùng tận cái đáy khổ đau. Ta nên phá hủy hết tất cả những di sản hiện đại để bắt đầu sống lại thời đại nguyên ủy, em đồng ý không?”

“Đồng ý. Còn mấy cây súng nằm lẩn lóc chỗ kia kìa anh. Phá hết đi, rồi phá luôn chính chúng nó.”

“Không những phá hủy, chúng ta còn phải quên luôn trong ký ức của mình là đã có những thời đại đầy hoang tưởng mà chúng ta được biết. Đó là điều bí mật đau khổ và tội tệt của thời đại mà chỉ có hai chúng ta biết thôi, em nhé, không tiết lộ cho đám con cháu sau này làm gì, em đồng ý không?”

E gật đầu. Họ phá hủy tất cả bằng vũ khí hiện đại. Rồi họ dắt nhau đi lang thang trên địa cầu. Không còn ai. Chỉ còn hai con người trần trụi ăn lông ở lỗ, khai mở một thời đại hồng hoang khác. Thời đại đó thiếu vắng tất cả những nền tư tưởng triết học, đạo học; thiếu vắng tất cả những kiến trúc hoành tráng văn minh và những dụng cụ khoa học kỹ thuật thần thông. Mặc dù có khả năng tạo dựng lại thế giới tráng lệ huy hoàng và cực kỳ thần thông hiện đại, nhưng họ không cần. Họ chỉ cần một khung cảnh hồng hoang và hai trái tim hồng hoang. Với hai trái tim ấy, họ dựng lại đời mới. Họ đan tay nhau, dìu nhau đi mãi giữa đất trời mênh mông ngút ngàn khói lửa. Và trong nỗi quạnh vắng buồn tênh khi chiều xuống, họ

VĨNH HẢO

cảm thấy cần nhau, ôm lấy nhau, lắng nghe nhịp đập lạ thường của hai trái tim vừa được tìm lại trong tương lai của một quá khứ lịch sử hoang tàn. ■

Một chuyến tàu

Còi tàu inh ỏi hú lên từng hồi mà Văn hầy còn đứng dưới sân ga, chờ đợi một người chỉ biết tên và đôi chút về lai lịch chứ không biết mặt mũi, hình dạng ra sao. Cũng may là bà Năm, người có trách nhiệm đưa Văn ra ga, có biết mặt người kia. Bà Năm dẫn đường Văn đi tìm toa cung ứng, tức là toa bán thức ăn thức uống của đoàn tàu hỏa. Tâm, tên của cô gái làm việc trên toa ấy, là người sẽ giúp đỡ và bảo vệ Văn trong chuyến đi vào Sài-gòn này.

Nói giúp đỡ thì chẳng có gì phải thắc mắc, chứ nói bảo vệ, nghe thật xấu hổ. Ai đời một cô gái mười bảy, mười tám tuổi lại đi bảo vệ chàng thanh niên hai mươi mốt tuổi bao giờ. Vậy mà Tâm sẽ bảo vệ Văn thật. Vì Văn là một công dân không có bất cứ thứ giấy tờ nào chứng minh sự hợp lệ của mình trên đất nước của anh cả. Cho nên các bạn Văn mới nhờ Tâm bảo vệ anh bằng cách cho lên tàu hỏa, ngồi ở toa bán thức ăn, có ai hỏi đến thì Tâm sẽ lên tiếng bênh vực, nhìn nhận anh là người nhà, hoặc tìm cách dứt lốt sao đó với các nhân viên công lực để được êm chuyện. Bởi vì trong tình hình lúc đó, nếu có bất cứ anh công an ở cấp nào, địa phương nào, hỏi đến giấy tờ thì Văn sẽ gặp rắc rối, và có thể sẽ bị vào tù.

Bà Năm ngoắc gọi Tâm. Tâm chồm ra cửa sổ nhìn xuống. Nghe bà Năm nói vài tiếng rồi chỉ Văn, Tâm biết

ngay chàng thư sinh khờ khạo đứng tần ngần, lóng cọng, thiếu tự nhiên giữa đám đông kia chính là người mà nàng có nhiệm vụ hộ tống vào Sài-gòn. Tâm bước xuống sân ga, chào Văn bằng một cái gật đầu thật nhẹ tưởng chừng như không. Rồi Tâm túm lấy túi hành lý của Văn, bảo anh đi theo. Văn cảm ơn và nói lời từ giã với bà Năm rồi ngoan ngoãn bước theo Tâm.

Giữa toa hàng bán thức ăn là một dãy bàn nhỏ, đặt những nồi niêu, bát đĩa, tủ thuốc lá. Tâm cho Văn ngồi ở một băng ghế ngay trước cái bàn thức ăn ấy, tức là chỗ đối diện với Tâm. Cho nên, dù muốn dù không thì Văn và Tâm cũng cứ phải nhìn thấy nhau mãi suốt đoạn đường dài từ Nha Trang vào Sài-gòn.

Đúng ra, toa này không phải toa chở khách, nhưng vì nghèo, kiếm thêm được đồng vé nào thì kiếm, cho nên nhân viên hỏa xa cứ cho hành khách lên, ngồi chiếm gần hết hai hàng ghế trên toa hàng ăn. Chẳng biết họ có mua vé không chứ Văn thì không. Nhà bà Năm nằm trong khu vực nhà ga nên Văn không phải đi qua cổng soát vé; lên tàu thì đã có Tâm làm người hộ mệnh.

Tâm là một cô gái vừa lai Pháp, vừa lai Ấn (từ đời ông bà nội và ngoại) và dĩ nhiên là lai Việt Nam. Thế nên cô có nước da ngăm vừa phải. Và phải công nhận rằng Tâm đẹp. Ừ thì Văn không có trách nhiệm phải ngắm hay mô tả một thiếu nữ chỉ quen hờ trên con đường xuôi Nam của mình; nhưng Văn không thể chối cãi hay che giấu được nhận xét của mình rằng Tâm đẹp. Đôi mắt Tâm lớn long lanh, với đôi ngươi xanh trong như màu biển Nha Trang mùa hạ, lấp lánh giữa hàng lông mi cong, dày—đúng là đôi mắt lai. Mũi Tâm thẳng, cao, hai cánh mũi đầy đặn, đầu mũi hơi cong—cũng là sản phẩm nước ngoài. Đôi môi lại cũng là một tuyệt tác

của hóa công với hai bờ môi đầy đặn, môi dưới dày hơn môi trên chút xíu, vừa đủ để giữ kín hàm răng trắng đều bên trong. Tâm ít nói, không biết vì do tánh tình hay do vì có Văn ngồi đối diện. Chỉ nghe Tâm trả lời đôi ba chữ với khách hàng khi cần thiết, còn ngoài ra, cô ngậm tằm. Thỉnh thoảng Tâm mới liếc nhìn Văn, mỉm cười (chắc là để nói lên sự yên tâm của cô là Văn hãy còn ngồi đó, chưa bị bắt). Đôi môi trầm lặng ấy hơi nhếch lên ở cuối hai khóe vể nên cái đẹp vừa gợi cảm vừa huyền bí của người đàn bà Ả Rập hay Ai Cập thời xa xưa. Tóm lại, Tâm đẹp. Dù có ghét Tâm vì lý do nào đó thì cũng không có lý do để chê cô xấu. Khuôn mặt cô không có nét gì của Việt Nam. Tâm chỉ có bộ điệu e ấp, vụng về của một thôn nữ Việt Nam mà thôi. Ngoài ra, đôi cánh tay và đôi bàn tay thô kệch của cô cũng biểu lộ được sức mạnh vô địch của một dân tộc nghèo khổ từ nhiều thế kỷ với những thiếu nữ đảm đang, có khả năng vừa đánh giặc vừa lao động sản xuất.

Toa bán thức ăn, vì cần chỗ trống để có thể làm công việc buôn bán thuận lợi cho hành khách ở hai phía đầu toa kéo đến, nên được sắp xếp hai nhân viên kiểm soát vé ở hai đầu toa; ngoài ra, các nhân viên bán thức ăn thức uống trên toa, bao gồm Tâm và ba cô đồng nghiệp, cũng có trách nhiệm canh gác không cho khách buôn xâm nhập toa mình bằng đường cửa sổ. Như vậy, có thể nói là toa này tương đối rộng rãi nhất của đoàn tàu. Trên toa còn dư vài chỗ ngồi và không có hành khách ngồi hay đứng ở giữa hai hàng ghế. Đây là lần đầu tiên Văn được đi tàu hỏa mà không bị người khác chen lấn, hoặc án ngữ trước mặt. Chỗ ngồi của Văn cũng rộng rãi, có thể xoay xở chứ không bị chêm cứng như những lần trước. Trên các thành cửa sổ không có hành

khách đeo bám. Gió lồng lộng thốc vào toa, mát rượi. Tự dưng Văn thấy hạnh phúc được hưởng thụ chút tiện nghi nhỏ nhoi ấy.

Vì thuận hướng nhìn với cánh cửa sổ rộng lớn ở phía đối diện, Văn chỉ có thể nhìn ngắm phong cảnh qua khung cửa sổ phía sau lưng Tâm. Rừng núi trùng điệp lướt nhanh qua khung cửa sổ ấy cho anh cảm giác vui mắt, không biết mỏi mệt. Nhưng thói quen so sánh và phân biệt một lúc nào đó, lại chen vào, khiến Văn thấy những cảnh tượng đẹp đẽ nên thơ vụt qua ấy như sự vụt trôi của thời gian. Phải, thời gian thường được người ta mượn sự trôi lướt của không gian qua cửa sổ để mô tả sức nhanh của nó. Nay, nó trôi rõ ràng trước mắt anh; trôi phía sau lưng thiếu nữ khỏe mạnh và trẻ đẹp kia như một cái phông để làm nổi bật thêm tính cách bất định vô thường của con người và vạn hữu giữa cuộc đời.

Tàu khởi hành từ lúc sáu giờ sáng nên trong vòng một hai giờ sau đó là toa hàng ăn tấp nập người từ các toa kéo đến mua thức ăn. Tâm cùng các đồng nghiệp có vẻ bận rộn lắm. Nhưng rồi cô cũng nhớ và mang đến cho Văn một đĩa cơm cho bữa điểm tâm. Văn không có thói quen ăn uống trên tàu và trước mặt một đám đông không quen biết, nên anh đã từ chối đĩa cơm của Tâm. Hình như sự từ chối của Văn đã làm cho Tâm buồn. Nhưng chắc là không sao, vì anh nghĩ, đó không phải là một cái lỗi. Huống chi, giữa anh và Tâm cũng chẳng có gì ràng buộc nhau sâu đậm để phải giận lẫy hay xin lỗi. Thực ra, Tâm không có bổn phận lo chuyện ăn uống cho Văn trên chuyến đi này. Bổn phận duy nhất của Tâm là cho Văn lên tàu khởi cần mua vé (vì mua vé phải có giấy thông hành hoặc thẻ chứng minh nhân dân—tức thẻ căn cước—mà những thứ này Văn đều không có, chứ không

phải tại anh thắm đến độ không có tiền mua vé), và đừng để Văn bị nhân viên hỏa xa làm khó dễ. Văn có tiền, có miệng, hẳn là Văn tự biết lo chuyện ăn uống cho mình. Có thể chuyện mang thức ăn đến cho Văn là để biểu lộ một cái gì xa hơn trách nhiệm hộ tống chút xíu. Tâm không muốn sự giúp đỡ Văn đi chỉ có ý nghĩa như một khách buôn mang theo một món hàng hay như một cảnh sát viên bảo vệ một chính khách. Không phải chỉ là chuyện bảo vệ sinh mạng. Trách nhiệm của người đàn bà ở trên đời, dù ở hoàn cảnh hay thời đại nào, dường như đều kèm theo phần tình cảm, cái vốn liếng dạt dào của họ. Chắc chắn người bạn gửi gắm Văn cho Tâm chỉ nhờ Tâm giúp đưa Văn đi an toàn từ Nha Trang vào Sài-gòn thôi chứ không nhờ lo luôn cả phần ẩm thực. Như vậy, sự chăm sóc của Tâm, phải hiểu là một thiện ý, một sự tử tế tự phát. Văn đã không trân trọng đón nhận thiện ý đó. Có thể Tâm đã buồn tí xíu. Nhưng thà là vậy còn hơn chính anh phải cố gắng ăn và chắc chắn sẽ ăn không hết đĩa cơm vĩ đại đó để làm phật lòng Tâm bằng cách khác.

Văn vừa nghĩ đến đó thì Tâm lại đến, mang cho anh một ly nước đá lạnh lớn. Lần này bỗng dưng Văn thấy lúng túng, khó nghĩ. Khó mà từ chối lòng tốt của người khác lần thứ hai.

“Anh không ăn thì uống miếng nước cho khỏe,” Tâm nói với giọng ngọt mềm, khẩn khoản. Văn nghe như lòng mình khẽ rung động một chút gì khó hiểu trước sự quan tâm của cô ấy.

Đã nói Văn vốn không quen chuyện ăn uống trước đám đông người lạ. Nhưng anh không thể từ chối Tâm thêm một lần nữa. Văn nói và đón lấy ly nước:

“Cám ơn Tâm nghe... nhưng Tâm cho tôi chùng

nửa ly này thôi...”

Tâm vui vẻ cầm ly nước quay trở về chỗ của cô, sốt qua một cái ly nhỏ hơn, rồi đem lại cho Văn.

“Cám ơn.”

Văn cầm ly nước trên tay, uống từ từ. Tâm trở về chỗ ngồi của cô với các đồng nghiệp, nói cười vui vẻ, tíu tít. Các cô đã bán hết phần thức ăn thức uống cho buổi sáng; và hình như công tác của các cô đến đây là hết nên các cô đang lo dọn dẹp nồi niêu, bát đĩa... Xong chuyện, các cô ngồi không, nói cười. Thỉnh thoảng, các cô bạn của Tâm ngó Văn, thì thầm với nhau gì đó rồi cười rú lên. Chỉ thấy Tâm đỏ mặt ngất véo mấy cô bạn, vừa liếc nhìn anh một cái thật nhanh, rồi quay mặt ngó móng lung ra cửa sổ. Có lẽ người bạn gửi gắm Văn cho Tâm đã không nói rõ cho Tâm biết rằng Văn là tu sĩ cải trang nên cô và các bạn chỉ nhìn bề ngoài của anh, thấy anh có tóc dài, mặc thường phục dân sự, mà tưởng lầm là một chàng trai thế tục độc thân... không có gì cấm cản chuyện trêu chọc, cặp đôi như kiểu trai gái ngoài đời.

Chợt thấy một toán công an bước vào. Xét tàu. Họ kiểm tra từng người một từ phía cuối toa. Hỏi giấy tờ, vé, và lục soát hành lý. Họ đang xét hỏi một người đàn bà khoảng tứ tuần. Nhìn y phục và cách trang sức, ai cũng thấy ngay người đàn bà này hẳn là dân thành phố, nếu không khá giả thì cũng thuộc loại “con nhà”, không giống với bất cứ người nữ nào có mặt trên tàu. Qua người đàn bà ấy, Văn bỗng liên tưởng đến mẹ anh. Mẹ Văn như vậy đó, thời nào, hoàn cảnh nào, bà cũng ra đường với một bề ngoài lịch sự, sang trọng. Mà người đàn bà này cũng có dáng vẻ dong dỏng cao, với khuôn mặt hơi xương như mẹ anh vậy. Bà ấy bị công an hạch hỏi đủ điều, đến độ mất tự chủ, lúng ta lúng túng, rơi cả

cái xắc tay, mỹ phẩm rơi rớt lung tung trên sàn tàu. Tự dưng Văn thấy tội nghiệp cho bà ấy. Anh công an đứng chờ bà ấy lượm từng món mỹ phẩm bỏ vào lại xắc tay. Bà ấy vừa xong việc thu lượm thì bị hạch hỏi tiếp. Cái túi xách hành lý nhỏ gọn mà bà ôm theo bên mình cũng bị soạn tung ra, phơi bày ra giữa công chúng. Hình như các anh công an hy vọng kiếm được món bở lợi lộc gì đó từ bà ấy. Nhưng rồi hành lý của bà là hành lý cá nhân, hợp pháp, chẳng có gì có thể hoạnh hộc bắt bẻ được nên các anh công an xét đến người kế bên. Từng người một. Văn nhìn Tâm xem thử Tâm sẽ giúp gì được anh trong tình huống này. Tâm nhìn lại Văn, suy nghĩ một lúc rồi bước đến, ngồi bên cạnh anh, vai kề vai, biểu lộ sự thân mật tự nhiên qua thái độ, không nói lời nào. Các cô bạn đồng nghiệp của Tâm lại trở mắt nhìn Văn, rồi nhìn Tâm, to nhỏ, cười khúc khích.

Khi mấy anh công an tiến đến chỗ Văn, thấy Tâm thì cười chào cô. Một anh nói:

“Xong công tác sáng rồi đấy à! Ai đây?”

“Ông anh của em đó.”

“Thế à? Cô có anh mà tôi nào biết!”

“Anh họ thôi mà.”

Anh công an có vẻ như là trưởng toán, liếc nhìn Văn một thoáng thật nhanh, rồi bỏ đi. Một anh khác nhìn Văn bằng cặp mắt soi mói. Nhưng rồi anh cũng nhìn Tâm, mỉm cười bước qua. Chờ họ đi khá xa, Văn nói lời cảm ơn rất nhỏ với Tâm. Tâm không nói gì, ngồi lại bên anh một lúc lâu cho đến khi mấy người công an bước qua toa khác mới trở về vị trí cũ của cô. Lại thêm một dịp ngắt véo, cười đùa với đồng nghiệp.

Tàu chạy đến trưa thì người đàn bà khi nãy bị xét hỏi kỹ lưỡng từ phía đầu toa lần dò bước đến chỗ Tâm

nói nhỏ gì đó. Tâm gục gặc, ra dáng suy nghĩ một lúc, rồi cùng người đàn bà ấy hướng về phía Văn. Tâm bảo người hành khách ngồi kế Văn nhích ra để dành chỗ cho người đàn bà kia ngồi sát bên anh, rồi hơi khom người xuống nói nhỏ bên tai Văn:

“Dì này bị tội gian cứ kè kè theo để móc túi hay rọc xách tay nên muốn đến ngồi ở khoảng này cho an toàn. Dì ấy cũng giống như anh, do em đem lên đó. Ai có hỏi thì anh nói anh là anh họ của em, còn đây là dì của em. Hai người là bà con với nhau nghe.”

Văn và người đàn bà ấy chào nhau.

Con tàu lao vùn vụt qua những rặng núi lởm chởm đá. Mây trắng cũng chảy phăng phăng về phía sau như những dòng sữa trắng bạc.

Người đàn bà ngồi tréo chân, hai tay đan nhau bó lấy đầu gối. Bà ấy im lặng, ít nói, mà Văn cũng không phải là loại người dễ bắt chuyện, nên chi, họ ngồi kế nhau, nhận làm bà con với nhau theo yêu cầu của Tâm, nhưng vẫn trơ trơ như hai pho tượng gỗ suốt mấy giờ đồng hồ.

Đến giờ ăn trưa, bà ấy lôi từ trong xác hành lý ra một lon *guigoz*. Thức ăn mang theo.

“Mời dùng miếng xôi với tôi nghe,” bà ấy nhỏ nhẹ nói. Đó là những lời đầu tiên bà nói với Văn. Hẳn là bà chỉ mời theo phép lịch sự xã giao vậy thôi. Văn cảm ơn, nói rằng không thấy đói và mời bà tự nhiên.

Văn giả dò nhắm mắt ngủ để bà ấy ngồi ăn thoải mái. Nhắm chừng bà ấy đã xong bữa, anh mới mở mắt ra, tiếp tục ngắm cảnh. Nhưng rồi bà lại lôi trong xác tay ra một bi-đông nước. Lại mời. Văn cảm ơn và từ chối. Bà rót nước ra cái nắp bi-đông, uống. Chỉ uống một nắp như mèo vậy thôi rồi đóng bình, cất.

Lấy khăn tay lau miệng xong, bà ấy nói:

“Chưa thấy người nào như cậu. Im lìm như một pho tượng. Nói đừng cười, trông cậu giống như một tu sĩ.”

Văn giật mình, quay nhìn bà ấy. Đôi mắt nào mà tinh nhạy đến như vậy! Hay vì bộ điệu của Văn vụng về, lạc lõng, không bắt nhịp được với những người thế tục chung quanh khiến bà ấy, hay bất cứ ai, cũng có thể nhận ra được anh là một tu sĩ? Dù sao, nhận xét bén nhạy cộng với lối bắt chuyện cởi mở của bà cũng khiến Văn cao hứng, mở tung cái hàng rào ngăn cách từ nãy giờ. Văn nói:

“Chị... thật tài. Nhìn tôi như vậy mà nói được tôi là tu sĩ thì quả là quá tinh mắt. Nhưng còn chị... nếu tôi đoán không sai thì chắc hẳn... phải là một nhà văn, hay một nhà thơ gì đó. Tóm lại là một người cầm bút.”

“Ô, hay quá. Cậu còn tài tình hơn! Cậu đoán đúng lắm.”

Nói xong câu đó, cả bà ấy lẫn Văn đều im lặng một cách thích thú. Có lẽ đã đến lúc cho đạo nhân và nghệ sĩ nói chuyện bằng tâm.

Đâu chừng nửa giờ đồng hồ sau, bà ấy mới cất tiếng trở lại:

“Tôi không phải là một tín hữu Catholic, nhưng tôi cũng tìm thấy nhiều điều thú vị trong Thánh kinh...”

Nghe bà nói câu ấy, Văn biết bà đã lầm. Bà chỉ đoán được Văn là tu sĩ chứ không đoán được anh là tu sĩ của tôn giáo nào. Có lẽ vì Văn có tóc, mặc âu phục. Hình thức đó của một linh mục, hay một mục sư dĩ nhiên là hợp lý hơn một đại đức hay một chú sa-di của Phật giáo. Văn cười nói:

“Tôi cũng thích vài câu trong Thánh kinh Thiên Chúa giáo. Nhưng tôi đọc và áp dụng giáo lý nhà Phật

hàng ngày.”

“Ừa, vậy ra cậu là... nhà sư?”

“Dạ, đúng.”

“Nhà sư mà...”

“Dạ... tại vì phải đi học nên mới ăn mặc như vậy.”

“Té ra là vậy,” bà ấy nói câu này mà lòng như ngờ ngợ chưa tin được lý do Văn vừa nêu. Trong quá khứ, người ta biết có những nhà sư khoác chiến bào để tham gia chống ngoại xâm, và thời nay, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, có những nhà sư cải trang làm người thế tục để đi vượt biên, hoạt động chính trị, chứ chưa nghe thấy nhà sư cải trang để đi học. Dĩ nhiên bà ấy không tin, nhưng vì tế nhị, bà không hỏi tới nữa. Hỏi sâu hơn nữa thì là trách nhiệm của mấy anh công an mật vụ chứ không phải là của một nữ sĩ. Họ lại im lặng thêm một lúc lâu. Đến lượt Văn mở miệng:

“Chị lấy bút hiệu gì khi viết văn làm báo?”

Khi hỏi câu ấy, Văn nghĩ đến những nhà văn, nhà thơ nữ mà anh có đọc qua. Nhưng chẳng hiểu sao, Văn lại có sự xác quyết trên chín mươi phần trăm rằng người ấy phải là Đông Phương. Vàng, phải là Đông Phương, một trong hai nhà văn mà anh muốn gặp khi vào Sài-gòn lần đầu tiên hai năm trước (hồi đó, Văn cứ tưởng vào Sài-gòn là sẽ dễ dàng gặp các nhà văn nhà thơ mà mình thích). Về phía nữ sĩ, Văn thích Đông Phương, bên nam anh thích Lê Sơn.

Lúc Lê Sơn tá túc ở một ngôi chùa tại Nha Trang trước năm 1975, Văn chưa đọc tác phẩm nào của ông và Văn cũng còn quá nhỏ để nói chuyện thích hay không thích. Chỉ biết ông là “nhà sư” diều, hơi khùng. Sau này Văn mới biết ông ấy là nhà văn khi đọc say sưa các tập truyện ngắn và tùy bút của ông và biết rằng thực ra ông

ta có điên khùng gì đâu. Nếu ông ta điên, chắc Văn cũng điên, vì anh chẳng thấy ông điên chút nào. Theo anh, Lê Sơn viết rất thực với giọng văn có lúc nghiêm trang, chừng chạc, có lúc như điệu cợt, đùa giỡn và hạ bệ không chút nể nang gì với các biểu tượng đạo đức của thế nhân.

Còn đối với Đông Phương, Văn chỉ được đọc hai trong số mười mấy tác phẩm của cô. Theo Văn, Đông Phương là một người viết tiểu thuyết rất lôi cuốn với những ý nghĩ rất thực, rất táo bạo, và lãng mạn một cách bất ngờ... Nhưng đó không hẳn là lý do mà anh thích cô hơn những nhà văn nữ khác. Tự dưng khi nghĩ đến chuyện tìm gặp một nhà văn nữ và một nhà văn nam như là hai người tiêu biểu của những người cầm bút mà mình thích, Văn nghĩ ngay đến Đông Phương và Lê Sơn. Thực ra, văn chương của họ không phải là mẫu mực của chàng. Có lẽ chàng thích họ không phải vì họ viết hay hơn những nhà văn khác, mà chỉ vì dòng văn và tư tưởng của họ có vẻ thanh thản, không vướng mắc hay bị câu thúc bởi dư luận và ước lệ xã hội. Cũng có thể Văn thích họ chỉ vì họ nói được dùm anh những ý nghĩ táo bạo khùng điên rất dễ thương mà anh thiếu thốn hoặc có chút ít mà không đủ tự do và can đảm để phơi bày.

“Cậu hỏi sao, bút hiệu à? Cậu có đọc *Nụ hôn Học trò* chưa?”

“Ô, có, có đọc, à, đúng là chị Đông Phương đó hả. Hân hạnh...”

Vậy là từ đó, họ nói chuyện nhiều hơn, thoải mái hơn. Đông Phương có biết bố mẹ Văn. Chồng của Đông Phương, tính theo tộc họ thì cũng là vai chú bác của Văn. Vậy là thành người quen. Nhưng trong thâm tâm, Văn không thích quen cô ấy bằng những liên hệ giữa cô

và gia đình hay tộc họ. Văn chỉ thích quen đơn thuần như là một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa một đạo nhân và một nghệ sĩ, giữa một chàng trai sống đời đạm bạc khuôn khổ, cổ điển và một áng mây lơ lửng trên trời, giữa anh và nhà văn nữ Đông Phương mà anh từng muốn gặp và làm quen.

Nền trời phía tây đã bắt đầu đổi sang màu tím thẫm. Con tàu như lao vùn vụt về phía vùng trời tím ấy. Đông Phương lấy một gói thuốc Đà Lạt từ trong xách tay ra, mời Văn. Văn không hút thuốc. Khoảng một năm trước, Văn cũng bắt chước người lớn tập tành hút vài điếu, nhưng không hưởng thụ được cảm giác gì ngoài ảo tưởng rằng mình trưởng thành, vì vậy, anh đã bỏ sớm. Bây giờ, Đông Phương mời, không hút cũng kỳ. Đàn ông con trai mà để cho người đàn bà—coi như đã quen—ngồi hút thuốc một mình thấy không được. Nghĩ vậy, Văn rút một điếu. Đạo nhân và nghệ sĩ phả khói thuốc giữa đám phàm phu tục tử. Dĩ nhiên là nhiều người trở mắt nhìn Đông Phương (đàn bà Việt Nam mà hút thuốc giữa đám đông ắt hẳn là một hiện tượng lạ!), luôn tiện nhìn cả Văn. Trong những người trở mắt ấy có cả Tâm.

Con tàu xù xì chạy trong đêm. Trên toa không có điện đóm gì. Ánh sáng lờ mờ của trời đêm thượng tuần không đủ soi rõ những mặt người trên toa. Chỉ còn những hình dạng người đứng ngồi nhập nhòa ẩn hiện dưới ánh muôn sao. Mọi người im lặng, ngủ. Thỉnh thoảng có một người bật diêm quẹt lên môi thuốc. Và những người khác còn thức cùng quay nhìn về hướng có ánh sáng. Nhà văn và đạo sĩ không ngủ, nhưng cũng chẳng có gì để nói. Im lặng.

Gần mười hai giờ đêm tàu mới đến được ga Bình Triệu. Lúc ấy tàu từ Bắc hay Trung vào Sài-gòn chỉ đến ga này là trạm chót chứ chưa vào sâu đến ga Hòa Hưng. Thiên hạ nhốn nháo tuôn hành lý xuống sân ga. Ổn ào kinh khủng. Văn đeo túi hành lý nhỏ gọn của mình lên vai, xách dùm Đông Phương hai cái giỏ. Họ cùng xuống tàu. Đông Phương có vẻ sợ hãi sự chen chúc giữa đám đông cũng như sự dòm ngó của những kẻ bắt lương vốn không hiếm trên tàu và nhất là dưới sân ga: nhìn đâu cũng thấy những tên lưu manh tay cầm dao nhỏ hay thanh sắt mỏng mài thật bén, đi nghênh ngang qua lại tìm cơ hội làm ăn. Rõ ràng là đạo nhân và nghệ sĩ chẳng có thứ vũ khí nào để tự vệ trong trường hợp này. Dù sao, Văn cũng là chàng thanh niên dù không cao to lực lưỡng nhưng cũng không đến nỗi choắt choai bé xiu. Ít nhất bộ dáng thanh niên của anh cũng làm bọn lưu manh kiêng dè một chút. Họ ra khỏi cổng sân ga một cách bình an.

“Cậu về Sài-gòn liền bây giờ hả?”

“Không biết nữa, nếu còn xe thì về. Hình như giờ này đã giới nghiêm rồi. Cầu Bình Triệu đã đóng.”

“Vậy cậu tính sao?”

“Chắc phải ngồi lại ở quán cà phê, chờ sáng. Khoảng ba giờ rưỡi hay bốn giờ là có xe về Sài-gòn rồi. Chị cũng phải ngồi chờ chứ đâu có đi được. Có ai đón chị không?”

“Không. Tàu bè đi kiểu này có ai biết được giờ đi giờ đến chắc chắn mà đón. Thôi, vậy đi: mình ngồi chơi chờ sáng.”

Họ đến một quán bán cơm có đèn nê-ông sáng trưng. Địa điểm thuận lợi, an toàn. Họ gọi hai ly cà phê đen đậm, rồi ngồi hút thuốc, trò chuyện.

Sau năm 1975, cả gia đình của Đông Phương (vợ

chồng và ba đứa con gái) phải đi kinh tế mới Nhiều Giang (cách Nha Trang đâu chừng 40 cây số). Nơi đó, Đông Phương bỏ bút cầm cuốc rựa, xây dựng cuộc sống mới bằng sức lao động tay chân. Người đàn bà văn nhân ấy không phải chỉ biết cầm bút và làm dáng như người ta tưởng. Bằng chứng là ngôi nhà trên kinh tế mới đã trở thành ngôi nhà đẹp, lý tưởng, với vườn tược đầy đủ các cây ăn trái là do chính bàn tay văn nhân ấy gây dựng nên. Đến nỗi Đông Phương nói rằng cô không muốn rời bỏ ngôi nhà ấy để trở về thành phố ồn ào phiến tạp nữa. Nhưng vì tương lai của đàn con mà Đông Phương quyết định vào Sài-gòn lập nghiệp. Chuyến đi này của cô là để dạo đường. Văn có hỏi về chuyện viết lách của Đông Phương từ những năm sau năm 1975. Đông Phương lắc đầu nói:

“Bỏ viết khá lâu rồi. Nhưng sẽ viết lại. Hiện đang viết một tác phẩm trong đầu mà đoạn kết bất ngờ lắm,” tũm tũm cười, “nó kết thúc bằng cuộc gặp gỡ trên chuyến tàu này, trong một đêm chờ sáng ngoài sân ga này.”

Ngồi lâu chiếm chỗ của quán không tiện, họ tìm ra vệ đường, ngồi ở dãy bùng bình trước cổng ga. Nhiều người cũng trải khăn, trải chiếu nằm ngồi la liệt nơi đây để chờ xe về Sài-gòn. Con đường vắng hoe không có xe cộ qua lại. Chỉ có tiếng người ngáy pho pho ở vệ đường và côn trùng cũng ngáy một điệu êm đềm như vậy. Sương khuya buông xuống lạnh hắt trên vai. Họ lại im lặng. Nhìn trời đêm lấp lánh muôn sao. Một chập, Văn nghe Đông Phương hát khe khẽ một bản nhạc Pháp quen thuộc.

Khi tiếng gà gáy trong xóm ga nổi tiếp cất lên, lập tức có tiếng xe máy nổ ở phía đầu cầu. Mọi người lục tục thu xếp hành lý hướng về phía ấy. Văn xách hành lý

giúp Đông Phương đến một chiếc xe lam ba bánh. Thấy Văn không lên xe, Đông Phương hỏi:

“Ừa, sao không về luôn? Về Sài-gòn mà?”

“Chị về trước đi. Tôi về bằng xe thô.”

Văn đứng lại một chốc để chờ chuyến xe của Đông Phương khởi hành. Khi xe nhớm chạy, anh đưa tay vẫy với Đông Phương. Đông Phương đưa tay vẫy lại. Xe chỉ chạy một khoảng ngắn là mất hút trong làn sương mai dày đặc. Cầu Bình Triệu cao lớn như vậy mà cũng chỉ hiện ra lòa nhòa một phần khung sắt ở đầu cầu, từ xa trông như một tòa lâu đài cổ xưa trong huyền thoại. Văn thăm cầu chúc mọi sự an lành và hanh thông đến cho Đông Phương. Rồi Văn quay mặt về hướng ga, thăm cảm ơn và giã từ Tâm, thiếu nữ tốt bụng đã giúp anh vượt một đoạn đường hiểm nạn mà anh không có dịp nói lời giã biệt.

Tác phẩm mà Đông Phương viết trong đầu, theo như lời cô ấy nói, sẽ kết thúc ở cuộc gặp gỡ kỳ thú này. Nhưng đối với Văn, cuộc gặp gỡ ấy khởi đầu một chu kỳ mới cho con đường tìm kiếm của anh.

Ngoảnh trước ngoảnh sau, chỉ thấy sương là sương. Dày đặc như ván sữa. Cầu Bình Triệu bấy giờ cũng chỉ là một cây cầu sương. Văn lững thững hướng về chiếc cầu sương mờ ảo huyền hoặc ấy. Khi bước đến đầu cầu, anh bỗng cảm thấy những hình ảnh, những kỷ niệm, những tâm tình của một ngày một đêm vừa qua, thoát cái, tan biến vào sương mai như một thoáng chiêm bao.

■